

LÊ-VI KÝ

Warren W. Wiersbe

MỤC LỤC

01. CỬA LỄ VÀ CHÚA CỨU THẾ
02. MỘT NƯỚC THẦY TẾ LỄ
03. SỰ THANH SẠCH VÀ SỰ TIN KÍNH
04. VỊ THẦY THUỐC VĨ ĐẠI
05. NGÀY TRỌNG ĐẠI VÀ THÁNH KHIẾT CỦA Y-SƠ-RA-ÊN
06. SỰ THÁNH KHIẾT LÀ MỘT ĐIỀU THỰC TIỄN
07. CÁI GIÁ CỦA CHỨC LÃNH ĐẠO THUỘC LINH
08. LỊCH CHO BIẾT TƯƠNG LAI
09. THÁNH THAY! THÁNH THAY! THÁNH THAY!
10. XỨ NÀY LÀ XỨ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI
11. TỪ QUAN TRỌNG “NẾU”
12. TÓM TẮT NHỮNG ĐIỀU HỌC ĐƯỢC TỪ SÁCH LÊ-VI-KÝ

1. CỦA LỄ VÀ CHÚA CỨU THẾ (Le 1:1-7:38)

Chúng ta hãy ôn lại những gì dân Y-sơ-ra-ên đã thực hiện trước khi đưa ra những lời chỉ dẫn được tìm thấy trong sách Lê-vi ký.

Khoảng 10 tuần lễ sau khi được giải cứu khỏi Ê-díp-tô, dân Y-sơ-ra-ên đã đến núi Si-nai (Xu 19:1). Ở đó, Đức Chúa Trời đã công bố Luật pháp của Ngài và ban cho Môi-se những lời chỉ dẫn về việc xây cất đền tạm. Môi-se đã dựng đền tạm vào ngày thứ nhất, tháng thứ nhất của năm thứ hai trong cuộc giải phóng dân tộc Y-sơ-ra-ên (40:17), vì vậy những điều chúng ta đọc thấy trong sách Xuất Ê-díp-tô ký từ chương 16-40 diễn ra trong khoảng 9 tháng (Dan 9:1-5).

Sách Dân số ký mở đầu bằng một cuộc kiểm tra dân số được thực hiện vào ngày đầu tiên của tháng *thứ hai* của năm thứ hai (Dan 1:1), có nghĩa là những gì được ghi lại trong sách Lê-vi ký xảy ra khoảng 1 tháng. Đền tạm đã sẵn sàng để được sử dụng và giờ đây Đức Chúa Trời ban cho các thầy tế lễ những lời chỉ dẫn họ cần phải biết trong việc dâng những của lễ khác nhau.

Sáu của lễ cơ bản có thể được đem đến bàn thờ trong đền tạm. Khi những người đến thờ phượng muốn bày tỏ *sự phò thác trước mặt Đức Chúa Trời*, họ đem đến của lễ thiêu, và có thể cùng với của lễ chay (“meat”- thức ăn, KJV) và của lễ quán (Dan 15:1-10). Những của lễ này nói đến sự dâng hiến trọn vẹn cho Chúa. Của lễ thù ân (“peace” – hòa bình, KJV) có liên quan đến *mối giao thông với Đức Chúa Trời*, và của lễ chuộc tội cùng của lễ chuộc sự mắc lỗi (“vi phạm”, KJV) đề cập đến *sự tẩy sạch* từ Đức Chúa Trời. Mỗi loại của lễ đáp ứng một nhu cầu cụ thể trong đời sống của người đến thờ phượng và cũng đã bày tỏ lễ thật nào đó về con người và công tác của Đức Chúa Giê-xu Christ, là của lễ trọn vẹn của Đức Chúa Trời.

Sự đổ huyết của con vật không thể làm thay đổi tấm lòng của một người hay cất đi tội lỗi của người ấy (He 10:1-4). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời xác định rằng tội lỗi của người đến thờ phượng đã được tha (Le 4:20,26,31,35 5:10,13,16,18 6:7) và Ngài đã thực hiện điều này bởi sự hy sinh của Đức Chúa Giê-xu Christ nơi thập tự giá (He 10:5-14) (1).

Giống như một số người trong các Hội Thánh ngày nay, những người Do Thái đến thờ phượng có thể chỉ trải qua những cảm xúc nhất thời tại bàn thờ, mà không đặt cả tấm lòng họ vào đó; nhưng điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời chưa thật sự tha thứ cho họ (Thi 50:8-14 61:16-17 Es 1:10-20 Mi 6:6-8). Đức Chúa Trời không muốn những của lễ của chúng ta, Ngài muốn sự vâng phục từ chính tấm lòng của chúng ta (ISa 15:22).

Những của lễ được mô tả trong Lê-vi ký chương 1-7 nhắc nhở chúng ta về những nhu cầu thuộc linh cơ bản chúng ta đều có khi là dân sự của Đức Chúa Trời: sự phò thác cho Đức Chúa Trời, sự giao thông với Đức Chúa Trời, và sự tẩy sạch từ Đức Chúa Trời.

1. Sự Phò Thác Cho Đức Chúa Trời (Le 1:1-17) (Le 1:1-2:16 6:8-23)

Của lễ thiêu (1:1-17 6:8-13) Là của lễ cơ bản bày tỏ sự tận tụy và dâng hiến cho Chúa. Khi chúng ta dâng mình cho Chúa, chúng ta đặt “tất cả trên bàn thờ” (1:9) và không giữ lại chút gì cả. Điều tương tự được ghi lại trong Tân Ước là (Ro 12:1-2), dân sự Đức Chúa Trời được thách thức làm những của lễ *sống*, hoàn toàn đầu phục Chúa.

Nghi thức về của lễ được Chúa bày tỏ và không thể đổi khác. Của lễ phải là con vật giống đực trong bày gia súc (Le 1:3-10) hoặc bày chiên (c.10-14), hoặc có thể là một con chim (c.14-17) (2), và người thờ phượng phải đem của lễ đến cửa đền tạm nơi lửa luôn cháy trên một bàn thờ bằng đồng (Le 6:13). Thầy tế lễ xem xét của lễ để biết chắc nó không có tì vết (Le 22:20-24), vì chúng ta phải dâng thứ tốt nhất của mình cho Chúa (Ma 1:6-14). Chúa Giê-xu Christ là một của lễ *không lỗi không vấp* (IPhi 1:19), là Đấng đã phó chính Ngài qua sự dâng mình trọn vẹn cho Đức Chúa Trời (Gi 10:17 Ro 5:19 He 10:10).

Ngoại trừ của lễ là chim, đối với những của lễ khác thì người dâng phải đặt một tay trên của lễ (Le 1:4), hành động này tượng trưng cho hai điều: (1) sự đồng nhất hóa của người dâng với của lễ, (2) sự chuyển nhượng điều gì đó sang của lễ. Trong trường hợp của lễ thiêu, người dâng đang nói: “Giống như con vật này được dâng hoàn toàn cho Đức Chúa Trời trên bàn thờ, tôi cũng dâng mình hoàn toàn cho Chúa.” Với những của lễ có liên quan đến sự đổ huyết, việc đặt tay có nghĩa là người dâng, về mặt tượng trưng, đang chuyển nhượng tội lỗi và sự vi phạm sang con vật sẽ chịu chết thay cho tội nhân. Ngay cả của lễ thiêu cũng thực hiện sự chuộc tội cho người dâng (c.4).

Người dâng khi ấy giết con vật, và thầy tế lễ hứng lấy huyết trong một cái chậu và rảy huyết trên các cạnh của bàn thờ (c.5,11). Thầy tế lễ chớ không phải người dâng, sẽ giết con chim và huyết của nó được vắt ra trên cạnh của bàn thờ và xác nó được đốt trong lửa trên bàn thờ (c.15-17). Xác của bò, chiên hoặc dê được sả ra, các phần thịt được rửa sạch. Sau đó mọi phần thịt, ngoại trừ da, được sắp ra trên củi (3) và được đốt trong lửa. Phần da được dành cho thầy tế lễ (Le 7:8).

Ý nghĩa về của lễ được thể hiện qua sự lặp lại của các nhóm từ “trước mặt Đức Giê-hô-va” và “cho Đức Giê-hô-va”, được tìm thấy 7 lần trong chương đầu của Lê-vi ký (c.2,3,5,9,13-14,17). Việc dâng của lễ tại bàn thờ không phải giữa người dâng với lương tâm người ấy, hoặc giữa người dâng với dân tộc, hoặc thậm chí giữa người dâng với thầy tế lễ; nhưng là giữa người dâng với Chúa. Nếu người dâng đem của lễ đến một trong những đền thờ ngoại đạo, nó có thể làm hài lòng thầy tế lễ ngoại đạo và dân sự của ông ta, nhưng nó sẽ không mang lại sự chúc phước của Chúa.

Nhóm từ “*mùi thơm*” được sử dụng 3 lần trong chương này (c.9,13,17) và 8 lần trong các chương 1-3, và nó có nghĩa là “một mùi hương thơm ngát.” Vì Đức Chúa Trời là Thần, Ngài không có thể xác, nhưng những thuật ngữ mang tính thuộc thể được sử dụng trong Kinh Thánh để miêu tả những hành động và sự đáp ứng của Đức Chúa Trời. Trong trường hợp này, Đức Chúa Trời được mô tả như đang ngửi mùi thơm và hài lòng với điều ấy (Sa 8:21 Le 26:31). Khi Chúa Giê-xu chịu chết trên thập tự giá, sự hy sinh của Ngài là một *thức hương có mùi thơm* cho Chúa (Eph 5:2), và những của lễ của chúng ta dâng lên cho Đức Chúa Trời cũng phải như thế (Phi 4:18).

Được tìm thấy trong (Le 6:9-13), Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn các thầy tế lễ phải giữ cho lửa cháy trên bàn thờ, bỏ tro khỏi bàn thờ và sau đó mang tro đến một nơi tinh sạch ngoài trại quân. Có thể chính Đức Chúa Trời đã đốt cháy ngọn lửa này khi các thầy tế lễ dâng mình và bắt đầu chức vụ của họ (Le 9:24) (4). Vì tro là thánh, nên chúng không thể bị vứt bỏ tại đồng rác của trại quân, nhưng phải được đem đến một nơi tinh sạch về mặt nghi thức. Ngay cả cái điều của chim cũng được đặt chung với tro (Le 1:16) chứ không bị xem như vật bỏ đi.

Của lễ chay (Le 2:1-16 6:14-23 7:9-10) (5) có thể được dâng tại bàn thờ dưới một trong năm hình thức: bột lọc, bánh nướng trong lò, bánh chiên trong chảo, bánh nướng trong một chảo rán (trên một cái vỉ), hay những gié lúa mới được rang và tán ra. Những bánh này giống với vỏ bánh nướng hay bột bánh pizza ngày nay. Thầy tế lễ làm nhiệm vụ chỉ đặt một phần của lễ trên bàn thờ - “phần kỷ niệm” cho Chúa - là nơi của lễ sẽ được đốt trong lửa, và phần của lễ còn lại thuộc về các thầy tế lễ dành cho sự tiêu dùng riêng. Chỉ những người nam trong gia đình mới có thể ăn nó, và họ phải làm điều đó trong nơi Thánh của đền tạm (Le 6:16,18), và với bánh không men (c.17). Của lễ chay duy nhất không được ăn là của lễ được dâng lên mỗi buổi sáng và buổi chiều bởi con trai của thầy tế lễ cả, là người sẽ kế nghiệp ông trong chức vụ (c.19-23). Hai lần một ngày, Đức Chúa Trời nhắc nhở các thầy tế lễ của Ngài rằng họ phải giữ mình cho được thánh khiết và chính trực khi hầu việc Ngài.

Vì hạt lúa tượng trưng cho kết quả công lao động của chúng ta, nên của lễ chay là một cách để dân Do Thái dâng lên cho Đức Chúa Trời những gì mà Ngài đã giúp họ làm ra. Nhũ hương được đốt với phần của lễ kỷ niệm tượng trưng cho sự cầu nguyện (Thi 141:2 Kh 5:8), là một sự nhắc nhở về lời cầu xin “*Xin cho chúng tôi hôm nay đỡ ăn đủ ngày*” (Mat 6:11). Nhưng của lễ chay không được dâng lên đơn lẻ, nó phải kèm với một trong những của lễ có sự đổ huyết. Sự nỗ lực của chúng ta không bao giờ có thể mua được sự cứu rỗi hay kiếm được phước hạnh của Đức Chúa Trời, vì nếu không có sự đổ huyết, thì không có sự tha tội (He 9:22) (6). Nhưng ai đã được cứu bởi đức tin nơi huyết đã đổ ra của Đấng Christ có thể dâng cho Chúa những gì Ngài đã giúp họ tạo ra.

Của lễ này cho biết Chúa Giê-xu Christ là Bánh Sự Sống (Gi 6:32), là Bánh tốt nhất nuôi dưỡng con người bên trong của chúng ta khi chúng ta thờ phượng và suy gẫm Lời Ngài. Điều này giải thích lý do Đức Chúa Trời đặt ra những điều kiện nghiêm ngặt mà người dâng của lễ phải đáp ứng trước khi của lễ chay được chấp nhận. Của lễ phải có dầu (Le 2:1-2,4,6,15), hoặc là được đổ trên của lễ hoặc được pha trộn với của lễ, đây là một hình ảnh về Thánh Linh Đức Chúa Trời, là Đấng đã được ban cho Đấng Christ không giới hạn (Gi 3:34). Của lễ cũng phải gồm có muối (Le 2:13 Mat 5:13), liên hệ đến bản tính thánh khiết của Chúa. Chúa Giê-xu đã ví sánh Ngài với hạt lúa mì (Gi 12:23-25) và Ngài đã bị nghiền nát (“bột lọc”) và phải qua lò lửa thương khó để có thể cứu chúng ta khỏi tội lỗi.

Men và mật bị cấm trong phần dâng của lễ chay (Le 2:11). Dân Do Thái sẽ liên tưởng men với điều ác vì có những luật lệ về Lễ Vượt Qua (Xu 12:19-20 Lu 12:1 ICô 5:8), và dĩ nhiên là không có tội lỗi nào nơi Chúa Giê-xu Christ. Mật là thứ ngọt nhất do thiên nhiên tạo ra, nhưng bản tính trọn vẹn của Chúa chúng ta là thiêng liêng chứ không từ thế gian này. Việc men và mật đều lên men cũng có thể là một nhân tố.

Của lễ quán (Dan 15:1-13) được đề cập trong (Le 23:13,18,37); nhưng “những luật lệ” của nó không được giải thích tại đây. Giống như của lễ chay, của lễ quán được dâng sau khi những con sinh tế được đặt trên bàn thờ và là một phần phải có trong của lễ thiêu (Dan 29:6,11,18-19). “Một phần tư hin rượu” (Le 15:5) là khoảng một phần tư ga-lông chất lỏng. Người dâng và thầy tế lễ đều không uống rượu, vì tất cả rượu đó được đổ trên bàn thờ. Hãy chú ý rằng những của lễ đắt tiền hơn đòi hỏi lượng rượu nhiều hơn để làm của lễ quán.

Của lễ thiêu, của lễ chay và của lễ quán đều tượng trưng cho sự dâng hiến cho Đức Chúa Trời và sự phó thác cho Ngài cùng công việc Ngài. Việc đổ rượu ra là hình ảnh tượng trưng về một đời sống được tuôn đổ ra để dâng lên cho Đức Chúa Trời. Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã bị “đổ ra như nước” (Thi 22:14) và “đổ mạng sống mình cho đến chết” (Es 53:12). Phao-lô xem chính ông bị đổ ra như một lễ quán thay cho những người Phi-líp, dự phần trong của lễ của họ (Phi 2:17); và khi ở trong tù tại Rô-ma, ông đã “bị đổ ra như một lễ quán” (ITi 4:6 NIV) khi ông thấy trước sự tuận đạo của mình.

2. Sự Giao Thông Với Đức Chúa Trời (Le 1:1-17) (Le 3:1-17 7:11-38)

Có nhiều nét đặc biệt về của lễ hòa bình hay của lễ thù ân cần phải được lưu ý. Trước hết, người dâng của lễ này có thể đem đến một con vật giống cái, là một điều không được phép đối với việc dâng những sinh tế khác. Nếu của lễ không phải về sự hoàn thành một lời hứa nguyện thì của lễ đó có thể có một vài khuyết tật và vẫn được chấp nhận (Le 22:23). Xét cho cùng, về mặt cơ bản, nó sẽ được dùng làm thức ăn cho các thầy tế lễ và gia đình của người dâng, và những khuyết tật đó sẽ không quan trọng.

Điều này đưa đến đặc điểm thứ ba của chúng ta: của lễ thù ân là của lễ duy nhất được chia sẻ với những người đến thờ phượng. Sau khi thầy tế lễ đã hoàn tất việc tế lễ, hầu hết phần thịt sẽ thuộc về ông; phần còn lại dành cho người dâng của lễ, sau đó người này có thể có một bữa tiệc chung vui cùng gia đình và bạn bè mình. Vì dân Do Thái thường không giết những con vật quý của họ để lấy thịt, nên một bữa ăn tối có thịt bò hay thịt chiên là một dịp đặc biệt. Tại lễ dâng hiến đền thờ, Sa-lô-môn đã dâng 142.000 của lễ thù ân và dân sự được dự tiệc trong suốt hai tuần lễ (IVua 8:62-66).

Ở Đông phương, việc ăn chung với những người khác là khiến họ trở thành bạn bè và đồng minh của bạn. Điều này có nghĩa là chấm dứt những sự thù địch, như Gia-cốp và cha vợ của ông là La-ban (Sa 31:54), hoặc ấn chứng về tình bằng hữu, như với Y-sơ-ra-ên và Giê-trô cùng dân sự (Xu 18:12). Trong Hội thánh ngày nay, Bữa Ăn Tối của Chúa, hay Tiệc Thánh là một bữa ăn đơn giản bày tỏ sự hiệp nhất trong gia đình Đức Chúa Trời (ICo 10:16-18 11:18-34). Đó là lý do nó được gọi là “Tiệc Thông Công.”

Tuy nhiên, bữa ăn về của lễ thù ân không chỉ là sự thưởng thức món ăn ngon và mối thông công với những người thân yêu. Nó cũng bày tỏ sự cảm tạ vui mừng khi người đến thờ phượng được hòa thuận với Đức Chúa Trời và ở trong sự giao thông với Đức Chúa Trời. Người ấy có thể dâng lời tạ ơn vì phước hạnh bất ngờ nào đó mà Đức Chúa Trời đã ban cho mình (Le 7:11-15), hoặc có thể người ấy đã lập một lời thề nguyện trước mặt Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện của người ấy. Hoặc có thể người ấy chỉ tạ ơn Đức Chúa Trời về mọi điều Đức Chúa Trời đã làm cho người ấy và muốn cho mọi người đều biết (c.16-18). Của lễ thù ân nhấn mạnh đến một sự kiện là sự tha tội sẽ đưa đến mối thông công với Đức Chúa Trời và với dân sự của Đức Chúa Trời.

(Le 7:11-38) đưa ra những điều kiện về bữa tiệc, loại thức ăn nào dành cho dân sự, loại nào dành cho thầy tế lễ, và phải làm gì với lượng thức ăn còn thừa. Huyết và mỡ (7) được dâng lên cho Đức Chúa Trời và không bao giờ được dùng như đồ ăn thường ngày (cũng có những lý do hợp lý về vệ sinh đối với luật lệ này). Bất cứ ai bị ô uế đều bị cấm đến dự tiệc và bị “truất khỏi” dân sự mình (7:20-21,25,27 17:4,9-10,14 18:29 19:8 20:3,5-6,17-18 23:29). Trong trường hợp một người vi phạm ngày Sa-bát, bị “truất” nghĩa là bị giết (Xu 31:12-14 Dan 15:32-36); nhưng chúng ta không

chắc là mọi vi phạm luật lệ về của lễ đều mang tội tử hình. Trong một số trường hợp, “bị truất khỏi dân sự mình” có thể có nghĩa là bị đưa ra “ngoài trại quân” cho đến khi người ấy làm theo những lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời trong việc tẩy uế (chương 15).

Chính trên thập tự giá, Chúa Giê-xu Christ đã đem đến sự giảng hòa (II Co 5:16-21) và hòa bình với Đức Chúa Trời (Co 1:20) cho tất cả những ai tin nhận Ngài, và chúng ta có thể bước vào mối giao thông với Đức Chúa Trời và với những tín hữu khác vì có huyết Ngài đã đổ ra (IGi 1:5-2:2). Chúng ta “dự tiệc” Đấng Christ khi chúng ta sống bởi Lời Ngài và làm cho mình trở nên thích ứng với tất cả những gì Ngài dành cho chúng ta và làm cho chúng ta. Thay vì đem đến những con vật, chúng ta dâng cho Đức Chúa Trời “của lễ tạ ơn” (Thi 116:17) và “của lễ bằng lời ngợi khen” (He 13:15) từ tấm lòng tinh sạch biết ơn về sự thương xót của Ngài.

3. Sự Tẩy Sạch Từ Đức Chúa Trời (Le 1:1-17) (Le 4:1-6:7,24-30 7:1-10)

Của lễ chuộc tội và chuộc sự mắc lỗi (hoặc vi phạm) rất giống nhau và thậm chí được điều khiển bởi cùng một luật (7:1-10). Nói chung, của lễ chuộc sự mắc lỗi dành cho những tội lỗi của cá nhân có ảnh hưởng đến con người và tài sản và qua của lễ này có thể đem đến sự phục hồi, còn của lễ chuộc tội tập trung vào sự vi phạm nào đó về Luật pháp đã được thực hiện mà không có sự cố ý. Của lễ chuộc sự mắc lỗi chú trọng đến *sự thiệt hại* do người phạm lỗi gây ra cho người khác, còn của lễ chuộc tội nhấn mạnh đến *tội lỗi* của người phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời. Thầy tế lễ sẽ xem xét người vi phạm và quyết định của lễ nào được cần đến.

Nhóm từ được lặp lại “lầm lỡ” (4:2,13,22,27 5:15) nghĩa là không phải tội nhân không biết về luật pháp, nhưng họ không biết mình đã vi phạm luật pháp. Họ đã trở nên ô uế hoặc bất tuân mà không nhận ra điều đó. Tuy nhiên, sự thiếu hiểu biết không xóa đi sự phạm tội. “Dầu người đó không biết, vẫn mắc lỗi” (c.17, xem thêm c.1-5 để có những ví dụ về những tội liên quan) (8). Một khi tội lỗi của họ đã được nhận biết thì nó phải được xưng ra và giải quyết. Đa-vít đã sử dụng chính từ này khi ông cầu nguyện, “Xin Chúa tẩy sạch tôi khỏi những lỗi kín giấu” (Thi 19:12), nghĩa là “những tội lỗi tôi không biết trong đời sống tôi.”

Không có của lễ nào dành cho người “kiêu căng” cố tình phạm tội trong ánh sáng của luật pháp Đức Chúa Trời (Dan 15:30-36). Khi Đa-vít lấy Bát-sê-ba và sau đó mưu sát chồng bà (II Sa 11:1-12:31), ông đã cố tình phạm tội với cặp mắt mở to. Vì vậy, ông biết rằng hy vọng duy nhất của ông là sự thương xót của Đức Chúa Trời (Thi 51:1,11,16-17). Là vua, ông có thể đem đến hàng ngàn của lễ, nhưng chúng sẽ không phải là những “của lễ công bình” (c.19).

Của lễ chuộc tội (Le 4:1-5:13 6:24-30) (9) phải được đem đến cho Chúa dù tội nhân là ai; và địa vị của người có tội càng cao trong dân sự thì của lễ phải càng đắt giá. Đặc quyền càng lớn thì trách nhiệm và tầm quan trọng càng lớn. Nếu thầy tế lễ cả phạm tội, người ấy phải đem đến một con bò tơ (Le 4:1-12). Nếu cả hội chúng phạm tội, họ cũng phải đem đến một con bò tơ (c.13-22). Một quan trưởng đem đến một dê con đực (c.22-26) còn một “thường dân” (thành viên trong cộng đồng, NIV) đem đến một dê con cái hoặc một chiên con cái (c.27-35). Một người nghèo có thể đem đến một con chim cu hay chim bồ câu, và một người quá nghèo có thể đem đến một của lễ không có huyết là bột lọc (5:7-13).

Dù con vật nào được đem đến thì người vi phạm cũng phải đồng nhất hóa với của lễ bằng cách để tay lên của lễ. Khi cả dân tộc phạm tội, chính những trưởng lão là những người làm việc này (4:15) vì với tư cách là những quan trưởng, họ chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời để theo dõi đời sống thuộc linh của dân sự. Con vật bị giết, và huyết được dâng lên cho Đức Chúa Trời. Trong trường hợp thầy tế lễ cả và dân sự, một phần huyết được rảy trước bức màn và được bôi trên các sừng của bàn thờ xông hương trong nơi Thánh rồi đổ hết phần huyết còn lại tại chân của bàn thờ. Điều này nhắc nhở mọi người rằng tội lỗi của các quan trưởng có những hậu quả lớn hơn. Huyết của các con sinh tế do các quan trưởng hoặc dân chúng đem đến được xức vào các sừng của bàn thờ bằng đồng hoặc tại cửa đền tạm.

Hãy chú ý rằng trong khi mỡ của con sinh tế được đốt trên bàn thờ, nhưng xác con sinh tế được đốt ở một nơi tinh sạch ngoài trại quân (c.8-12,21). Vì sao? Trước hết, điều này sẽ phân biệt của lễ chuộc tội và của lễ thiêu để những người đến thờ phượng không bị nhầm lẫn khi họ quan sát. Nhưng còn hơn thế, nó nhắc nhở dân sự rằng tội lỗi của thầy tế lễ cả và toàn hội chúng sẽ làm ô uế cả trại quân; và của lễ chuộc tội quá thánh khiết nên không thể giữ trong một trại quân không thánh khiết. Cuối cùng, theo (He 13:10-13), đây là hình ảnh về Chúa Giê-xu Christ của chúng ta, Đấng đã chịu chết “ngoài cửa thành . . . ngoài trại quân” để làm của lễ chuộc tội cho chúng ta (He 13:12-13 NIV).

Kết quả của nghi lễ này là sự tha thứ (Le 4:20,26,31,35 5:10,13 6:7). Như tôi đã đề cập trước đó, dù của sinh tế không thể cất đi tội lỗi hay làm thay đổi tấm lòng của con người, nhưng những của lễ này sẽ cho thấy Cửa lễ trọn vẹn là Chúa Giê-xu Christ (He 10:1-15). Ngài là của lễ chuộc tội của chúng ta (Es 53:4-6,12 Mat 26:28 ICo 5:21 IPhi 2:24).

Của lễ chuộc sự mắc lỗi (Le 5:14-6:17 7:1-10) được cần đến cho hai loại tội: những tội nghịch với “những vật thánh của Đức Giê-hô-va” (5:15) và nghịch với người lân cận (6:1-7). Loại thứ nhất bao gồm những vi phạm cần phải có những của lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời, những lời hứa nguyện, việc kỷ niệm những ngày đặc biệt, v.v., còn những ví dụ về loại thứ hai được trình bày trong câu 2-3.

Nghi lễ này đòi hỏi tội nhân phải xưng ra tội lỗi mình (Dan 5:7), bồi hoàn tài sản có liên quan hoặc số tiền tương đương, trả khoản tiền phạt tương đương 20% giá trị của tài sản bị thiệt hại, và dâng một chiên đực cho Chúa (Le 5:15,18). Thầy tế lễ đánh giá con chiên đực để biết chắc giá trị của nó để người vi phạm không tìm cách chuộc tội mình bằng việc dâng cho Chúa cái gì đó rẻ tiền. Khoản bồi hoàn và số tiền phạt trước tiên được giao cho thầy tế lễ để ông ấy biết có được phép dâng của lễ hay không (6:10). Nếu người bị hại không còn để nhận lấy tài sản hay tiền bồi thường thì có thể trả cho một trong những người bà con của người ấy, nếu vẫn không có người bà con nào thì phần ấy thuộc về thầy tế lễ (Dan 5:5-10).

Của lễ chuộc sự mắc lỗi minh họa một sự thật rất nghiêm túc rằng *sẽ là một điều rất đắt giá đối với con người khi phạm tội và đối với Đức Chúa Trời để tẩy sạch tội lỗi*. Tội lỗi của chúng ta làm tổn thương Đức Chúa Trời và tổn thương những người khác. Sự ăn năn thật sẽ luôn đem theo nó một khao khát về sự phục hồi. Chúng ta sẽ muốn làm cho mọi sự trở nên hòa thuận với Đức Chúa Trời và với những người chúng ta đã phạm tội. Sự tha thứ chỉ đến vì cơ sự chết của một con vật thay thế vô tội. Đoạn văn trong (Es 53:10) xác định rõ rằng khi Chúa Giê-xu chết trên thập tự giá, Đức Chúa

Trời đã khiến Con Ngài trở nên “một của lễ chuộc tội” (NIV). Án phạt mà chúng ta lẽ ra phải trả thì Ngài đã trả thay cho chúng ta!

Chúng ta không thể đi sâu vào chi tiết về những của lễ này; nhưng điều chúng ta đã học phải giúp chúng ta nhận ra sự kinh khiếp của tội lỗi, tính chất quan trọng của việc xưng tội và phục hòa, sự nhân từ của Đức Chúa Trời trong việc tha thứ những người tin đến Đức Chúa Giê-xu Christ, và tình yêu kỳ diệu của Cứu Chúa chúng ta trong việc Ngài sẵn sàng chịu chết cho những người không xứng đáng như chúng ta.

Chúa Giê-xu chu cấp mọi điều chúng ta cần, Ngài là của lễ thiêu của chúng ta và chúng ta phải dâng mình hoàn toàn cho Ngài. Ngài là của lễ chay của chúng ta, là hạt giống bị nghiền nát và bị đưa qua lửa, để chúng ta có thể có bánh của sự sống, và chúng ta phải sống bởi Ngài. Ngài là của lễ quán của chúng ta, Đấng đã đổ chính Ngài ra qua sự hy sinh và hầu việc, nên chúng ta phải đổ chính mình ra cho Ngài và cho người khác. Ngài là của lễ thù ân của chúng ta, khiến đời sống trở nên một bữa tiệc vui mừng thay cho một nạn đói đau khổ. Ngài là của lễ chuộc tội và của lễ chuộc sự mắc lỗi của chúng ta, vì Ngài đã mang tội lỗi của chúng ta trên thân thể Ngài (IPhi 2:24) và đã trả giá đầy đủ cho tội lỗi của chúng ta (IPhi 1:18-19).

Dân tộc Y-sơ-ra-ên phải dâng 6 của lễ khác nhau để có một mối liên hệ đúng đắn với Đức Chúa Trời, nhưng Chúa Giê-xu Christ đã “dâng một của lễ chuộc tội đời đời” (He 10:12) và giải quyết vấn đề tội lỗi của chúng ta một cách trọn vẹn.

Chính bạn có tin rằng Chúa Giê-xu Christ đã chết thay cho mọi tội lỗi của bạn và trả hết nợ của bạn chẳng? Bạn có thể nói như Ma-ri rằng: “Linh hồn tôi ngợi khen Chúa, tâm thần tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời là Cứu Chúa tôi” (Lu 1:46-47 NKJV). Nếu không, hãy tin Ngài hôm nay, nếu bạn đã tin Ngài, hãy chia sẻ tin mừng này với người khác.

Chúa Giê-xu đã phán với một tội nhân ăn năn: “Đức tin ngươi đã cứu ngươi, hãy đi trong sự bình an” (Lu 7:50 NKJV).

Thật là những lời kỳ diệu đáng chú ý thay!

Xu 2:1-19; xem giải nghĩa Le 1:1-17

Xu 3:1-17; xem giải nghĩa Le 1:1-17

Xu 4:1-35; xem giải nghĩa Le 1:1-17

Xu 5:1-19; xem giải nghĩa Le 1:1-17

Xu 6:1-30; xem giải nghĩa Le 1:1-17

Xu 7:1-38; xem giải nghĩa Le 1:1-17

2. MỘT NƯỚC THẦY TẾ LỄ (Le 8:1-10:20)

Dưới Giao Ước Cũ, dân sự Đức Chúa Trời **có** một chức thầy tế lễ; Dưới giao ước mới, dân sự Đức Chúa Trời là một “chức tế lễ thánh” và một “chức tế lễ nhà vua” (IPhi 2:5,9). Mỗi tín hữu trong Chúa Giê-xu Christ có thể đồng thanh với sứ đồ Giăng rằng: “Đấng yêu thương chúng ta đã lấy huyết mình rửa sạch chúng ta khỏi tội lỗi chúng ta và làm cho chúng ta trở nên nước và thầy tế lễ của Đức Chúa Trời là Cha Ngài, Đấng đáng được sự vinh hiển và quyền thống trị đời đời vô cùng” (Kh 1:5-6 NKJV).

Mong muốn của Đức Chúa Trời là cả dân Y-sơ-ra-ên làm “một nước thầy tế lễ và một dân tộc thánh” (Xu 19:6), nhưng họ đã quên Ngài và trở nên một “nước mắc tội, dân mang lỗi nặng nề” (Es 1:4). Một lý do dân tộc này suy sụp về đạo đức và thuộc linh là vì các quan trưởng không nên thánh và không vâng phục khi Đức Chúa Trời truyền lệnh. Cuối cùng Ngài phải sai Ba-by-lôn trừng phạt Y-sơ-ra-ên “vì có tội lỗi của các tiên tri nó và sự gian ác của các thầy tế lễ nó” (Ca 4:13). Giê-rê-mi đã nói: “Một việc kinh tởm và đáng căm phẫn đã xảy ra trong đất này. Những kẻ tiên tri nói tiên tri dối, các thầy tế lễ cai trị bằng chính quyền hạn của họ và dân ta yêu thích điều đó như vậy. Nhưng các ngươi sẽ làm gì lúc cuối cùng?” (Gie 5:30-31 NIV).

Đức Chúa Trời muốn Hội Thánh Ngài hôm nay là “một dân tộc thánh, một dân thuộc về Đức Chúa Trời, hầu cho (họ) có thể rao ra những lời ngợi khen Ngài, Đấng đã gọi (họ) ra khỏi sự tối tăm vào trong sự sáng kỳ diệu của Ngài” (IPhi 2:9 NIV). Các thầy tế lễ Do Thái là một dân có đặc quyền, nhưng họ xem thường đặc quyền của mình và góp phần dẫn dắt dân sự vào sự phạm tội. Thậm chí sau khi dân Do Thái từ Ba-by-lôn trở về xứ và lập lại sự thờ phượng của họ, các thầy tế lễ cả đã không dâng cho Đức Chúa Trời điều tốt nhất của họ, và Ngài đã quở trách họ (Ma 1:6-2:17).

Các chương 8-10 mô tả lễ phong chức kéo dài 8 ngày dành cho thầy tế lễ cả A-rôn và các con trai ông. Là những thầy tế lễ được chọn của Đức Chúa Trời, họ phải nhận lấy ba trách nhiệm quan trọng: đầu phục thẩm quyền của Đức Chúa Trời (ch 8), bày tỏ vinh hiển Đức Chúa Trời (ch 9), và chấp nhận kỷ luật của Đức Chúa Trời (ch 10).

1. Đầu Phục Thẩm Quyền Của Đức Chúa Trời (Le 8:1-36)

Ít nhất 20 lần trong ba chương này bạn sẽ tìm thấy từ *phán dặn*. Môi-se và A-rôn không cần phải đặt ra một lễ phong chức. Chính Đức Chúa Trời, Đấng đã chỉ dẫn Môi-se cách xây đền tạm cũng sẽ cho ông biết phải phong chức cho các thầy tế lễ như thế nào và cách thức các thầy tế lễ phải hầu việc trong đền tạm ra sao (Xu 28:29). Không có chỗ cho sự tình cờ hay tưởng tượng ở đây. Môi-se phải làm mọi điều theo như Đức Chúa Trời đã chỉ cho ông ở trên núi (25:40 26:30 27:8 He 8:5).

Trong chức vụ của hội thánh ngày nay, các lãnh đạo thuộc linh phải luôn hỏi: “Kinh Thánh dạy có mục đích gì?” (Ro 4:3 NKJV), Đức Chúa Trời không để chúng ta trong sự tối tăm về việc nhận biết Hội thánh Ngài là gì, phải được dẫn dắt như thế nào, và cần phải làm gì, nhưng nếu chúng ta thay thế những tư tưởng con người cho Lời Đức Chúa Trời, chúng ta *sẽ ở* trong sự tối tăm! (Es 8:20). Những điều mới lạ và những điều gây thích thú trong tôn giáo có rất nhiều, tạo nên những người nổi tiếng và làm gia tăng hội chúng nhưng không phải lúc nào cũng tôn cao Chúa hoặc gây dựng Hội Thánh. Chúng ta cần những người lãnh đạo như Môi-se, là người sẽ dành thời gian “ở trên núi” và tìm thấy từ Lời Chúa điều Đức Chúa Trời muốn dân sự Ngài làm theo.

Hội chúng được triệu tập (Le 8:1-5). Lễ phong chức A-rôn và các con trai ông là một sự kiện công khai như mọi lễ phong chức phải như thế (Cong 13:1-3 16:1-3 ITi 4:14). Điều trước hết là họ phải hầu việc Đức Chúa Trời và tìm cầu làm đẹp lòng Ngài (Xu 28:1,3-4,41), nhưng họ cũng sẽ là những người đầy tớ giữa vòng dân sự. Việc tất cả dân sự trong trại quân tập hợp cùng một lúc tại cửa đền tạm là điều không thể xảy ra, nên có lẽ đó là những trưởng lão và các quan trưởng nhóm lại, đại diện cho các chi phái và các chi tộc khác nhau (Le 9:1). Được biệt riêng cho chức vụ là một điều nghiêm túc, và nó phải được thực hiện dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời và được dân sự Đức Chúa Trời làm chứng.

A-rôn và các con trai ông được tắm rửa (Le 8:6). Việc này có thể đã được thực hiện tại chậu rửa trong sân đền tạm (Xu 38:8). Các thầy tế lễ được tắm rửa theo nghi thức khắp toàn thân nhưng chỉ *một lần*; từ đó trở đi, họ sẽ rửa tay và chân tại chậu rửa trong khi họ hầu việc trong đền tạm (Xu 30:17-21). Khi tội nhân tin Đấng Christ, họ được rửa sạch khỏi tội lỗi một lần đủ cả (Kh 1:5-6 ICo 6:9-11). Con cái Đức Chúa Trời cần phải giữ chân mình sạch sẽ bằng cách xưng tội với Chúa (Gi 13:1-10 IGi 1:9). Trong Kinh Thánh, nước dùng để rửa là hình ảnh về Lời Đức Chúa Trời (Thi 119:9 Gi 15:3 Eph 5:25-27). Khi chúng ta suy gẫm Lời Đức Chúa Trời và áp dụng vào đời sống mình, Thánh Linh Đức Chúa Trời sẽ dùng Lời Ngài để tẩy sạch chúng ta và khiến chúng ta càng trở nên giống Đấng Christ hơn (IICo 3:18).

A-rôn được mặc áo (Le 8:7-9). A-rôn và các con trai ông đều mặc áo trong bằng vải gai (Xu 28:42-43 Le 6:8-10 Xu 20:26), nhưng thầy tế lễ cả sẽ mặc những chiếc áo đẹp thật đặc biệt, được mô tả trong Xuất Ê-díp-tô ký chương 28. Trước tiên, Môi-se mặc cho A-rôn áo ngoài màu trắng thêu cực xảo và cột bằng thắt lưng. Trên đó ông mặc áo choàng xanh có những chuông vàng và hạt ngọc trên đường viền áo. Trên áo này có một ê-phốt bằng vải gai, là một áo choàng không tay được thắt bằng một cái đai đặc biệt, cả ê-phốt và đai đều được thêu cực xảo bằng chỉ màu đỏ điều, xanh, tím và vàng. Trên ê-phốt là bản đeo ngực, là một miếng vải thêu được gấp đôi lại, trên đó là 12 viên đá quý đại diện cho 12 chi phái Y-sơ-ra-ên, và trong đó là “u-rim và thumim” (1). Trên đầu thầy tế lễ cả đội mũ vải gai (hoặc mũ tròn không vành), với một “vương miện” đặc biệt ở phía trước được khắc những chữ **THÁNH CHO ĐỨC GIÊ-HÔ-VA**.

Mỗi “thầy tế lễ tín hữu” đều được mặc bằng vẻ đẹp và sự công bình của Chúa Giê-xu Christ và được chấp nhận trong Ngài (Es 61:10 IICo 5:21 Eph 1:6). Sự công bình của chúng ta chỉ là những miếng giẻ rách nhóp nhúa trước mặt Đức Chúa Trời mà thôi (Es 64:6). Tội lỗi chúng ta phơi bày trước Đức Chúa Trời thánh khiết thật gớm ghê dường bao! Thầy tế lễ cả được chấp nhận trước mặt Đức Chúa Trời vì quần áo mà Đức Chúa Trời đã chu cấp trong ân điển Ngài.

A-rôn và đền tạm được xúc dầu (Le 8:10-12). Việc này được thực hiện bằng một loại dầu đặc biệt mà không ai được bắt chước làm theo trong trại quân, nó cũng không được sử dụng cho bất kỳ ai ngoài thầy tế lễ (Xu 30:22-33). Trong Kinh Thánh, dầu thường là một biểu tượng về Thánh Linh Đức Chúa Trời, Đấng xúc dầu cho mỗi tín hữu (IICo 1:21 IGi 2:20,27 Thi 133:1-3). Từ Hê-bơ-rơ “Mê-si-a” và từ Hy-lạp “Christ” đều có nghĩa là “Đấng được xúc dầu” (Lu 4:18 Cong 10:38). Sự kiện “sự xúc dầu của Đức Giê-hô-va” ở trên các thầy tế lễ đã biệt riêng họ với dân chúng và điều chỉnh những việc họ có thể và không thể làm (Le 8:30 10:7 21:12,20).

Các con trai A-rôn được mặc áo (Le 8:13). Họ không có áo đẹp của thầy tế lễ cả, nhưng áo họ mặc vẫn do Đức Chúa Trời phán bảo, vì áo choàng và mũ vải gai của họ tượng trưng cho sự thánh khiết trước mặt Đức Chúa Trời về tính cách và hạnh kiểm. “Nhưng hãy mặc lấy Đức Chúa Giê-xu Christ, chớ chăm nom về xác thịt mà làm cho phỉ lòng đục nó” (Ro 13:14).

Những của lễ khác nhau được dâng lên (Le 8:14-29). Bò tơ dùng làm của lễ chuộc tội cho A-rôn và các con trai ông có thể thực hiện việc tẩy sạch tội lỗi của họ, và chiên đực dùng làm của lễ thiêu tượng trưng cho sự tận hiến cho Chúa. Huyết từ của lễ chuộc tội còn làm thánh hóa bàn thờ.

“Con chiên đực về lễ phong chức” thay thế cho của lễ thù ân, tượng trưng cho mối giao thông của họ với nhau và với Chúa. Từ đực dịch là “lễ thụ chức” hoặc “lễ phong chức” nghĩa là “bổ khuyết.” Một phần sinh tế, cùng với của lễ chay (c.25-26) được đặt trong hai tay của A-rôn, vì thế làm đầy lòng hai bàn tay, và được đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va. Sau đó, phần này sẽ được ăn. Nhưng phần duy nhất của nghi lễ là việc bôi huyết và dầu trên tai phải, ngón tay cái bên phải và ngón chân cái bên phải của A-rôn và các con trai ông, tượng trưng cho việc họ được biệt riêng ra để nghe tiếng Đức Chúa Trời, làm công việc của Đức Chúa Trời và bước đi trong đường lối của Đức Chúa Trời.

Việc huyết được đổ ra là rất cần thiết trước khi Đức Chúa Trời có thể chấp nhận A-rôn và các con trai ông làm người hầu việc trong đền tạm thánh của Ngài. Vì là Con Thánh của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Giê-xu Christ, Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta không cần phải có những của lễ như thế (He 9:1-28). Thay vào đó, Ngài là một của lễ trọn vẹn “cắt tội lỗi thế gian đi” (Gi 1:29).

Các thầy tế lễ được xức dầu (Le 8:30). A-rôn đã được đổ dầu thánh trên đầu ông (Le 8:12), nhưng giờ đây cả ông cùng các con trai ông được rảy dầu và huyết của những con sinh tế lấy từ bàn thờ. Điều này có nghĩa là họ và quần áo của họ đã được “thánh hóa”, được Đức Chúa Trời biệt riêng cho chính Ngài. Các thầy tế lễ và quần áo họ mặc đều không thể được sử dụng cho những mục đích “chung” Họ hoàn toàn thuộc về Đức Chúa Trời.

Chiên đực của lễ phong chức được ăn (c.31-36). Vào tuần lễ kế tiếp, A-rôn với các con trai ông phải ở trong sân đền tạm, và mỗi ngày, Môi-se dâng những của lễ giống như những của lễ ông đã dâng vào “ngày phong chức” (Xu 29:35-36). Các thầy tế lễ khi ấy ăn thịt của “chiên đực về lễ phong chức” cũng như bánh về của lễ chay, giống như họ sẽ ăn những của lễ thù ân. Tuy nhiên, có một sự khác biệt: họ không được phép ăn thịt vào ngày kế tiếp (Le 7:15-16). Bất cứ thứ gì còn lại phải được thiêu trong cùng một ngày. Bảy ngày của họ trong phạm vi đền tạm cho thấy sự trọn vẹn của việc họ dâng mình cho Chúa. Nếu họ bất tuân và rời khỏi đền tạm, họ sẽ chết. Việc trở nên một trong những thầy tế lễ của Đức Chúa Trời là một điều nghiêm túc (2).

2. Bày Tỏ Vinh Hiển Của Đức Chúa Trời (Le 9:1-24)

A-rôn và các con trai ông đã vâng theo những điều răn của Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi tuần lễ này đã qua, họ đã sẵn sàng để bắt đầu hầu việc Chúa tại bàn thờ. Cho đến thời điểm này, Môi-se đã dâng các của lễ, giờ đây A-rôn và các con trai ông sẽ nhận lấy chức vụ tế lễ của họ.

Dâng tế lễ trên bàn thờ của Đức Chúa Trời (Le 9:1-21). A-rôn và các con trai ông phải dâng một bò tơ đực làm của lễ chuộc tội và một chiên đực làm của lễ thiêu. Từ đó, họ sẽ dâng một của lễ thiêu trên bàn thờ mỗi buổi sáng và buổi chiều (c.16 Xu 29:38-42). Mỗi ngày phải bắt đầu và kết thúc bằng sự dâng hiến trọn vẹn cho Chúa. Vì là những người không trọn vẹn nên các thầy tế lễ trước hết phải dâng của lễ cho chính họ trước khi có thể dâng của lễ cho dân sự (He 7:25-28).

Tuy nhiên, lễ phong chức của họ cũng đòi hỏi việc dâng những của lễ cho dân sự (Le 9:3-4): một con dê đực để làm của lễ chuộc tội, một bò con và một chiên con để làm những của lễ thiêu, một con bò tơ và một con chiên đực để làm của lễ thù ân, cùng với những của lễ chay. Có những thầy tế lễ được thánh hóa mà không có một dân được thánh hóa thì sẽ không thích hợp. Đức Chúa Trời nhân từ biết bao khi ban

cho tội nhân phương cách của sự tha thứ, sự dâng hiến và sự giao thông; và chúng ta có mọi điều này trong Đức Chúa Giê-xu Christ!

Môi-se nói với dân sự và cho họ biết rằng vinh hiển của Chúa sẽ hiện ra khi lễ phong chức đã được hoàn tất (c.6), giống như vinh hiển Ngài đã hiện ra khi đền tạm được dựng lên (Xu 40:34-38). *Một trong những mục đích chính của chức vụ đền tạm là làm vinh hiển Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là Đấng mà sự vinh hiển Ngài đã ngự trên ngài thương xót trong nơi chí thánh.* Các dân tộc ngoại đạo quanh họ có các thầy tế lễ và các cửa lễ, nhưng họ không có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Ngược lại, họ đã “không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời”, và đã “đổi vinh hiển của Đức Chúa Trời không hề hư nát thành một hình tượng” (Ro 1:21,23). Đức Chúa Trời ghét sự thờ hình tượng vì nó cướp đi của Ngài vinh hiển thuộc về Ngài, và nó cướp đi của dân sự Đức Chúa Trời những phước hạnh Ngài muốn chia sẻ với họ.

Khi A-rôn đã hoàn tất xong mọi của lễ này, ông cùng các con trai ông và dân Y-sơ-ra-ên được tha thứ, dâng mình hoàn toàn cho Chúa và ở trong mối thông công với Ngài. Thứ tự về các của lễ thật có ý nghĩa: chúng ta trước hết phải giải quyết tội lỗi mình trước khi có thể dâng mình hoàn toàn cho Chúa, sau đó chúng ta có thể vui hưởng mối thông công với Ngài.

Dự phần vào sự chúc phước của Đức Chúa Trời (Le 9:22-23a). Một trong những đặc quyền của thầy tế lễ cả là đặc quyền được chúc phước cho dân sự. Vào ngày đầu tiên của chức vụ mình, A-rôn đã ban cho họ *hai* sự chúc phước. Sau khi đã dâng các của lễ, ông đưa ra sự chúc phước đầu tiên; và ông đưa ra sự chúc phước thứ hai cùng với Môi-se sau khi họ từ đền tạm đi ra khi đã kết thúc lễ phong chức.

Sự chúc phước thứ nhất có lẽ là lời chúc phước của thầy tế lễ cả được ghi trong (Dan 6:23-26). Nó theo sau các của lễ. Điều này nhắc nhở chúng ta rằng mọi phước hạnh chúng ta có đều đến chỉ sau khi công tác của Chúa Giê-xu Christ được hoàn tất trên thập tự giá (Eph 1:3-7). Nếu chúng ta không biết Đức Chúa Giê-xu Christ là Cứu Chúa và Chúa chúng ta, chúng ta không có bất cứ phước hạnh thuộc linh nào, và chúng ta không thể cầu xin Đức Chúa Trời chúc phước người khác qua chúng ta. Sự chúc phước thứ hai chỉ đến sau thời gian Môi-se và A-rôn ở trong đền tạm, và điều này nhắc nhở rằng chúng ta phải ở trong mối thông công với Đức Chúa Trời và với nhau nếu chúng ta muốn là một sự phước hạnh cho người khác.

Nhìn thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời (Le 9:23-24). Vinh hiển của Chúa đã hiện ra khi Môi-se dựng xong đền tạm (Xu 40:34-35), và vinh hiển ấy sẽ tái hiện tại lễ cung hiến đền thờ (IISu 7:1). Đức Chúa Trời nhân từ biết bao khi đã chia sẻ vinh hiển Ngài với một dân tội lỗi!

Sự vinh hiển đã ngự trong đền tạm cuối cùng đã rời khỏi trại quân vì tội lỗi của dân sự (ISa 4:21). Vinh hiển ấy đã trở lại tại lễ cung hiến đền thờ nhưng sau đó tiên tri Ê-xê-chi-ên đã nhìn thấy sự vinh hiển ấy cất lên vì dân sự đã trở nên quá tội lỗi (Exe 8:4 9:3 10:4,18 11:22-23). Vinh hiển đã đến trên đất khi Chúa Giê-xu giáng sinh (Lu 2:8-9) và tạm trú trong Ngài (Gi 1:14), nhưng những con người tội lỗi đã đóng đinh sự vinh hiển ấy vào thập tự giá. Ngày nay, vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự trong thân thể của dân sự Ngài (ICo 6:19-20), trong mỗi hội chúng địa phương của dân sự Ngài (ICo 3:16-17), và trong toàn thể Hội Thánh Ngài (Eph 2:19-22). Một ngày nào đó, chúng ta sẽ nhìn thấy vinh hiển ấy chiếu sáng thành thánh trên trời mà Đức Chúa Trời đang chuẩn bị cho dân sự Ngài (Kh 21:22-23).

Lửa của Đức Chúa Trời thiêu cháy của lễ thiêu (IISu 7:1-3), và cho dân sự một điều bảo đảm rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời ở giữa họ và ở cùng họ. “Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt” (He 12:29) và lửa đó có thể thiêu đốt dân sự! Điều này nhắc nhở chúng ta rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã giáng trên Con Ngài hơn là trên tội nhân là những kẻ đáng bị đoán xét (ICo 5:21 IPhi 2:24).

Sự đáp ứng trái ngược của dân sự giúp chúng ta hiểu rõ hơn về kinh nghiệm của sự thờ phượng, vì họ đã tràn ngập sự vui mừng. Có sự vui mừng trong lòng họ khi Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống đã đoái đến mà ngự giữa họ và chấp nhận sự thờ phượng của họ, nhưng trong họ cũng có sự kính sợ khi dân sự sắp mặt xuống trong nỗi sợ hãi. Hai thái độ này cân bằng nhau, “khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách kính sợ, và mừng rỡ cách run rẩy” (Thi 2:11). Phao-lô nhìn thấy điều này như một kinh nghiệm đáng ao ước và chuẩn mực trong hội chúng địa phương (ICo 14:23-25). Nếu chúng ta phục vụ mà không làm vinh hiển Đức Chúa Trời, vậy Đức Chúa Trời không thể chúc phước cho sự phục vụ ấy và dùng nó để giúp cho những người khác và chinh phục kẻ hư mất.

3. Chấp Nhận Kỷ Luật Của Đức Chúa Trời (Le 10:1-20)

Một ngày mà lẽ ra phải kết thúc bằng sự thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời một cách vui mừng thì ngược lại đã đi đến đỉnh điểm bằng đám tang của hai con trai A-rôn. Những lời phát biểu của C.H. Mackintosh thật thích đáng và mạnh mẽ:

“Trang sử nhân loại đã từng bị vấy bẩn một cách đáng buồn. Đây là một trang sử ghi lại sự thất bại từ đầu đến cuối. Giữa mọi sự vui thỏa tại vườn Ê-đen, con người đã lắng nghe lời giả dối của kẻ cám dỗ (Sa 3:1-24); khi được giữ khỏi sự đoán phạt bởi cánh tay của sự yêu thương tự nguyện, và được dẫn dắt vào vùng đất đã được phục hồi, con người đã phạm tội say sưa quá độ (Sa 9:1-29); khi được đưa vào xứ Ca-na-an, bởi cánh tay mở rộng của Đức Giê-hô-va, con người đã “bỏ Đức Giê-hô-va hầu việc Ba-anh và At-tạt-tê” (Cac 2:13); khi được đặt tại đỉnh cao của quyền lực và sự vinh hiển trên đất, với sự giàu có không kể xiết dưới chân mình, con người đã dâng lòng cho kẻ xa lạ không chịu cắt bì (IVua 11:1-43). Những phước hạnh của Phúc Âm được công bố chưa bao lâu thì đã đến lúc cần thiết để Thánh Linh nói tiên tri về “kẻ tham lam khốn khổ”, “sự bội đạo” và mọi kiểu thất bại. . . Như vậy, con người đã hủy hoại mọi sự.” (3)

Tội lỗi của Na-đáp và A-bi-hu. (Le 10:1-2). Mọi điều hai người này đã làm là sai trật. Trước hết, họ *không phải là những người* dùng hương xông để dâng lên cho Chúa. Đây là nhiệm vụ của cha họ, thầy tế lễ cả (Xu 30:7-10). Họ cũng sử dụng *sai dụng cụ*, là những lư hương của riêng họ thay vì lư hương của thầy tế lễ cả, được thánh hóa bởi một loại dầu xức đặc biệt (40:9). Họ đã hành động *sai thời điểm*, vì chỉ vào ngày lễ chuộc tội hằng năm thì thầy tế lễ cả mới được phép đem hương xông vào nơi Chí thánh, và thậm chí khi ấy ông phải tuân theo một nghi lễ đặc biệt (Le 16:1).

Họ đã hành động *sai quyền hạn*. Họ không hỏi ý kiến của Môi-se hay cha của họ và cũng không tìm cách làm theo Lời Đức Chúa Trời, là Lời mà Môi-se đã tiếp nhận. Khi đốt hương, họ đã dùng *sai lửa*, điều mà Kinh Thánh gọi là *lửa lạ* (10:1 NIV nói *lửa trái phép*). Thầy tế lễ cả được lệnh đốt hương trên than được lấy từ bàn thờ bằng đồng (16:12), nhưng Na-đáp và A-bi-hu tự cung cấp lửa cho mình và Đức Chúa Trời đã từ chối lửa ấy. Họ hành động với *động cơ sai lầm* và không tìm cầu để làm vinh hiển duy Đức Chúa Trời (10:3). Chúng ta không biết những điều sâu kín trong lòng

họ, nhưng bạn có ấn tượng rằng những gì họ đã làm là hành động cố tình của lòng kiêu ngạo. Mong muốn của họ không phải là làm thánh hóa và làm vinh hiển Chúa nhưng là đề cao bản thân họ và muốn trở nên những người quan trọng.

Cuối cùng họ cũng đã cậy nơi nguồn lực sai lầm vì những câu 9-10 ngụ ý rằng họ bị tác động của rượu điều này nhắc chúng ta về (Eph 5:18) “Đừng say rượu...nhưng phải đầy dẫy Đức Thánh Linh” Nếu mọi con cái Đức Chúa Trời đều bị giết, là những đã người dùng năng lực của thể xác thay cho quyền năng Thánh Linh thì chẳng có nhiều người sẽ được để lại! A.W.Tzer đã có lần nói: “Nếu Đức Chúa Trời cất đi Thánh Linh Ngài ra khỏi thế gian này, nhiều Hội Thánh đang làm sẽ vẫn cứ tiếp tục, và không ai biết sự khác nhau.”

Na-đáp và A-bi-hu không phải là những người bên ngoài, họ là những thầy tế lễ đã được xức dầu, *đã được nhìn thấy Đức Chúa Trời ở trên núi* (Xu 24:1-11). Cha họ là thầy tế lễ cả, và họ được huấn luyện trong sự hầu việc Chúa. Nhưng họ đã bị giết vì sự bất tuân của mình! “Vậy, nếu anh em nghĩ mình đang đứng vững, hãy cẩn thận để anh em không bị ngã!” (ICo 10:12 NIV). Làm tội tở của Đức Chúa Trời là một điều nghiêm túc, và sự hầu việc của chúng ta phải được Thánh Linh Ngài ban quyền năng và được điều khiển bởi Lời Ngài. Chúng ta phải hầu việc Đức Chúa Trời “một cách có thể chấp nhận được bằng sự tôn trọng và kính sợ, vì Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt” (He 12:28-29).

Sự đau buồn của A-rôn (Le 10:3-11). Đặc quyền của chức vụ luôn đi cùng với trách nhiệm và sự hy sinh. A-rôn không được phép than khóc cho cái chết của hai con trai lớn của ông (Le 10:6-7 21:10-12) nhưng phải ở trong khu vực đền tạm và hoàn tất lễ phong chức. Hai cháu trai của ông lo cho việc chôn cất xác (Xu 6:21-22).

Có thể chúng ta thấy lạ khi Đức Chúa Trời đã giết Na-đáp và A-bi-hu thay vì chỉ cần cảnh cáo họ, nhưng thường bắt đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử cứu rỗi, Chúa đem đến sự xét đoán để cảnh cáo dân sự. Chức vụ tế lễ tại đền tạm sắp bắt đầu, và Chúa muốn bảo đảm rằng các thầy tế lễ phải hiểu được sự nghiêm túc trong công việc của họ. Khi Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa, Đức Chúa Trời đã sử dụng sự bất tuân của A-can làm một sự cảnh cáo (Gios 7:1-26), và sự chết của U-xa là sự cảnh cáo của Ngài khi hòm giao ước được mang đến Giê-ru-sa-lem (II Sa 6:1-7). Đầu thời kỳ Hội Thánh, sự chết của A-na-nia và Sa-phi-ra là một sự cảnh cáo cho các thánh đồ đừng tìm cách nói dối Đức Chúa Trời (Cong 5:1-11)

Các thầy tế lễ chỉ dạy dân sự tính khác biệt giữa những điều thánh khiết và không thánh khiết thì chưa đủ. Họ cũng phải thực hành điều đó trong chính đời sống họ. Đây là một trong những gánh nặng về sứ điệp của tiên tri Ê-xê-chi-ên (Exe 22:26 42:20 44:23 48:14-15).

Sự chân thành của A-rôn (Le 10:12-20). Vì Môi-se quan tâm để không điều răn nào khác của Chúa bị bất tuân và để sự xét đoán của Ngài không giáng xuống lần nữa, ông khuyên A-rôn và hai con trai còn lại của người biết chắc rằng phải ăn phần của họ về của lễ thù ân (Le 7:28-36). Họ cũng phải ăn phần của mình về của lễ chuộc tội (6:24-30). Môi-se đã phát hiện ra rằng A-rôn và các con trai người đã không ăn phần ấy. Trước hết ông nổi giận, nhưng lời giải thích của A-rôn làm ông hài lòng.

A-rôn giải thích rằng ông không thể ăn của lễ với một lương tâm vui vẻ vì có sự buồn rầu đã xảy đến với ông ngày ấy. Chúa biết lòng ông, và ông sẽ không tìm cách lừa dối Đức Chúa Trời bằng việc đóng vai kẻ giả hình. A-rôn biết rằng việc tuân giữ

lễ nghi một cách máy móc sẽ không làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, vì Chúa nhìn nơi tấm lòng và muốn sự vâng phục, chứ không phải của lễ (ISa 15:22-23 16:7 Thi 51:16-17 Mi 6:6-8). Luật pháp không cho phép A-rôn bày tỏ sự đau khổ của ông theo những cách thông thường, nhưng luật pháp không cấm ông kiêng ăn, và sự kiêng ăn là cách ông bày tỏ nỗi đau khổ của mình về sự mất hai con trai của ông.

Khi bạn nhìn lại ba chương này, có nhiều bài học nổi bật rõ ràng:

(1) Lời Đức Chúa Trời phán dạy chúng ta về chức vụ mình, và chúng ta phải vâng theo điều Ngài phán. Những chỉ dẫn của Đức Chúa Trời được trình bày chi tiết hơn đối với các thầy tế lễ Cựu Ước so với những người thi hành chức vụ trong thời Tân Ước, nhưng những nguyên tắc và ví dụ đã được trình bày một cách rõ ràng trong Tân Ước để chúng ta không đi sai lạc.

(2) Chúng ta dâng mình cho Đức Chúa Trời, và Ngài phong chức cho chúng ta vì sự hầu việc Ngài. Ngài cần những tôi tớ thanh sạch, đầu phục, vâng lời và được “đánh dấu” bởi huyết và dầu.

(3) Nếu không có công việc được hoàn tất của Đấng Christ và quyền năng của Thánh Linh, chúng ta không thể hầu việc Đức Chúa Trời cho đẹp ý Ngài (IPhi 2:5). Không có lòng nhiệt thành thuộc thể hoặc “lửa lạ” nào có thể thay thế sự dâng hiến đầy đủ Thánh Linh cho Đức Chúa Trời. Hãy biết chắc “lửa” của chức vụ bạn đến từ bàn thờ của Đức Chúa Trời chứ không phải từ thế gian này.

(4) Chúng ta thi hành chức vụ trước hết cho Chúa và vì sự vinh hiển của Ngài. Dù chúng ta có hy sinh và hầu việc thật nhiều nhưng nếu Đức Chúa Trời không được vinh hiển thì không thể có sự phước hạnh.

(5) Những đặc quyền của chức vụ luôn kèm theo những trách nhiệm quan trọng. “Vì ai đã được ban cho nhiều thì sẽ bị đòi lại nhiều” (Lu 12:48).

(6) Niềm vui lớn nhất của chúng ta trong đời sống phải là hầu việc Chúa và quy vinh hiển cho danh Ngài. “Khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách kính sợ, và mừng rỡ cách run rẩy” (Thi 2:11).

3. SỰ THANH SẠCH VÀ SỰ TIN KÍNH (Le 11:1-12:8)

“Sự thanh sạch ở cạnh sự tin kính.”

John Wesley thường được biết đến với câu nói ấy (1), nhưng nó dường như là một câu châm ngôn đã được lưu truyền trước thời của ông. Thật ra cách Wesley trưng dẫn câu nói ấy trong bài giảng của ông - “On Dress” cho thấy thánh giả của ông đã quen thuộc với câu châm ngôn này.

Dân Do Thái sẽ nhận ra ngay câu nói này; trong trại quân Y-sơ-ra-ên, những ý niệm về *sự thanh sạch và sự tin kính* đã được hòa quyện với nhau đến nỗi chúng gần như đồng nghĩa với nhau. Dân Do Thái kính sợ bị ô uế về nghi thức do đã chạm đến vật gì hay ăn thức ăn nào đó. Từ việc sinh nở đến việc chôn cất, dân Do Thái phải đầu phục trong mọi khía cạnh của đời sống họ trước thẩm quyền của luật pháp Đức Chúa Trời. Dù đó là việc lựa chọn hay chuẩn bị thức ăn, chăm sóc người mẹ và trẻ sơ sinh, chẩn đoán một căn bệnh, hay việc vứt bỏ một món đồ thừa, không có gì được để lại trong trại quân Y-sơ-ra-ên để ai đó có thể bị ô uế. Để duy trì sự thánh khiết về mặt nghi thức, mỗi người Do Thái phải vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời trong nhiều lãnh vực của đời sống.

1. Việc ăn (Le 11:1-23)

Vì Nô-ê đã biết về loài vật thanh sạch và không thanh sạch (Sa 7:1-10), sự phân biệt này thuộc về một truyền thống xưa đã có trước Bộ luật của Môi-se. Một sinh vật “thanh sạch” hay “không thanh sạch” không có liên quan gì đến giá trị của con vật, nó tùy thuộc vào điều Đức Chúa Trời phán về con vật ấy. Khi ban ra những luật này, chắc chắn Đức Chúa Trời đã nghĩ đến sức khỏe của dân sự Ngài (Xu 15:26; Phu 7:15), nhưng mục đích chính của chế độ ăn uống là để nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên rằng họ thuộc về Đức Chúa Trời và họ phải giữ mình khỏi mọi sự gì sẽ làm ô uế họ. “Hãy nên thánh vì ta là thánh”, (Xem Le 11:44 Phu 14:3-20 để có bản liệt kê tương tự về thức ăn thanh sạch và không thanh sạch).

Tuy nhiên, nguyên tắc thuộc linh về sự phân rẽ khỏi sự ô uế được áp dụng cho dân sự Đức Chúa Trời ngày nay. Việc chúng ta biết Đức Chúa Trời phải tạo ra sự khác biệt trong mọi khía cạnh của đời sống chúng ta. “Vì anh em đã được mua bằng một giá, vậy hãy làm vinh hiển Đức Chúa Trời qua thân thể và qua linh hồn anh em đã thuộc về Đức Chúa Trời” (ICo 6:20 NKJV). “Vậy anh em, hoặc ăn hoặc uống, hay làm bất cứ việc gì, hãy làm tất cả vì vinh hiển của Đức Chúa Trời” (ICo 10:31 NKJV). Đức Chúa Trời đã không ban cho Hội thánh Ngài danh sách các vật thanh sạch và không thanh sạch, nhưng Ngài đã bày tỏ đầy đủ cho chúng ta qua Lời Ngài để giúp chúng ta biết điều gì làm đẹp lòng Ngài và điều làm buồn lòng Ngài.

Ba sự kiện cần phải được lưu ý về các luật ăn uống: (1) Đức Chúa Trời chỉ ban những luật này cho dân tộc Do Thái; (2) việc vâng theo những luật ấy đảm bảo cho sự tinh sạch về nghi thức nhưng không thể tự động biến đổi bản tính con người trở nên thánh khiết; (3) những luật này mang tính tạm thời và đã chấm dứt trên thập tự giá của Đấng Christ (Co 2:14).

Chúa Giê-xu cho các môn đồ Ngài biết rõ rằng mọi thức ăn đều là thanh sạch (Mac 7:1) và Đức Chúa Trời đã dạy bài học này một lần nữa cho Phi-e-rơ trước khi Ngài sai ông đi rao giảng cho những người ngoại “không thanh sạch” (Cong 10:9-16). Phao-lô xác định rằng những ngày lễ và những thức ăn đặc biệt không nên được xem là *phương tiện* hoặc là *thước đo* cho mức độ thuộc linh của một người (Ro 14:1-15:13). “Nhưng đồ ăn không đem chúng ta đến gần Đức Chúa Trời, chúng ta chẳng tệ hơn nếu chúng ta không ăn và cũng không tốt hơn nếu chúng ta ăn” (ICo 8:8 NIV). Thật sai lầm khi xét đoán Cơ-đốc nhân khác dựa trên cơ sở họ ăn cái gì (Co 2:16-23). Nếu họ vẫn tin Lời Đức Chúa Trời rằng mọi đồ ăn đều thanh sạch và cầu xin Đức Chúa Trời chúc phước cho đồ ăn của họ thì họ có quyền ăn thức ăn đó (ITi 4:1-6) (2).

Chúng ta không cần phải nhận biết hết mọi sinh vật được kể tên trong chương này. Thật ra, một số loài trong số này là bí ẩn đối với chúng ta. Hãy nhớ rằng luật này kể tên những sinh vật *tiêu biểu* và không tìm cách đưa ra một danh sách trọn vẹn. Môi-se trình bày những đặc điểm chung của các sinh vật được cho phép và không cho phép, và dân sự phải nhận thức rõ trong việc áp dụng luật. Nếu một sinh vật đáng bị nghi ngờ, thì nó phải bị chối từ; việc mạo hiểm để trở nên ô uế không mang ý nghĩa gì cả.

Các loài vật trên đất (Le 11:1-8). Hai yêu cầu được đưa ra là loài vật này phải nhai thức ăn và móng rẽ ra. Một con vật chỉ có một trong hai đặc điểm này thì không được xem là sạch sẽ và không được ăn. Từ Hê-bơ-rơ được dịch là “thỏ rừng” trong câu 6 (“con thỏ”-rabbit) chỉ về một con vật mà chúng ta không quen thuộc, vì các loài thỏ

mà chúng ta biết thì không nhai thức ăn. Những chuyển động của hàm và mũi thò nhìn bên ngoài có vẻ nó đang nhai thức ăn, nhưng đó không phải là trường hợp này.

Các loài vật dưới nước (Le 11:9-12). Những loài vật này phải có vây và vảy thì mới ăn được. Vì thế mọi loài sò, hến, tôm, cua, cá trê, lươn... đều bị cấm. Những sinh vật dưới nước là loài ăn xác thối rữa và đào bới dưới lòng biển nên có thể mang những ký sinh trùng gây nguy hiểm cho sức khỏe của người ăn. Vì loài cá bơi tự do trong nước nên chúng có thể thoát khỏi những sự lây nhiễm đó.

Loài chim (Le 11:13-19). Những con chim bắt mồi ăn xác chết bị ô uế bởi xác chết của nạn nhân cũng như bởi huyết vẫn còn trong xác chết. Điều này khiến chúng trở nên ô uế gấp đôi. Khi dân Y-sơ-ra-ên thèm ăn thịt, Đức Chúa Trời đã ban cho họ chim cút (Xu 16:1-13 Dan 11:31-35).

Loài côn trùng bay (Le 11:20-23). Mọi loài côn trùng đều bị cấm trừ ra những loại nào có cẳng sau gấp nối được dùng để nhảy, như là cào cào, châu chấu, con ve, con đế... Những sinh vật này thường không phải là thức ăn của người phương Tây, nhưng nhiều người ở Đông phương ăn phần thân của chúng nướng lên. Giảng Báp-tít đã sống bằng châu chấu và mật ong (Mat 3:4). Dân Do Thái sẽ tránh xa loài gián, ruồi và những loài côn trùng khác.

Vài năm trước đây, trong suốt thời gian kiểm tra sức khỏe định kỳ của tôi, bác sĩ khám phá rằng lượng đường trong máu của tôi khá cao. Ông kiểm tra cẩn thận và rồi cho tôi biết là tôi có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường, khả năng tai biến nghiêm trọng, giống như một cơn đột quy hoặc mù lòa. Giải pháp dễ dàng nhất cho vấn đề của tôi là giảm cân, vì vậy tôi lập tức ăn kiêng. Ông ta cho tôi một lời khuyên hữu ích: “Hãy nhớ bí quyết của việc ăn kiêng thoải mái là học cách ghét những thứ không tốt cho anh và thưởng thức những thứ tốt cho anh.”

Điều đó đã có tác dụng! Tôi theo chế độ ăn uống đó, làm mất vị giác của mình về đồ ngọt cùng những món tráng miệng nhiều chất đường, chẳng bao lâu tôi đã loại bỏ được sự tăng cân đe dọa đến sức khỏe của tôi, nếu không muốn nói là mạng sống của tôi. Chúng tôi đã kiểm soát được lượng đường trong máu!

Dân Do Thái dưới Giao Ước phải tiếp nhận một quan điểm tương tự về đời sống. Họ phải học cách xem thường những thức ăn Đức Chúa Trời phán là không sạch và tận hưởng những thức ăn Đức Chúa Trời đã phán là sạch. Đó là sự chọn lựa giữa việc làm thỏa lòng mình và bị ô uế hoặc làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và được thanh sạch. Không thể có sự lựa chọn “nước đôi”. Nếu bất cứ thức ăn nào đáng nghi vấn, nó phải tự động bị loại bỏ, nhờ đó họ không bất tuân Đức Chúa Trời và làm cho mình ra ô uế.

Khi tôi còn là một tín hữu trẻ tuổi, ai đó đã cho tôi một bản sao của cuốn sách nhỏ “Người khác có thể, bạn không thể” (Other may, you cannot), và nó đã giúp đỡ rất nhiều cho tôi. Tôi biết rằng tôi phải có những sự hướng dẫn từ Đức Chúa Trời chứ không phải từ người khác, và tôi phải sẵn sàng để sống khác biệt. Mong ước lớn lao của tôi phải là làm đẹp lòng Chúa cách vui mừng, không phải miễn cưỡng, và không phải để thấy mình có thể đến gần tội lỗi mà vẫn không gặp rắc rối như thế nào.

2. Sự Chạm Đến (Le 11:24-43)

Đoạn này nhấn mạnh đến việc tránh sự ô uế gây ra bởi việc chạm đến những sinh vật chết, là loài tinh sạch lẫn không tinh sạch. Nếu một người Do Thái tình cờ thấy xác chết của một con vật, thậm chí là loài tinh sạch thì người ấy biết nó đã bị ô uế vì

máu huyết đã không được dẫn lưu đúng cách và thịt cũng không được bảo vệ khỏi sự ô nhiễm. Khi Sam-sôn ăn mật từ xác chết của con sư tử, ông đã làm cho mình ô uế và không phải là một người Na-xi-rê nữa (Cac 14:1-9 Dan 6:6,9). Dù mật ngọt đến đâu, nó vẫn ô uế trước mặt Đức Chúa Trời, và điều này đã làm cho Sam-sôn ô uế.

Những người trở nên ô uế vì chạm đến xác súc vật đều bị xem là không thanh sạch cho đến ngày cuối ngày. Họ phải tắm mình rồi giặt quần áo và không thể vào trại quân cho đến lúc mặt trời lặn. Điều này giữ cho họ không làm lây lan cho người khác sự ô nhiễm nào họ có thể đã mang do chạm đến con vật chết. Nếu một sinh vật chết rơi vào một chậu sành, chậu phải bị đập bể. Bất cứ vật gì bị xác súc vật chạm đến đều ô uế và phải được rửa sạch hoặc bỏ đi.

Thật dễ nhìn thấy những lý do về vệ sinh đằng sau những qui tắc này, và chắc chắn việc vâng theo những qui tắc đó giúp dân Do Thái tránh được bệnh tật. Nhưng lý do chính cho những luật này là để dạy dỗ dân sự hiểu rõ giá trị của sự thanh sạch và tránh xa những gì không thanh sạch. Lời khuyên của Phao-lô đối với người Cô-rinh-tô là một ứng dụng đương thời về nguyên tắc này và phải được suy gẫm, và làm theo bởi bất cứ tín hữu nào xem trọng một đời sống nên thánh (IICo 6:14-7:1).

Môi-se cũng thêm con thằn lằn, loại gặm nhấm, và những loài bò trườn vào danh sách thức ăn bị cấm (Le 11:29-30). Những sinh vật nhỏ bé này có thể chết và bị che đậy đến nỗi người ta sẽ không biết xác chết có ở đó trước khi họ chạm đến nó và trở nên ô uế. Xác chết cũng có thể rơi vào một thùng đựng hàng hoặc một đồ vật và điều này sẽ làm cho đồ vật đó bị ô uế. Phụ nữ Do Thái rất cẩn thận trong việc nội trợ của họ để không có sự sơ xuất nào làm cho dân sự bị ô uế.

Trong Lê-vi ký chương 11, bạn tìm thấy từ *không thanh sạch* (hay *ô uế*) đến 32 lần và có 10 lần nhắc đến từ *góm ghiếc*. Vật gì Đức Chúa Trời đã phán là không thanh sạch thì đó phải là một sự góm ghiếc trong mắt chúng ta. “Khốn thay cho kẻ gọi dữ là lành, gọi lành là dữ, lấy tối làm sáng, lấy sáng làm tối” (Es 5:20). Bước đầu hướng đến sự bất tuân thường là việc “phân loại lại” tội lỗi và làm cho nó trở nên có thể chấp nhận được thay vì đáng góm ghiếc.

Chẳng hạn, Đức Chúa Trời phán rằng cây ở giữa vườn bị cấm đối với người nam và người nữ, nhưng Ê-va lại “thấy cây đó bộ ăn ngon” (Sa 3:6) và đã hái quả của cây ấy. Đức Chúa Trời phán rằng mọi chiến lợi phẩm của Giê-ri-cô đều ở dưới sự giới hạn thiêng liêng và không được để các binh sĩ Do Thái chạm đến (Gios 6:16-17), nhưng A-can đã sửa đổi sự phân biệt đó và lấy đi một số chiến lợi phẩm (Gios 7:16-26). Điều đó khiến ông ta phải trả giá bằng mạng sống của mình. Sa-mu-ên bảo vua Sau-lơ phải giết tất cả dân A-ma-léc cùng bầy chiên, bầy gia súc của họ, nhưng vua đã để cho A-ga sống và giữ lại “những con tốt nhất về chiên và bò” (ISa 15:15). Sau-lơ đã phân loại lại những gì Đức Chúa Trời phán là góm ghiếc và nghĩ rằng điều này sẽ khiến nó được chấp nhận, nhưng sự đại dột của ông đã khiến ông mất nước.

Ngày nay, chúng ta sống trong một xã hội chối bỏ những điều tuyệt đối về đạo đức và đề cao một đạo đức “hay thay đổi” mà vốn chẳng phải là đạo đức gì cả. Giống như những người được mô tả trong sách Các Quan Xét, mọi người đang làm điều đúng theo mắt mình (Cac 21:25). Nhưng sự phân loại của xã hội về tội lỗi đã không làm thay đổi bất cứ điều gì, Đức Chúa Trời vẫn gọi tội lỗi là một sự góm ghiếc và vẫn xét đoán nó.

Các bác sĩ có thể bị kiện về hành động phi pháp nếu họ thực hiện sự chẩn đoán sai lầm và đưa ra cách điều trị sai lầm. Nhưng một giáo sư đại học, một người truyền bá chủ nghĩa tự do, hoặc một nhà bình luận thời báo có thể biện hộ cho tội lỗi, bảo vệ sự đỗi bại và được hoan nghênh về lời chẩn đoán khéo léo. Vì sao ? “Vì lòng người đỗi trá hơn mọi vật và rất xấu xa” (Gie 17:9) và người ta yêu “sự tối tăm hơn sự sáng vì những việc làm của họ là xấu xa” (Gi 3:19).

Nhà truyền giáo Billy Sunday thường nói rằng, một tội nhân không thể tìm thấy Đức Chúa Trời với cùng một lý do mà một phạm nhân không thể thấy một viên cảnh sát: phạm nhân không quan sát kỹ cho lắm! Tiên tri Giê-rê-mi đã viết: “Các tiên tri và thầy tế lễ đều giống nhau, tất cả đều làm sự gian dối. Chúng nó rịt vết thương cho dân Ta như thể nó không nghiêm trọng. Chúng nó nói, bình an, bình an, mà chẳng có bình an chi hết” (Gie 8:11 NIV). Những người bị bắt bớ là những người có sự chẩn đoán đúng và có cách điều trị duy nhất, trong khi những người có sự chẩn đoán sai và cách điều trị vô ích lại được tôn cao. “Những kẻ tiên tri nói tiên tri đỗi, và các thầy tế lễ bởi đó mà cầm quyền, và dân Ta đều lấy làm ưa thích” (Gie 5:31).

3. Sự Phân Biệt (Le 11:44-47)

Nếu dân Do Thái muốn giữ cho được thanh sạch và làm đẹp lòng Chúa, họ phải thực hiện sự phân biệt rõ rệt. Điều này có nghĩa là biết Lời Đức Chúa Trời, tôn trọng và vâng theo Lời Đức Chúa Trời. Những người cha, người mẹ phải dạy con cái họ luật pháp và cảnh cáo chúng về những điều không thanh sạch (Phu 6:1-9). Các thầy tế lễ phải dạy dỗ dân sự và nhắc nhở họ về những điều răn của Chúa. Chính khi dân Y-sơ-ra-ên bỏ qua Lời Đức Chúa Trời và không vâng theo Lời ấy là lúc dân sự bắt đầu làm theo những hành động gớm ghiếc của các dân tộc ngoại đạo quanh họ, và đây là điều dẫn đến sự kỷ luật và sự thất bại của dân Y-sơ-ra-ên.

Dân Do Thái phải tự nhắc nhở mình từng ngày từng giờ rằng họ thuộc về Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, và được thuộc về dân tộc Y-sơ-ra-ên là một đặc quyền cao trọng và thánh khiết. “Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi, hãy dâng mình và nên thánh, vì ta là thánh” (Le 11:44 NIV). Theo ngôn ngữ Tân Ước, “Hãy bước đi cách xứng đáng với chức phận mà anh em đã được gọi” (Eph 4:1 NKJV). Vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời không phải là một gánh nặng, đó là một đặc quyền! Như Môi-se đã nhắc nhở dân sự ông: “Vì há có dân lớn nào có Đức Chúa Trời quá gần, như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta gần chúng ta, mà chúng ta có thể kêu cầu Ngài với bất cứ lý do nào chẳng ? Và há có nước lớn nào có những luật lệ và những sự xét đoán công bình như trong cả luật pháp này mà ngày nay ta đặt trước mặt các ngươi chẳng ?” (Phu 4:7-8 NKJV).

Người Do Thái thời Cựu Ước, giống như Cơ-đốc nhân thời Tân Ước, không nên bước đi “như những người ngoại khác bước đi, trong sự hư không của ý tưởng mình” (Eph 4:17). Đó là một sự cám dỗ để “đi theo” và rồi bắt chước những hành động tà đạo của các dân tộc ngoại đạo, và điều này dẫn đến sự ô uế và sự kỷ luật của dân Y-sơ-ra-ên. Tôi sợ rằng Hội Thánh ngày nay đang đi theo triết lý tương tự và ngày càng trở nên giống thế gian. G.Campbell Morgan đã đúng khi ông nói rằng Hội Thánh làm nhiều nhất cho thế gian khi Hội Thánh ít giống thế gian nhất.

Những người Do Thái nào thực hành sự phân biệt về thuộc linh sẽ “bước đi trong tình yêu” (Eph 5:2), và tình yêu của họ đối với Chúa sẽ thúc đẩy họ vâng theo luật pháp của Ngài. Mỗi buổi sáng, người Do Thái chính thống sẽ đọc bài “Shema”- lời

xưng nhận đức tin chính thức của người Do Thái: “Hỡi Y-sơ-ra-ên hãy nghe, Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai. Người hãy hết lòng, hết linh hồn và hết sức kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người” (Phu 6:4-5 NIV). Đó vẫn là điều răn lớn hơn hết (Mat 22:34-40).

Giống như dân Y-sơ-ra-ên trong thời Cựu Ước, tín hữu ngày nay không những phải bước đi xứng đáng với sự kêu gọi của họ và bước đi trong tình yêu, mà còn phải “bước đi thận trọng...hiểu ý muốn của Chúa là gì” (Eph 5:15,17). Chúng ta phải giữ cho mắt mình mở ra và cẩn thận nhìn xung quanh để không làm ô uế chính mình. Những người Do Thái nào biết vật gì Đức Chúa Trời phán là thanh sạch và không thanh sạch, những người nào luôn có sự thận trọng, có lẽ đều không muốn chạm đến cái gì đó không thanh sạch và làm họ bị ô uế. Khi chúng ta “bước đi như các con sáng láng” (Eph 5:8), chúng ta sẽ không vấp ngã trên xác chết nào đó trong sự tối tăm. Vì Lời Đức Chúa Trời là ánh sáng hướng dẫn chúng ta (Thi 119:105).

Chúa đã nhắc nhở dân sự Ngài rằng chính Ngài đã chuộc họ khỏi ách nô lệ Ê-díp-tô (Le 11:45). Vì vậy, họ thuộc về Ngài và có bốn phận vâng theo ý muốn Ngài. Đấng Christ đã cứu chuộc chúng ta, không phải để chúng ta có thể tự do làm thỏa lòng mình, nhưng để chúng ta có thể tự do hầu việc Ngài, đó là sự tự do lớn hơn hết. Khi ban ra luật pháp của Ngài, Chúa thường sử dụng phép lạ về cuộc hành trình rời khỏi Ê-díp-tô để kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên đến sự vâng lời (19:36 22:31-33 25:38,42,55 26:13,45). Theo ngôn ngữ Tân Ước, dân Do Thái đã “được mua bằng một giá” và có bốn phận làm vinh hiển Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu chuộc họ (ICo 6:20 IPhi 1:18-25).

Một trong những dấu hiệu của sự trưởng thành là khả năng “nhận biết sự khác biệt” (Le 11:47) và sự phân biệt đúng sai. Khi một nhà nghiên cứu bệnh học nhìn qua kính hiển vi, người ấy có thể nhìn thấy sự khác biệt giữa một tế bào khỏe mạnh và một tế bào ung thư. Người nhạc sĩ chuyên nghiệp có thể nhận ra ngay sự khác biệt giữa nốt nhạc đúng với nốt nhạc gần đúng, và nhà văn chuyên nghiệp biết được sự khác nhau giữa “bất cứ từ nào” với từ đúng. Tương tự, người tín hữu trưởng thành có thể thực hành sự phân biệt, nhận biết được điều gì không tinh sạch và tránh nó. Hãy nhớ, trẻ con có xu hướng bước đi trong bùn sình và bị vấy bẩn.

Điều mà tiên tri Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên trong thời của ông thật đúng với nhiều người tự xưng là Cơ-đốc nhân ngày nay. “Người vấp ngã ngày và đêm, và các tiên tri vấp ngã cùng với người... Dân ta bị diệt vì có thiếu sự thông biết” (Os 4:5-6 NIV). “Nhưng đồ ăn đặc là để cho kẻ thành nhân, luôn luôn rèn luyện chính mình để phân biệt điều lành và điều dữ” (He 5:14 NIV). Bình luận về (ICo 2:13-16), Vance Havner đã nói: “Không có gì hiếm hoi trong các Hội Thánh ngày nay hơn là sự phân biệt. Con người tự nhiên chẳng biết gì về điều này, người xác thịt tránh né nó. Chỉ có người thuộc linh có được sự phân biệt và chúng ta có quá ít trong số đó.”

4. Sự Tẩy Uế (Le 12:1-8)

Đức Chúa Trời nhân từ đã định liệu về việc tẩy sạch và phục hồi cho bất cứ ai bị ô uế. Đối với những trường hợp bình thường về sự không thanh sạch, thủ tục thông thường là để cho dân sự tắm rửa chính họ và giặt quần áo họ rồi ở ngoài trại quân cho đến chiều tối. Dân số ký chương 19 mô tả sự chuẩn bị “nước tẩy ố” đặc biệt được giữ ngoài trại quân và được sử dụng cho sự tẩy sạch về mặt nghi thức. Nhưng với một số loại ô uế, những phương sách thêm vào là cần thiết, như trong những trường hợp

về sự sinh nở (chương 12) và những vết thương nhiễm trùng hoặc những căn bệnh khác (chương 13-15).

Mẹ và trẻ sơ sinh (Le 12:1-5). Khi sinh con, người mẹ phải trải qua sự lưu huyết (c.4,5,7) cũng như tiết ra những chất dịch khác trong cơ thể (chương 15), điều này khiến người ấy chịu ô uế về mặt nghi thức. Chủ đề của chương này không phải là sự thánh khiết cá nhân, nhưng là sự tẩy uế *theo nghi thức* dành cho sản phụ, nếu không thực hiện nghi thức này thì người ấy không thể hội nhập vào đời sống thường ngày trong gia đình và trong trại quân.

Vì vậy, không điều gì trong chương 12 cần phải được giải thích để dạy dỗ rằng tình dục là “dơ bẩn”, sự mang thai là ô uế hay trẻ sơ sinh là không tinh sạch. Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người “người nam và người nữ” (Sa 1:27) và khi Đức Chúa Trời tuyên bố sự sáng tạo của Ngài là “rất tốt lành” (c.31) thì lời tuyên bố này bao gồm cả vấn đề sinh lý. Ngài đã phán bảo tổ phụ đầu tiên của chúng ta “hãy sanh sản thêm nhiều” (c.28). Mặc cho những thái độ tiêu cực đương thời đối với trẻ sơ sinh, Kinh Thánh cho thấy con cái là những phước hạnh từ Đức Chúa Trời (Thi 113:9 127:3-5 128:3 Ch 17:6 Mat 19:14). Nếu vì lý do nào đó mà sự mang thai là vô ích thì dân Do Thái sẽ không bao giờ nghĩ đến việc phá bỏ thai nhi.

Có thể có những vấn đề về sức khỏe có liên quan đến những lời chỉ dẫn này. Theo tiêu chuẩn nào đó thì người mẹ bị xem là “ô uế” trong 40 ngày sau khi sinh con trai hoặc 80 ngày sau khi sinh con gái, điều này có nghĩa là người ấy có cơ hội được nghỉ ngơi và hồi phục trước khi trở lại với những trách nhiệm trong gia đình. Điều này sẽ giúp cho tình trạng sức khỏe của chính sản phụ cũng như của đứa trẻ. Nó cũng bảo vệ sản phụ khỏi bệnh tật có thể xảy ra từ những người có bệnh nhưng muốn giúp đỡ sản phụ, hoặc khỏi sự lây lan ô nhiễm nào đó mà sản phụ có thể có (ví như bệnh hậu sản).

Kinh Thánh không giải thích lý do ấn định thời gian cho con gái dài gấp đôi so với con trai. Không có chứng cứ nào cho thấy những bé gái nhất thiết phải yếu đuối hơn những bé trai và do đó cần thời gian dài hơn để ở với người mẹ. Một ngày nào đó đứa con gái sẽ chịu sự xét đoán đã đặt trên Ê-va (Sa 3:16) nhưng vì sao Đức Chúa Trời tăng gấp đôi hạn ở cũ của người mẹ vì cơ giới tính của đứa con là điều mà người mẹ không thể kiểm soát được? Và dường như không hợp lý khi Đức Chúa Trời lập nên thời hạn này để “phạt” người chồng bằng cách tăng đôi thời gian mà người ấy phải xa vợ mình. Có lẽ Đức Chúa Trời đã lập những qui tắc này chủ yếu vì sức khỏe của người mẹ và sự “liên hệ” của người mẹ với con gái mình. Cơ cấu xã hội của Y-sơ-ra-ên rõ ràng là thuộc về nam giới, và con trai được hoan nghênh hơn con gái.

Phép cắt bì (Le 12:3) (3). Vào thời xưa, các dân tộc khác đã thực hiện sự cắt bì; nhưng Đức Chúa Trời đã ban nghi thức này cho Áp-ra-ham như là một dấu đặc biệt của giao ước Ngài lập cùng dân Y-sơ-ra-ên (Sa 17:10-14). Mỗi bé trai trở thành một “đứa con của giao ước” khi nó được cắt bì và được đặt tên 8 ngày sau khi ra đời. Hành động này cũng tượng trưng “cuộc giải phẫu thuộc linh” mà Đức Chúa Trời muốn thực hiện nơi lòng con người (Phu 10:16 30:6 Gie 4:4). Tiếc thay, dân Do Thái đã bỏ qua khía cạnh thuộc linh của nghi lễ này và xem rằng chỉ có sự mổ xẻ thuộc thể này là đảm bảo cho dân Do Thái được Đức Chúa Trời cứu và chấp thuận (Mat 3:7-10 Ro 2:25-29). Một quan niệm tương tự đã xuất hiện trong hội thánh đầu tiên và đã phải bị bác bỏ một cách mạnh mẽ (Cong 15:1-34 Ro 4:1-12).

Một số người đặt phép báp-tem cho trẻ sơ sinh ngang bằng với phép cắt bì, nhưng như R.K. Harrison đã nhận định về điều này một cách đúng đắn rằng: “Những điều tương tự nhau thì quá nông cạn và hẹp hòi để có thể thuyết phục hoàn toàn và có hiệu quả” (4). Tín hữu thật đã kinh nghiệm một phép cắt bì thuộc linh bởi Đức Thánh Linh, là “phép cắt bì thật” làm thay đổi tấm lòng và đem đến một đời sống mới (Ga 6:12-16 Phi 3:1-3 Co 2:10-11). Vì bản chất tội lỗi của tín hữu đã bị “truất khỏi” nên người ấy có thể bước đi trong sự tươi mới của đời sống và không phải chịu theo những ham muốn của xác thịt.

Của lễ (Le 12:4-8). Bốn mươi ngày sau khi sinh con trai, hoặc tám mươi ngày sau khi sinh con gái, người mẹ và người cha phải đến nơi thánh và dâng của lễ cho việc tẩy uế của người mẹ, gồm một chiên con một tuổi làm của lễ thiêu và một chim cu hoặc bồ câu làm của lễ chuộc tội. Của lễ thiêu tượng trưng sự dâng mình của người mẹ cho Đức Chúa Trời khi trở lại với đời sống bình thường của mình, và của lễ chuộc tội cho sự ô uế có liên quan trong tiến trình sinh nở. Điều này cũng nhắc nhở họ rằng mọi đứa trẻ, dù có thể xinh đẹp hay dễ thương ra sao, đều sanh ra trong tội lỗi và một ngày nào đó phải tin nhận Chúa để được cứu rỗi (Thi 51:5 58:3).

Đức Chúa Trời nhân từ biết bao khi chiếu cố đến người nghèo là những người không thể mua được một chiên con! Ma-ri và Giô-sép đã áp dụng điều luật này khi họ đem Chúa Giê-xu đến đền thờ (Lu 2:21-24).

Toàn bộ chương này thật ngắn gọn nhưng đã bày tỏ mối quan tâm đầy yêu thương của Đức Chúa Trời đối với gia đình, đặc biệt là đối với sản phụ và trẻ sơ sinh. Chúng ta đều không ngạc nhiên khi nghe Chúa Giê-xu phán: “Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng cấm chúng nó, vì nước Đức Chúa Trời thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy” (Mac 10:14).

4. VỊ THẦY THUỐC VĨ ĐẠI (Le 13:1-15:33)

Tiểu thuyết gia người Tây Ban Nha Miguel de Cervantes đã viết: “Sự khởi đầu của sức khỏe là biết được bệnh tật,” và mọi thầy thuốc đều đồng ý với ông. Cuối cùng thì, làm thế nào bạn có thể kê đơn thuốc cách hữu hiệu nếu bạn không chẩn đoán một cách chính xác?

Ba chương này trong Lê-vi ký đề cập đến những sự yếu đuối trong thân thể cách này hay cách khác, vì Đức Chúa Trời quan tâm đến nhu cầu thuộc thể của dân sự Ngài. Ngài quan tâm đến những nhu cầu của họ trong suốt thời gian họ lang thang trong đồng vắng (Phu 29:5), và nếu họ vâng lời Ngài, Ngài hứa sẽ bảo vệ họ khỏi những căn bệnh mà họ đã thấy ở Ê-díp-tô (Xu 15:26 Phu 7:12-15). Mặc dù đúng là những nhu cầu lớn nhất của chúng ta là về thuộc linh, Đức Chúa Trời vẫn nghĩ đến những nhu cầu thuộc thể của dân sự Ngài.

Từ Hê-bơ-rơ được dịch là “bệnh phong” trong chương 14-15 bao gồm các loại bệnh khác nhau về da và thậm chí có thể là bệnh nấm mốc (13:47 14:33). Nhưng chương này không chỉ đơn giản mô tả về những triệu chứng và những nghi lễ. Trong Kinh Thánh, bệnh là một trong những hình ảnh về tội lỗi (Thi 147:3 Es 1:5-6 Gie 8:2 30:12 Mac 2:17). Vì vậy khi nghiên cứu những chương này, chúng ta có thể biết về bản chất của tội lỗi và cách Đức Chúa Trời muốn chúng ta giải quyết nó. Nhưng chúng ta phải nhìn xa hơn Môi-se để thấy Chúa Giê-xu Christ, Vị Thầy Thuốc Vĩ Đại, Đấng đã bị thương để chúng ta có thể được chữa lành (Es 53:5). Ba chương này minh

họa ba chủ đề có liên hệ mật thiết đến đời sống nên thánh: tội lỗi (chương 13), sự cứu rỗi (chương 14), và sự thánh khiết (chương 15).

1. Tội lỗi (Le 13:1-59) (Le 13:1-46 14:1-32)

Vì sự lây nhiễm làm cho một người trở nên ô uế về mặt nghi thức nên Đức Chúa Trời đã chỉ định các thầy tế lễ hành động với tư cách những người khám xét của Ngài để xác định nạn nhân có bị “ô uế” hay không và do đó phải bị phân cách với những người còn lại trong trại quân. Người được khám xét có thể bị cô lập trong hai tuần để căn bệnh có thể tiến triển khá hơn hoặc trở nên tệ hơn. Những triệu chứng có thể bao gồm sự tấy lên và phát ban (13:1-8) thịt sưng lên, có sắc trắng và da bị trầy xước (c.9-17); những mụn nhọt (c.18-23), vết bỏng (c.24-28); và những sự phát ban khác trên da (c.29-44). Không phải mọi loại bệnh có vẻ giống như bệnh phung thật sự là bệnh phung, và sẽ thật tàn nhẫn khi cô lập ai đó không thật sự bị nhiễm bệnh.

Cũng hãy chú ý rằng việc kiểm tra không chỉ về con người (c.1-46), mà còn về quần áo (c.47-59), và thậm chí là nhà cửa (14:33-57). Ở đây thầy tế lễ sẽ tìm vết mốc hoặc vết nấm để nếu bị lan ra thì nó có thể gây thiệt hại nghiêm trọng. Một khi dân Y-sơ-ra-ên ở trong xứ, những vết nấm này thậm chí có thể hủy hoại mùa màng của họ (Phu 28:22 Am 4:9).

Vì bệnh là một minh họa về tội lỗi trong Kinh Thánh, khi bạn đọc những câu này, bạn sẽ biết khá nhiều về những “triệu chứng” của tội lỗi.

Tội lỗi vốn bắt nguồn từ trong lòng (Le 13:3-4,25,30-32,34). “Lòng người ta là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa, ai có thể biết được?” (Gie 17:9). Từ được dịch là “xấu xa” trong câu này có nghĩa là “bệnh hoạn”, bản NIV dịch là “không thể chữa trị.” Tội lỗi không phải là vấn đề bên ngoài và có thể được giải quyết bằng những cách chữa trị đơn giản, giống như việc tìm cách chữa trị bệnh ung thư bằng kem thoa tay. Tội lỗi đến từ bên trong, từ bản chất của loài người bị sa ngã; nếu tấm lòng không được thay đổi thì không thể có cách giải quyết nào cho vấn đề tội lỗi. “Vì tôi biết rằng ở trong tôi (nghĩa là ở trong xác thịt tôi) không có điều gì tốt lành ở đó”(Ro 7:8 NKJV). Những ai nói về “sự tốt lành bẩm sinh của con người” đều chưa biết về Kinh Thánh và chính lòng mình!

Ở Anh quốc vào thế kỷ thứ 18, nếu bạn bị kết tội ăn cắp, quan tòa có thể ra lệnh cho nhà cầm quyền chặt đứt bàn tay phải của bạn. Nếu bạn bị kết tội lần thứ hai, họ có thể chặt bàn tay trái của bạn. Tôi nhớ đã đọc về một kẻ móc túi bị mất cả hai bàn tay nhưng đã tìm cách để thành công trong nghề của mình và anh ta đã thực hiện được công việc móc túi *bằng hàm răng*! Cho dù nhà cầm quyền nhổ hết răng của anh ta, điều đó sẽ không giải quyết được vấn đề, vì tội lỗi vốn bắt nguồn từ trong lòng. Chúa Giê-xu đã phán: “Vì từ nơi lòng mà ra những ác tưởng, những tội giết người, tà dâm, dâm dục, trộm cướp, làm chứng dối, lộng ngôn. Đây là những điều làm ô uế một người” (Mat 15:19-20).

Trong thời Giê-rê-mi, các tiên tri giả giống như những thầy thuốc nói dối với bệnh nhân của họ và không cho họ biết được tin xấu. “Họ cũng chữa vết thương của con gái dân ta cách sơ sài mà nói rằng ‘bình an, bình an’ mà chẳng có bình an chi cả” (Gie 6:14). Ngành y ngày nay sẽ kỷ luật bác sĩ nào làm điều ấy, nhưng điều này lại hoàn toàn có thể được chấp nhận đối với những cố vấn nhân đạo, những người truyền bá và những người theo chủ nghĩa tự do, các chính trị gia và những nhà bình luận báo

chí. Con người vẫn tin “chuyện thần thoại về sự phát triển” rằng con người là tốt lành và sẽ làm cho bản thân cùng thế giới trở nên ngày càng tốt đẹp hơn từng ngày.

Tội lỗi lây lan (Le 13:5-8,22-23,27-28,32,34-36,51,53,55,57 14:39,44,48). Bệnh phong thật (bệnh Hansen) làm ảnh hưởng đến da và các đầu dây thần kinh; khi lây lan, nó sinh ra những bướu nhỏ và những ung nhọt. Các mô khi ấy bị viêm nhiễm và chân tay trở nên bị biến dạng. Cái gì đó bắt đầu như một vết thương dần dần lây lan và biến cả cơ thể thành một khối hư hoại và xấu xí. Tội lỗi là như thế! “Đoạn lòng tư dục cru mang, sanh ra tội ác, tội ác đã trọn sanh ra sự chết” (Gia 1:15).

Tổ phụ đầu tiên của chúng ta là những kẻ ăn cắp. Ca-in con trai họ là kẻ nói dối và giết người. Từ khởi đầu nhỏ đó, tội lỗi đã lan ra làm hư hoại và nô lệ hóa cả dòng dõi loài người. Vào thời điểm Đức Chúa Trời giáng Con Nước Lụt, đất đã **đầy đầy** sự gian ác, xấu xa, bạo lực và bại hoại (Sa 6:5,11-13). Và mọi sự đã không trở nên tốt hơn kể từ đó. Sự tiến bộ của khoa học đã làm cho đời sống tiện nghi hơn, nhưng nó không làm cho thế giới ít bại hoại hơn. “Đầu đều đau đớn cả, lòng đều mòn mỏi cả. Từ bàn chân cho đến đỉnh đầu, chẳng có chỗ nào lành, rặt những vết thương, vết thâm tím và vết thối rữa” (Es 1:5-6 NKJV).

Gần 50 năm, Alexander Whyte đã rao giảng Lời Đức Chúa Trời tại Hội thánh Free St. George ở Edinburgh, Scotland, và ông nổi tiếng vì đã phơi bày ra những tội lỗi của lòng người và đặt chúng dưới sự dò xét của Lời Đức Chúa Trời. Người ta gọi điều đó là “sự rao giảng mang tính phẫu thuật.” Đồng thời, ông cũng có một trợ tá tên Hugh Black là người chia sẻ vào lễ thờ phượng buổi tối với những sứ điệp tự do và lạc quan hơn nhiều. Hội chúng nói rằng họ bị Whyte lôi kéo vào những sáng Chúa nhật và được Black tô trắng vào những tối Chúa nhật!

Nhưng khi Hội Thánh có một quan điểm thiên cận về tội lỗi, thái độ này sẽ ảnh hưởng đến mọi điều Hội Thánh tin và thực hiện. Nếu những người nam, người nữ về cơ bản là tốt lành chứ không phải là tội nhân dưới sự thanh nộ của Đức Chúa Trời, vậy tại sao phải rao giảng Tin Lành? Tại sao phải gửi đi những nhà truyền giáo? Vì vấn đề đó, tại sao Chúa Giê-xu thậm chí chịu chết trên thập tự giá? Nếu con người là tốt lành, vậy điều họ cần là sự khuyên bảo, an ủi chứ không phải sự kết tội. Chúng ta phải dành cho họ sự yên ủi chứ không phải sự rao giảng Tin Lành.

Tội lỗi làm ô ướ (Le 13:44-46). Từ “ô ướ” được sử dụng 54 lần trong chương 13-15. Nó mô tả sự ô ướ về nghi thức khiến nạn nhân không thích hợp với đời sống xã hội hoặc với việc dự phần trong sự thờ phượng tại nhà Đức Chúa Trời. Tiên tri Ê-sai xưng nhận rằng ông là “một người có môi dơ dáy” (Es 6:5) và sau đó ông nói thay tất cả chúng ta, khi ông viết: “Nhưng chúng tôi đều như vật ô ướ, và mọi sự công bình của chúng tôi như những miếng giẻ rách nhóp nhúa” (Es 64:6). Bất cứ điều gì tội lỗi chạm đến, nó đều làm cho ô ướ; chỉ có huyết Chúa Giê-xu Christ mới có thể rửa sạch sự ô ướ (ICo 6:9-11 IGi 1:7 1:5).

Khi bạn đọc Thi thiên 51 về lời cầu nguyện xưng tội của Đa-vít, bạn không thể không lưu ý đến cách mà tội lỗi của ông đã làm ô ướ mọi bộ phận trong con người ông: mắt (c.3), tâm trí (c.6), tai (c.8), xương cốt (c.8), tấm lòng (c.10), môi miệng (c.13-15), tay ông đã vấy máu của U-ri (c.14) và mọi điều ông có thể làm là gieo mình nơi sự thương xót của Đức Chúa Trời mà kêu cầu, “Xin hãy rửa sạch tôi!” (c.2,7).

Tội lỗi làm cách ly (Le 13:46). Thật là những lời lẽ nghiêm túc: “Anh ta bị ô ướ; anh ta sẽ phải ở một mình, nơi cư trú của anh ta là ở ngoài trại quân.” Người ấy phải

xé áo quần, đặt một vật che môi trên lại và la lên rằng “Ô uest, ô uest” khi có ai đến gần, và anh ta cứ ở ngoài trại quân cho đến khi hoặc là chết đi hoặc sẽ được chữa lành. “Tự do giữa vòng kẻ chết” là cách Herman mô tả đều đó trong (Thi 88:5). Đức Chúa Trời đã đánh vua A-xa-ri-a bằng bệnh phung, và ông phải ở trong “nhà riêng”, theo nguyên văn là “một ngôi nhà tự do”, bị cách ly với mọi người khác (II Vua 15:5 NIV). Ông ta tự do - giữa vòng kẻ chết!

Nếu đã từng làm chứng, bạn có thể gặp những người dường như không có khái niệm gì về bi kịch của tội lỗi và sự khủng khiếp của địa ngục. Họ nói hơi suồng sã: “Tôi không lo việc đến địa ngục, tôi sẽ có nhiều bạn.”(1) Nhưng sẽ không có bạn bè ở địa ngục, vì địa ngục là nơi của sự cách ly và sự cô độc đời đời. Giống như những kẻ phung ở ngoài trại quân, tội nhân hư mất sẽ ở một mình, họ sẽ cô độc mãi mãi.

Tội lỗi chỉ thích hợp cho lửa. (Le 13:52,55,57). Quần áo ô uest phải bị thiêu trong lửa. Nó không nên được tẩy uest nhưng phải bị hủy bỏ. Khi Chúa Giê-xu nói về địa ngục, Ngài sử dụng từ *gehenna*, là từ chỉ về đồng rác bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem, “nơi sâu bọ của chúng không chết và lửa không tắt” (Mac 9:44 Es 66:24). Địa ngục là đồng rác đời đời Đức Chúa Trời chuẩn bị cho ma quỷ và các quỷ sứ nó (Mat 25:41) **và cho những kẻ theo ma quỷ bằng cách chối từ Chúa Giê-xu Christ.** Đó là một hồ lửa (Kh 19:20 21:10,14-15), nơi Sa-tan và những kẻ theo nó sẽ chịu khổ đời đời cùng với những người mà tên họ chẳng được tìm thấy trong Sách Sự Sống vì họ đã không tin Chúa Giê-xu Christ và không được tái sinh trong gia đình Đức Chúa Trời.

Những hậu quả của bệnh phung là tạm thời, nhưng hậu quả của tội lỗi là đời đời. Dân Do Thái không biết cách chữa trị cho bệnh phung, nhưng có một cách chữa trị cho tội lỗi - đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ, Cứu Chúa của thế gian. Bạn đã tin nhận Ngài chưa? Nếu đã tin, bạn có đang nói cho người khác biết tin mừng này để họ không phải làm những kẻ phung và sống đời đời nơi đồng rác ngục cháy của địa ngục?

2. Sự Cứu Rỗi (Le 14:1-32)

Tôi thấy thật nản lòng khi đọc chương 13, nhấn mạnh về sự ô uest và cách ly. Nhưng chương 14 đem đến cho chúng ta tia hy vọng vui mừng mà chúng ta cần. Người phung có thể được tẩy sạch và được phục hồi. Chúng ta cần biết những tin xấu về sự xét đoán trước khi chúng ta có thể hiểu rõ giá trị của tin mừng về sự cứu rỗi.

Dân Do Thái không có cách chữa trị nào cho bệnh phung. Vì vậy, nếu nạn nhân trở nên khỏe mạnh, đó là một món quà về sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đã nói: “Trong đời đấng tiên tri Ê-li-sê, dân Y-sơ-ra-ên cũng có nhiều kẻ mắc tật phung, song không có ai làm sạch được, chỉ Na-a-man, người xứ Sy-ri mà thôi” (Lu 4:27). “Sự cứu rỗi thuộc về Đức Giê-hô-va” (Gion 2:10). Nếu chúng ta không được cứu bởi ân điển của Đức Chúa Trời thì chúng ta sẽ không thể được cứu, vì không ai xứng đáng để được cứu.

Những bước thực hiện việc tẩy sạch và phục hồi người phung cho chúng ta biết về những gì Đức Chúa Giê-xu Christ đã làm cho tội nhân.

Thầy tế lễ đi đến cùng người phung (Le 14:1-3). Vì người phung ô uest không được phép đi vào trại quân, thầy tế lễ phải đi ra ngoài trại quân để giúp đỡ người ấy. “Bởi Con Người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất” (Lu 19:10). Khi thi hành chức vụ trên đất, Chúa Giê-xu đã được gọi là “bạn của người thu thuế và kẻ có tội” (Lu 7:34), Ngài ví

mình như một bác sĩ giúp đỡ những bệnh nhân nghèo túng của mình (Mat 9:10-13). Là vị Thầy Thuốc Vĩ Đại của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu thực hiện những cuộc thăm viếng và đến với những tội nhân ngay nơi họ ở. Trong trường hợp của người Do Thái bệnh phung, thầy tế lễ đi ra để kiểm tra và xác định xem bệnh nhân có thật sự được lành hay không; nhưng Chúa Giê-xu đến với chúng ta để Ngài có thể chữa lành chúng ta khỏi căn bệnh của tội lỗi.

Nạn nhân dâng hai con chim (Le 14:4-7). Nghi lễ bất thường này mô tả cho chúng ta điều Đấng Christ đã làm để cứu thế giới hư mất. Những con chim không thuộc về hai chậu sành, chúng thuộc về các tầng trời. Chúa Giê-xu đã từ trời xuống và trở thành người (Gi 3:13,31 6:38,42). Ngài như thế đã đặt chính mình trong một chậu sành để có thể chết thay tội lỗi chúng ta. Nước chảy trên đồ vật mà con chim bị giết nhắc nhở chúng ta về Thánh Linh của Đức Chúa Trời (Gi 7:37-39), vì Chúa Giê-xu đã dâng chính Ngài cho Đức Chúa Trời “nhờ Đức Thánh Linh đời đời” (He 9:14). Khi con chim sống bị vấy máu được thả ra, điều này mô tả sự sống lại của Chúa chúng ta. Vì sự sống lại của Đấng Christ là một phần của sứ điệp Phúc Âm cũng như sự chết của Ngài (ICo 15:1-4). Chỉ một Cứu Chúa hằng sống mới có thể cứu những tội nhân chết mất!

Huyết của con chim bị tế ở trong chậu và rảy trên con chim sống, nhưng nó cũng phải được rảy trên người phung đã được lành. Sử dụng hành kinh giới (Xu 12:22 Thi 51:7), thầy tế lễ rảy huyết 7 lần trên người phung và sau đó tuyên bố người phung được sạch (2). “Không đổ huyết thì không có sự tha thứ” (He 9:22). Làm sao nạn nhân biết mình được sạch? Thầy tế lễ đã cho người ấy biết như vậy! Làm sao tín hữu ngày nay biết rằng Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta? Ngài cho chúng ta biết như vậy trong Lời Ngài. Dù người phung cảm thấy thế nào hay người ấy ra sao, Đức Chúa Trời phán người ấy được sạch và vấn đề đã được giải quyết.

Người phung làm sạch chính mình (Le 14:8-9). Vào ngày được tinh sạch, người phung phải tắm mình và giặt quần áo rồi cạo hết lông của mình. Sau đó người ấy được phép vào trại quân, nhưng không được phép vào trại của mình. Người ấy phải ở bên ngoài thêm một tuần nữa.

Tại sao phải tắm rửa khi thầy tế lễ đã tuyên bố người ấy được sạch? Vì **bản thân** người ấy phải áp dụng điều mà Đức Chúa Trời phán là đúng **về mặt vị trí**. Người ấy được sạch về mặt nghi thức và có **quyền** được sống trong trại quân, nhưng người ấy cần được làm sạch một cách cá nhân và thực tế để người ấy **thích hợp** được khi sống trong trại quân. “Các người hãy rửa mình, hãy làm cho mình tinh sạch” (Es 1:16 NKJV). “Hãy làm cho mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh, lại lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà làm cho trọn việc nên thánh” (II Co 7:1). Có lẽ Phao-lô đã nhớ đến chương 14 khi ông ví sánh đời sống mới trong Đấng Christ với sự thay đổi quần áo (Co 3:1-14).

Người ấy làm sạch mình lần nữa (Le 14:9). Việc này xảy ra một tuần sau đó. Người ấy phải tắm rửa, cạo sạch thân thể mình lần nữa, và mặc vào quần áo sạch. Việc cạo lông hai lần khiến da người ấy giống như da của một em bé, có lẽ tượng trưng cho sự sinh lại. Việc cạo lông và tắm rửa không giết chết vi trùng bệnh phung – Đức Chúa Trời đã làm điều đó nhưng những việc này tượng trưng cho sự đổi mới trong đời sống của người trước đó đã bị bệnh phung.

Người phung dâng lên những của lễ cần thiết (Le 14:10-32). Đây là ngày thứ 8 kể từ lúc thầy tế lễ thăm viếng người phung lần đầu tiên, và số 8 là con số của sự khởi đầu mới. Người phung đã được sạch phải đem đến trước cửa đền tạm một chiên con đực làm của lễ chuộc sự mắc lỗi, một chiên con đực làm của lễ thiêu, một chiên con cái làm của lễ chuộc tội, cũng như bột lọc và dầu làm của lễ chay.

Trên cơ sở những của lễ này, thầy tế lễ tuyên bố rằng người phung đã được sạch (Le 14:7), vì những của lễ này mô tả con người và công việc của Đức Chúa Giê-xu Christ. Của lễ chuộc tội bày tỏ Đấng Christ đã chuộc tội lỗi cho một người. Của lễ chuộc sự mắc lỗi nhắc nhở chúng ta rằng Đấng Christ đã trả món nợ mà chúng ta nợ Đức Chúa Trời, vì giống như người phung, chúng ta không thể hầu việc Ngài trong suốt những ngày ô uế của chúng ta. Qua của lễ thiêu, người được sạch dâng mình hoàn toàn cho Đức Chúa Trời và của lễ chay bày tỏ sự trọn vẹn của Đấng Christ được chấp nhận thay cho những sự bất toàn của người thờ phượng.

Điều duy nhất về nghi lễ này đó là ***thầy tế lễ đối xử với người phung được sạch giống như một thầy tế lễ đồng công*** Ông bôi huyết từ của lễ chuộc sự mắc lỗi trên tai phải, ngón tay cái bên phải, và ngón chân cái bên phải của người ấy. Ông rảy dầu trên người ấy bảy lần và xức dầu trên lớp huyết trên tai, ngón tay cái và ngón chân cái của người ấy (3). Sau đó, ông đổ dầu trên đầu người ấy. Việc này tương tự với nghi thức mà Mô-i-se đã sử dụng khi phong chức cho A-rôn và các con trai người (ch 8) (4). Quả là ân điển khi Đức Chúa Trời đối xử với người phung trước đó giống như đối cùng thầy tế lễ. Sáu lần trong phân đoạn này Chúa tuyên bố rằng thầy tế lễ “làm lễ chuộc tội” cho người được sạch (14:18-21,29-31) nghĩa là những tội lỗi của người ấy đã được tha.

Vì người phung từng là một người bị ruồng bỏ, không thể làm việc và kiếm tiền, có thể người ấy không có khả năng đem đến cả ba con vật để làm của lễ. Vì vậy Đức Chúa Trời cho phép người nghèo đem đến những con chim làm của lễ chuộc tội và của lễ thiêu (c.21-23,30-31). Hơn nữa, Đức Chúa Trời không đòi hỏi bất cứ sự bồi hoàn nào cùng với của lễ chuộc sự mắc lỗi. Đức Chúa Trời làm cho tội nhân dễ dàng có thể được tha thứ và được phục hồi. Nhưng tội nhân hành động như thể sự cứu rỗi quá khó khăn đến nỗi họ không thể đáp ứng sự kêu gọi của Đức Chúa Trời.

3. Sự thánh khiết (Le 15:1-33)

Từ ngữ chính trong chương này là “chảy ra”, được sử dụng 24 lần. Nó đơn giản có nghĩa là luồng chất lỏng, có thể là nước trong thiên nhiên, hoặc chất lỏng tiết ra từ thân thể con người. Sự tiết chất dịch của con người có thể tự nhiên (c.16-18,25-30) hoặc không tự nhiên (c.1-15,19-24), nhưng nó vẫn bị xem là ô uế và phải được xử lý theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Vấn đề vệ sinh cá nhân và mối quan tâm của Đức Chúa Trời đối với phụ nữ chắc chắn có liên quan đến những qui tắc này, nhưng điểm nhấn mạnh chủ yếu ở đây dường như là việc làm cho sự thánh khiết cá nhân phải được thực hiện. Không phải mọi người đều là người phung, nhưng tất cả chúng ta đều có “những sự tiết ra” đôi lúc làm chúng ta ô uế và có thể làm người khác bị ô uế.

Những chất tiết ra bất thường của nam giới (Le 15:1-15). Những chất này có thể là bất cứ thứ gì từ bệnh tiêu chảy cho đến những chất dịch tiết ra bởi bệnh hoa liễu hoặc bệnh lậu. Bất cứ vật gì người bệnh rờ đến hoặc nhổ lên đều bị ô uế. Thật ra, những ai bị ô uế do chạm đến người bệnh thì phải tắm mình và giặt quần áo, và họ bị

ô uế cho đến chiều tối. Những chậu sành mà người bệnh chạm đến phải bị đập bể và những chậu gỗ phải được rửa sạch. Khả năng ô nhiễm được xem là rất nghiêm trọng.

Bởi sự nhân từ của Chúa, người bị tiết dịch có thể được lành, khi điều đó xảy ra, người ấy phải chờ một tuần, và giống như người phung được sạch, người ấy phải tắm mình và giặt quần áo. Vào ngày thứ 8, người ấy mang đến một của lễ chuộc tội và một của lễ thiêu, nhưng người ấy không buộc phải đem đến những của lễ đắt giá, vì sự tiết dịch cơ thể không nghiêm trọng như bệnh phung. Sau đó, người ấy được tự do thờ phượng Đức Chúa Trời và sống đời bình thường trong trại quân.

Trong những năm gần đây, chúng ta nghe khá nhiều về “những người bị ngộ độc” và thậm chí là “những Hội Thánh bị nhiễm độc”. Stephen Arterburn và Jack Felton đã viết cuốn sách có tên “Đức tin bị ngộ độc” (Toxic Faith, Oliver-Nelson, 1991), mô tả những Hội Thánh “cứng bái” và thói nghiện tôn giáo mà họ đã ngấm truyền bá giữa vòng những người không nghi ngờ gì cả. Hình ảnh này là một hình ảnh trong Kinh Thánh, vì Chúa Giê-xu đã cảnh cáo về những người như người Pha-ri-si giả vờ thánh khiết nhưng thật sự đang truyền sự ô uế cho những người theo họ (Mat 23:25-28). Thật ra, Phao-lô đã viết về những người trong thời của ông là “độc”. “Hãy tránh những lời bất kính, vì những kẻ ham mê điều đó sẽ càng trở nên không tin kính. Sự giảng dạy của họ sẽ lan ra như bệnh hoại thư (IITi 2:16-17 NIV).

Những chất tiết ra bình thường của nam giới (Le 15:16-18). Phân đoạn này thậm chí không gợi ý rằng sự giao hợp trong hôn nhân là không tinh sạch hay ô uế. Theo như lễ hôn nhân truyền thống mô tả, “Đức Chúa Trời đã thiết lập hôn nhân vì phúc hạnh và ích lợi của nhân loại.” Trong mỗi dây hôn nhân thánh khiết và yêu thương, người chồng không làm vợ mình ô uế và người vợ cũng không làm chồng mình ô uế. “Hôn nhân phải được mọi người tôn trọng, và chốn khuê phòng phải được giữ cho tinh sạch, vì Đức Chúa Trời sẽ xét đoán kẻ dâm dục cùng mọi kẻ đòi bại về tình dục” (He 13:4 NIV).

Ở đây Môi-se đang đề cập đến sự ô uế về mặt nghi thức, không phải sự ô uế về đạo đức. Vì sự giao hợp có liên quan đến những chất dịch của cơ thể và những chất dịch này có thể làm cho một người bị ô uế, người chồng và người vợ phải nhận hình phạt tắm rửa mình và duy trì sự tinh sạch về mặt nghi thức. Có lẽ Chúa đang cho chúng ta biết rằng, thậm chí trong kinh nghiệm đẹp đẽ như tình yêu hôn nhân, vẫn có cơ hội cho bản chất tội lỗi của chúng ta hành động và làm cho nó ô uế. Một cặp vợ chồng người Do Thái phải nghĩ đến Đức Chúa Trời cũng như những ham muốn của riêng mình, và điều này sẽ giúp thánh hóa mối liên hệ của họ. Không của lễ nào cần cho việc tẩy sạch họ, chỉ có việc tắm rửa trong nước. Vì vậy không có tội lỗi nào cần được chuộc (5).

Những chất tiết ra bình thường của nữ giới (Le 15:19-24). Một lần nữa, Đức Chúa Trời không lên án hay trừng phạt người nữ khi có kinh nguyệt bình thường hằng tháng, vì Ngài đã dựng nên người nữ cách ấy để nàng có thể sinh con. Quy tắc này chỉ cho biết rằng chất dịch của người nữ làm cho nàng ô uế và do đó nàng có thể làm cho người khác ô uế. Ra-chên đã dùng thủ đoạn này khi nàng lừa dối cha về các pho tượng trong nhà ông mà nàng đã đánh cắp (Sa 31:26-35).

Trong khoảng thời gian bị kinh nguyệt và một tuần sau đó, người nữ bị ô uế và phải cẩn thận nơi mình ngồi, nơi ngủ và những vật mình chạm đến. Nhưng sự hạn chế này là “chuyện không may lại hóa may” vì nó cho phép nàng hưởng sự nghỉ ngơi

và yên tĩnh khi nàng cần nhất. Nếu chồng nàng quá mạnh mẽ về tình dục, luật này sẽ giữ cho người chồng không quá lạm dụng nàng khi mà sự giao hợp không thật thoải mái cho nàng vào lúc ấy. Nếu anh ta ép nàng, cả anh ta và chốn khuê phòng cũng sẽ ô uế trong một tuần, điều này sẽ phân cách anh ta với mọi người trong gia đình và trại quân. Nó không đáng để làm vậy. (6)

Chắc chắn rằng Đức Chúa Trời đã tạo ra tình dục cho sự khoái lạc cũng như cho sự sinh sản, nhưng sự khoái lạc mà không có kỷ luật thì chẳng bao lâu trở thành sự nô lệ và rồi là sự tra tấn. Những người chưa kết hôn phải có sự tự chủ, để không lợi dụng nhau và đặt Đức Chúa Trời ở bên ngoài mối liên hệ mật thiết nhất của mình. Đức Chúa Trời đã tạo nên tình dục, và người khôn ngoan là người để cho Đấng Tạo Hóa lập ra những phép tắc.

Những chất tiết ra bất thường của nữ giới (Le 15:25-33). Chứng xuất huyết kéo dài sẽ gây đau đớn về thể xác và tai hại về mặt tôn giáo, vì người nữ sẽ bị ô uế không dứt. Người nữ vô danh đến cầu xin sự giúp đỡ của Chúa Giê-xu đã đau khổ với bệnh tật này trong suốt 12 năm (Mac 5:25-34 Lu 8:43-48). Nói đúng ra, mọi người mà bà đã đụng đến trong đám đông đó đều đã bị ô uế, dù họ có biết hay không; khi người đàn bà chạm đến áo của Chúa, Ngài cũng bị ô uế. Ngài nhân từ biết bao khi đã chữa lành và trả lại cho bà đời sống bình thường mà bà hằng mong đợi. Nghi thức tẩy sạch của người đàn bà này nhắc nhở chúng ta về nghi thức phục hồi của người mẹ sau khi sinh con (Le 12:6-7).

Những qui định về sự tinh sạch cá nhân không chỉ là những gợi ý ngoan đạo của những nhà lãnh đạo tôn giáo trong nước. Chúng là những điều răn thánh từ Chúa, và bất tuân những điều ấy là một việc nghiêm trọng (15:31-33). Đối với một người ô uế, việc người ấy đến đền tạm sẽ làm ô uế đền tạm và chuốc lấy sự xét đoán (câu 31). Đức Chúa Trời đã cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên rằng sự vi phạm luật đã được nêu trong (Le 15:24) sẽ làm cho cặp vợ chồng “bị truất khỏi dân sự mình” (20:18). Các nhà bình luận có thể không đồng ý nhau về việc “truất khỏi” có nghĩa là chết (như trong Sa 9:11), hay là dứt phép thông công thì dù hình phạt là gì đi chăng nữa, điều này vẫn rất nghiêm trọng.

Dân sự Đức Chúa Trời ngày nay không sống dưới sự đe dọa của những sự xét đoán như thế, dù “có tội đến nỗi chết” (IGi 5:16 ICo 11:30). Nhưng Đức Chúa Trời không phải bị loại trừ ra trong bất cứ lãnh vực nào trong đời sống của chúng ta, và mọi mối liên hệ phải ở dưới sự kiểm soát của Ngài.

Lời Ngài dành cho chúng ta vẫn là: *Hãy nên thánh vì ta là thánh.*

5. NGÀY TRỌNG ĐẠI VÀ THÁNH KHIẾT CỦA Y-SƠ-RA-ÊN (Le 16:1-34)

Ngày quan trọng nhất trong năm đối với dân Do Thái thời Cựu Ước là Ngày Đại Lễ Chuộc Tội – Yom Kippur – khi Đức Chúa Trời nhân từ chuộc mọi tội lỗi của mọi người và ban cho dân tộc một khởi đầu mới. Vì ngày nay họ không có cả đền thờ lẫn thầy tế lễ (Os 3:4) nên Y-sơ-ra-ên không thể kỷ niệm ngày Yom Kippur theo cách thức đã được chỉ định, nhưng những ai đã tiếp nhận Đức Chúa Giê-xu Christ đều có thể nhìn thấy qua nghi lễ xưa này hình ảnh về điều Đức Chúa Giê-xu Christ đã làm cho chúng ta trên thập tự giá.

1. Một thời gian được chỉ định (Le 16:1,2,29)

Sự chết của Na-đáp và A-bi-hu (chương 10) hẳn đã đặt nơi A-rôn và các thầy tế lễ lòng kính sợ Đức Chúa Trời nên họ không biết có được an toàn hay không khi bước vào khu vực đền tạm để làm nhiệm vụ của mình. Đức Chúa Trời đã cho biết rõ rằng các thầy tế lễ không phải sợ hãi khi hầu việc Ngài, nhưng chỉ thầy tế lễ cả mới được vào nơi Chí Thánh, và chỉ một lần trong năm vào ngày Đại Lễ Chuộc Tội. Đây không phải là vấn đề về sự chọn lựa của con người mà là sự chỉ định của Đức Chúa Trời. Bất cứ thầy tế lễ nào bất tuân đều sẽ chết.

Ngày được chỉ định là vào ngày 10 tháng 7 (16:29 23:26-32 25:9 Dan 29:7-11). Lịch Do Thái được mô tả trong sách Lê-vi ký chương 23, và chúng ta sẽ nghiên cứu chi tiết về lịch này trong chương 10, nhưng giờ đây chúng ta cần lưu ý đến tầm quan trọng của tháng thứ bảy (từ giữa tháng 9 đến giữa tháng 10 của chúng ta). Vào ngày 1 tháng 7, những tiếng kèn cất lên báo hiệu sự khởi đầu của một năm mới Rosh Hashanah (23:23-25) (1). Ngày 10 là Ngày Đại Lễ Chuộc Tội (23:26-32) và sau đó đến Lễ Lều Tạm bắt đầu vào ngày 15 trong tháng và kéo dài một tuần (23:33-44).

Những tiếng kèn được thổi lên báo hiệu một năm mới, nhưng chỉ có sự đổ huyết mới có thể đem đến cho dân chúng sự tha tội và một sự khởi đầu mới. “Không đổ huyết thì không có sự tha thứ” (He 9:22). Chắc chắn là có tội lỗi diễn ra trong trại quân. Hơn nữa, không phải mọi kẻ vi phạm đều đã đem đến những của lễ cần thiết trong năm trước đó, và chính nơi thánh đã bị ô uế trong những phương diện mà chỉ Đức Chúa Trời mới có thể nhìn thấy. Đó là thời gian cho một sự khởi đầu mới.

Thầy tế lễ cả phải lặp lại nghi lễ của Ngày Lễ Chuộc Tội năm này sang năm khác, nhưng Đức Chúa Giê-xu Christ đã đến vào đúng thời điểm để hoàn tất công việc mà không ai khác có thể thực hiện. “Chỉ một lần vào cuối các thời đại, Ngài đã hiện ra để cất đi tội lỗi bằng sự hy sinh của chính Ngài” (He 9:26 NKJV). Sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá đã làm trọn Ngày Lễ Chuộc Tội.

2. Một mục đích được tuyên bố (Le 16:30-34)

Từ Hê-bơ-rơ *kapar* được dịch là “sự chuộc tội” được sử dụng 16 lần trong Lê-vi ký chương 16, và cơ bản nó có nghĩa là “chuộc, lấy đi bằng cách trả một giá.” Thầy tế lễ đặt tay mình trên đầu con sinh tế, tượng trưng sự chuyển giao tội lỗi của dân tộc sang nạn nhân vô tội đã chết thay cho họ. Sự chuộc tội nghĩa là một giá được trả và huyết bị đổ ra, vì sự sống phải được dành cho sự sống (17:11). John Scott đã phát biểu điều này cách hùng hồn: “Do đó, chúng ta mạnh dạn bác bỏ mọi cách giải thích về sự chết của Đấng Christ đã không lấy nguyên tắc ‘sự thỏa mãn bởi sự thay thế’ làm trung tâm, thật sự đó là sự tự thỏa mãn thiêng liêng bởi sự tự thay thế thiêng liêng.” (2)

Từ “huyết” được dùng chín lần trong chương này và mười ba lần trong chương 17. Nếu Ngày Lễ Chuộc Tội dạy chúng ta bất cứ điều gì về sự cứu rỗi thì đó là: không có sự cứu rỗi nào khỏi tội lỗi mà không có sự đổ huyết. Những ai chối bỏ quan điểm này và tuyên bố rằng họ chỉ cần “tôn giáo yêu thương của Chúa Giê-xu” thì tốt hơn nên lắng nghe điều mà chính Chúa Giê-xu đã phán: “Vì đây là huyết Ta, huyết của Giao Ước Mới, đổ ra cho nhiều người được tha tội” (Mat 26:28 NKJV). “Như Con Người đã đến không phải để được hầu việc nhưng để hầu việc, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người” (Mat 20:28 NKJV).

Những của lễ được dâng lên vào Ngày Đại Lễ Chuộc Tội đem đến một sự tẩy sạch 3 mặt: đối với thầy tế lễ cả và gia đình ông (16:6,17), đối với dân Y-sơ-ra-ên (c.17), và đối với đền tạm (c.16,20,33). Có vẻ lạ đối với chúng ta khi nơi thánh sẽ bị ô uế và cần

được tẩy sạch, nhưng đó chính là sự thật. Tội lỗi của dân sự không chỉ làm chính họ ô ւế, chúng cũng làm ô ւế đền tạm của Đức Chúa Trời. Những của lễ được thực hiện trên đất đã thanh tẩy nơi thánh trên đất, nhưng của lễ của Chúa chúng ta thanh tẩy “các vật trên trời” bằng huyết của một của lễ tốt hơn (He 9:23).

3. Một dân bị khổ sở (Le 16:29,31)

Không tính đến ngày của tuần lễ diễn ra Ngày Lễ Chuộc Tội thì Lễ này hằng năm được xem là ngày Sa-bát, và dân sự không được phép làm bất cứ việc gì. Đức Chúa Trời đã truyền lệnh họ phải “làm cho mình khổ sở” (“phủ nhận mình”, NIV), từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “hạ mình hoặc ép mình.” Nó được sử dụng để mô tả sự đau đớn mà dân Ê-díp-tô đã gây ra cho dân Hê-bơ-rơ (Xu 1:11-12) và sự đau đớn mà Giô-sép đã cảm nhận trong tù (Thi 105:18). “Sự khổ sở” vào Ngày Lễ Chuộc Tội thường được giải thích có nghĩa là sự kiêng ăn và xưng tội.

Vào ngày đó, Đức Chúa Trời kêu gọi dân sự Ngài hãy xem tội lỗi là nghiêm trọng, Hội Thánh ngày nay cần chú ý đến sự kêu gọi đó. “Hãy đến gần Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ đến gần anh em. Hỡi kẻ có tội, hãy lau tay mình, hỡi kẻ hai lòng hãy làm sạch lòng mình đi. Hãy đau thương và khóc lóc! Hãy đổi tiếng cười của anh em ra tiếng khóc, và niềm vui của anh em ra sự buồn rầu. Hãy hạ mình trước mặt Chúa, thì Ngài sẽ nhắc anh em lên” (Gia 4:8-10 NKJV).

Vance Havner đã nói: “Sự ăn năn hầu như là một điều bị lãng quên trong sự rao giảng và kinh nghiệm của chúng ta. Và việc không có sự ăn năn đã làm cho Hội Thánh của chúng ta đầy dẫy những tội nhân được làm phép báp-tem nhưng chưa bao giờ cảm thấy có tội hay cần đến Chúa Cứu Thế... Chúng ta đang cố gắng để khiến những người non trẻ nói ‘Tôi đây’ trước khi họ có thể nói ‘Khốn nạn cho tôi!’”

Việc dân sự không được làm bất cứ việc gì nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta được cứu hoàn toàn bởi ân điển Đức Chúa Trời, nhờ đức tin, mà không phải bởi bản tính hay việc lành của chúng ta (Eph 2:8-9). Sự tha thứ mà dân sự nhận được vào ngày đó chính là món quà của Đức Chúa Trời.

4. Một thủ tục được ấn định (Le 16:3-28)

Khi thầy tế lễ cả hầu việc vào đúng thời điểm và đúng mục đích thì vẫn chưa đủ, và cũng chưa đủ khi dân sự có thái độ đúng đắn trong lòng. Việc thầy tế lễ cả làm theo mọi trình tự như Đức Chúa Trời đã truyền cho ông cũng là một điều rất quan trọng. Ngày Lễ Chuộc Tội không phải là một thời gian dành cho sự thay đổi vì đã có quá nhiều điều cần phải giải quyết.

Thầy tế lễ cả chuẩn bị.(Le 16:3-5). Trước tiên, thầy tế lễ cả phải bảo đảm rằng những của lễ thích hợp đã được chuẩn bị: một bò tơ đực và một chiên đực cho ông và gia đình ông, cùng hai dê đực và một chiên đực cho dân sự. Những con vật này phải được khám xét để chắc chắn rằng chúng không có khuyết tật nào.

Thầy tế lễ cả sau đó cởi bộ áo vinh hiển của mình ra, tắm tại chậu rửa và mặc vào bộ áo vải gai đơn giản của một thầy tế lễ bình thường. Ông để bộ áo đặc biệt của mình trong nơi Chí thánh và sau đó ông sẽ trở lại nơi này để mặc vào lần nữa. Đặt qua một bên bộ áo vinh hiển của mình là một hành động của *sự hạ mình* và tắm tại chậu rửa là một hành động của *sự thánh hóa*. Ông đang quên đi chính mình để hầu việc Chúa và dân sự Ngài vào ngày đặc biệt này.

Theo một cách thức vĩ đại hơn nhiều, Đức Chúa Giê-xu Christ của chúng ta đã làm mọi việc này cho chúng ta. “Con vì họ tự làm nên thánh, hầu cho họ cũng nhờ lễ thật mà được nên thánh vậy” (Gi 17:19). Ngài chẳng bao giờ cần được tẩy sạch khỏi tội lỗi vì Ngài vô tội, nhưng Ngài đã quên mình để hầu việc cho chúng ta. Ngài đặt qua một bên sự vinh hiển của Ngài và đến trong thế gian này như một em bé nơi chuồng chiên máng cỏ. Là tôi tớ chịu khổ của Đức Chúa Trời, Ngài đã hạ mình chịu chết trên thập tự giá (IICo 8:9 Phi 2:5-11). Khi công việc của Ngài đã được làm trọn, Ngài trở về trời và “mặc lấy chính Ngài” một lần nữa trong sự vinh hiển vốn thuộc về Ngài (Gi 17:1,5).

Thầy tế lễ cả dâng của lễ chuộc tội của chính ông (Le 16:6,11-14). Giờ đây sau khi đã tắm rửa và ăn bận thích hợp, thầy tế lễ cả đi đến bàn thờ nơi ông giết bò đực làm của lễ chuộc tội cho chính ông và gia đình ông, có lẽ kể cả mọi thầy tế lễ (Le 16:11). Sau khi lấy một phần huyết bò đực, cùng với lư hương có than từ bàn thờ và một vốc hương bột đặc biệt, ông đi vào trong nơi chí thánh. Thầy tế lễ cả đặt hương trên than để khói sẽ bao phủ nắp thi ân ở trên hòm bảng chứng (c.3) và sau đó ông rảy một phần huyết *phía trên* nắp thi ân và một phần huyết 7 lần *phía trước* nắp thi ân (c.14).

Vì khói hương tượng trưng cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, do đó thầy tế lễ cả đã đặt sự vinh hiển của Đức Chúa Trời lên trên mọi thứ khác. Điều đó nhắc nhở chúng ta về sự cầu xin đầu tiên của Đấng Christ trong lời cầu nguyện của Ngài như thầy tế lễ cả, “Xin làm vinh hiển Con, hầu cho Con cũng làm vinh hiển Cha” (Gi 17:1). Chúng ta cần nhớ rằng mục đích cuối cùng của kế hoạch cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời không phải là ích lợi của con người mà là vinh hiển của Đức Chúa Trời (Eph 1:6,12,14). Thầy tế lễ cả cần một của lễ vì ông là một tội nhân, nhưng Chúa Giê-xu không cần một của lễ cho Ngài vì Ngài vô tội (He 7:23-28).

Thầy tế lễ cả dâng của lễ chuộc tội cho dân sự (Le 16:7-10,15-22). Hai con dê đực làm thành *một* của lễ chuộc tội (“hai dê con đực dùng làm của lễ chuộc tội,”) (Le 16:5) dù chỉ một con dê đực bị giết. Thầy tế lễ cả bắt thăm trên hai con dê và một trong hai con được chọn để hy sinh. Ông giết con dê đực và đem một phần huyết của nó vào nơi Chí thánh, nơi đó ông rảy huyết trên nắp thi ân và rảy 7 lần trước nắp thi ân, giống như ông đã làm với huyết của bò đực. Vì thế ông đã tẩy sạch đền tạm và bàn thờ “khỏi sự ô uế của dân Y-sơ-ra-ên” (c.19).

Thầy tế lễ cả khi ấy đặt hai tay mình trên đầu con dê sống và xưng ra “trên nó mọi gian ác và sự chống nghịch của dân Y-sơ-ra-ên – mọi tội lỗi của họ” (c.21 NIV). Con dê này bị dẫn ra khỏi trại quân và thả trong đồng vắng, không bao giờ được nhìn thấy lần nữa.

Con dê này được gọi là “con dê thoát ra” (“escape-goat”) (c.8,10,26) nghĩa là con dê thoát khỏi cái chết và chạy thoát vào đồng vắng (3). Từ Hê-bơ-rơ là “azazel” (a-xa-sên), có thể là một từ ghép của hai từ Hê-bơ-rơ “con dê” và “đi xa.” Một số học giả về tiếng Hê-bơ-rơ đã nối từ này với một từ Ả-rập có nghĩa là “bỏ đi, xua đuổi.” Nếu không kể đến nguồn gốc của từ này thì ý nghĩa của nó cũng thật rõ ràng: Con dê được thả ra tượng trưng cho tội lỗi của dân sự đã được mang đi, không bao giờ được giữ lại để nghịch cùng họ nữa. “Phương đông xa cách phương tây bao nhiêu, thì Ngài đã đem sự vi phạm chúng tôi khỏi xa chúng tôi bấy nhiêu” (Thi 103:12). “Kìa, Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội lỗi thế gian đi” (Gi 1:29).

Hãy nhớ rằng hai con dê được xem là *một* của lễ chuộc tội (Le 16:5). Một con dê chịu chết vì phải có của lễ huyết trước khi có thể có sự tha tội. Con dê kia sống nhưng bị “lạc” trong đồng vắng, “mang đi” tội lỗi của dân tộc. Vì con dê sống là một phần trong của lễ chuộc tội, nên người dẫn con dê ra ngoài trại quân phải tắm rửa chính mình và giặt quần áo trước khi người ấy có thể trở lại trại quân (c.26).

Thầy tế lễ cả tắm mình và mặc vào bộ áo chính thức của ông (Le 16:23-24). Một khi chắc chắn rằng con dê thoát ra đã thật sự bị lạc vào đồng vắng, thầy tế lễ cả đi vào trong nơi thánh của đền tạm, cởi áo vải gai, tắm rửa và mặc vào bộ áo chính thức của ông. Điều này nhắc chúng ta nhớ đến sự trở về trời của Chúa chúng ta, là nơi Ngài nhận lấy sự vinh hiển mà Ngài đã đặt qua một bên khi Ngài hiện diện trên đất này.

Thầy tế lễ cả dâng những của lễ thiêu (Le 16:3,5,24). Ông dâng một chiên đực cho mình và một chiên đực cho dân sự, mỗi con là tượng trưng về sự dâng hiến hoàn toàn cho Chúa. Đồng thời, ông cũng xông mỡ trong của lễ chuộc tội (4:8-10). “Nhưng Chúa có lòng tha thứ cho để người ta kính sợ Chúa” (Thi 30:4). Sự tha thứ và kính sợ Chúa đi đôi với nhau, vì đặc quyền của sự tha thứ mang theo nó bốn phận về sự phò thác và vâng lời. Chúa Giê-xu đã dâng chính Ngài cho Cha trong sự vâng phục hoàn toàn, và chúng ta không thể làm ít hơn việc noi theo gương Ngài.

Một khi những của lễ thiêu đã được dâng lên và mỡ trong những của lễ chuộc tội đã được thiêu, thầy tế lễ cả sẽ giám sát việc đem những của lễ chuộc tội ra ngoài trại quân để thiêu (Le 4:1-12 Xu 29:13-14). Người làm việc này phải tắm rửa trước khi có thể trở lại trại quân.

5. Một hình ảnh thích hợp (Le 16:1-34) (Xa 12:10-13:1)

Nhiều người nhìn thấy qua Ngày Đại Lễ Chuộc Tội hằng năm một hình ảnh về sự thanh tẩy trong tương lai của Y-sơ-ra-ên khi Đấng Mê-si của họ xuất hiện để giải cứu họ, tẩy sạch và đặt họ vào trong vương quốc của họ.

Tháng 7 bắt đầu bằng việc thổi kèn, và có một “cuộc triệu tập bằng kèn” trong tương lai để Y-sơ-ra-ên tập hợp dân sự. “Xảy ra trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ lung lay từ lòng Sông Cái cho đến khe Ê-díp-tô. Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, các ngươi đều sẽ bị lượm từng người một. Trong ngày đó, kèn lớn sẽ được thổi lên. Những kẻ sắp diệt vong trong xứ A-si-ri, và những kẻ bị dày trong đất Ê-díp-tô, sẽ đến và thờ lạy Chúa ở núi thánh tại Giê-ru-sa-lem” (Es 27:12-13 NKJV). Chúa Giê-xu cũng đề cập đến việc nhóm họp dân Do Thái này trong tương lai (Mat 24:29-31).

Giống như Ngày Đại Lễ Chuộc Tội là một ngày “đau buồn” đối với mỗi người dân Do Thái thì họ cũng sẽ than khóc khi nhìn thấy Đấng Mê-si-a của họ (Xa 12:10-14). Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ “thần của ơn phước và của sự nài xin” (c.10) và họ sẽ ăn năn về tội lỗi mình và tin nơi Ngài. “Chúng nó sẽ nhìn xem Ta, Đấng chúng nó đã đâm, và chúng nó sẽ than khóc về Ngài như một người than khóc con một” (c.10, NIV).

Sự ăn năn và đức tin của Y-sơ-ra-ên sẽ đưa đến sự tẩy sạch cho họ. “Vào ngày đó một suối sẽ được mở ra cho nhà Đa-vít và dân cư Giê-ru-sa-lem để tẩy sạch họ khỏi tội lỗi và sự ô uế” (Xa 13:1 NIV). Đấng Mê-si-a của họ, là Đấng chết thay cho họ, sẽ là của lễ chuộc tội và của lễ thiêu của họ, và họ sẽ thực hiện một sự khởi đầu mới với tư cách là một dân được tha thứ và được Chúa yêu mến. Điều Chúa đã phán về những người Do Thái còn sót lại từ Ba-by-lôn trở về quê nhà sẽ trở thành sự thật đối với dân

tộc trong ngày vui mừng đó: “Sự tìm kiếm tội lỗi của Y-sơ-ra-ên sẽ được thực hiện, nhưng sẽ không có nữa, người ta sẽ tìm tội lỗi của Giu-đa, mà chẳng thấy nữa đâu, vì ta sẽ tha thứ cho những kẻ sót lại mà ta để dành” (Gie 50:20 NIV).

Lễ Chuộc Tội hằng năm được tiếp theo bởi Lễ Lều Tạm, là khoảng thời gian dự lễ vui mừng nhất của Y-sơ-ra-ên, và “Ngày Lễ Chuộc tội” trong tương lai của Y-sơ-ra-ên sẽ được tiếp nối bởi sự thiết lập vương quốc mà Đức Chúa Trời đã hứa cùng dân sự Ngài (Ê-sai chương 11,12,32,35). Muôn vật sẽ được giải cứu khỏi sự làm tội mọi của tội lỗi (Ro 8:18-22); Chúa Giê-xu sẽ cai trị như một vị Vua, và “trong những ngày của Ngài, người công bình sẽ hưng thịnh. Sự thịnh vượng sẽ có nhiều cho đến chừng mặt trăng không còn nữa” (Thi 72:7 NIV).

6. SỰ THÁNH KHIẾT LÀ MỘT ĐIỀU THỰC TIỄN (Le 17:1-20:27)

Luật pháp cần thiết để duy trì trật tự xã hội nhưng không phải là yếu tố duy nhất để làm nên trật tự và tính ưu việt của xã hội.

Với tất cả sự kính trọng đúng mức đối với các nhà lập pháp, quan tòa, nhân viên hành pháp, và các luật sư chịu khó, tôi đồng ý với Solzhenitsyn; cần phải có nhiều hơn những bộ luật tốt lành để tạo nên những con người tốt lành và một xã hội tốt lành. Trên thế giới của chúng ta ngày nay, không phải mọi điều hợp pháp đều có đạo đức hay hợp với Kinh Thánh. Một số hoạt động của con người mà tòa án thừa nhận và xã hội bảo vệ, một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ xét đoán như tội lỗi ghê tởm.

Lê-vi ký từ chương 17-20 tạo thành một bộ luật cho dân Y-sơ-ra-ên, đề cập đến nhiều lãnh vực của đời sống riêng và chung. Sự nhấn mạnh không đơn giản là về công lý hoặc sự chính trực của công dân vì chúng vốn quan trọng, nhưng sự nhấn mạnh là về *sự thánh khiết*. Xét cho cùng, Y-sơ-ra-ên là dân sự *của Đức Chúa Trời* và luật pháp là luật pháp *của Đức Chúa Trời*. Chúa đã phán với họ: “Vậy các ngươi hãy thánh hóa chính mình, và hãy nên thánh, vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi. Các ngươi hãy giữ những luật pháp ta và thi hành, Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng Thánh hóa các ngươi” (20:7-8NKJV).

Động cơ cho sự vâng lời của Y-sơ-ra-ên phải cao hơn sự sợ hãi về hình phạt. Dân sự cũng cần có *trong lòng họ* một khao khát để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và một quyết định để làm một dân thánh qui vinh hiển cho danh Ngài (Xu 19:3-6). Do vậy việc vâng theo luật pháp và có bản tính thánh khiết không nhất thiết phải là một điều giống nhau.

Hai mươi bốn lần trong 4 chương này bạn tìm thấy lời tuyên bố “Ta là Đức Giê-hô-va!”. Đức Chúa Trời ban cho dân sự Ngài những luật pháp thiêng liêng bày tỏ thánh ý của Ngài, là những luật lệ mà Ngài mong muốn họ tôn trọng và vâng theo. Mặc dù sự vâng phục luật pháp không phải là phương cách cứu rỗi của Đức Chúa Trời (Ro 3:19-20 Ga 3:21-29) nhưng một sự yêu mến đối với sự thánh khiết cùng một ước muốn vâng lời và làm đẹp lòng Đức Chúa Trời chắc chắn là những bằng chứng rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời (IGi 3:1) (1).

Những chương này đề cập đến 4 lãnh vực đặc biệt của đời sống cần phải được tôn trọng và gìn giữ cho thánh khiết: sự thánh khiết của huyết, hoặc sự sống (ch 17); sự thánh khiết của tình dục (chương 18); sự thánh khiết của luật pháp (chương 19); và sự thánh khiết của sự xét đoán (chương 20).

1. Sự thánh khiết của huyết (Le 17:1-16)

Theo Leon Morris, từ “huyết” được sử dụng 460 lần trong Kinh Thánh, 362 lần trong Cựu Ước (2). Trong chương 17, bạn tìm thấy từ “huyết” 13 lần, bạn cũng sẽ tìm thấy trong chương này bản văn chính trong thuyết thần học của Kinh Thánh về ý nghĩa của huyết trong sự cứu rỗi: “Vì sanh mạng của xác thịt ở trong huyết và ta đã cho các người huyết rưới trên bàn thờ để làm lễ chuộc tội cho linh hồn mình, vì chính huyết chuộc tội cho linh hồn” (c.11, NKJV).

Đã từ lâu trước khi y học khám phá ra ý nghĩa của sự tuần hoàn của huyết trong cơ thể con người và tầm quan trọng của nó đối với sự sống, Kinh Thánh đã cho chúng ta biết rằng huyết là sự sống. Khi một của lễ được dâng lên và huyết bị đổ ra, điều đó có nghĩa là sự pho một mạng sống cho một mạng sống khác. Nạn nhân vô tội chịu chết thay cho tội nhân gian ác. Xuyên suốt Kinh Thánh, chính huyết đã thực hiện sự chuộc tội. Bất cứ thuyết thần học nào bỏ qua hoặc đánh giá thấp huyết đều không được thiết lập trên Lời Đức Chúa Trời.

Việc dâng thức ăn.(Le 17:1-7). Dân Do Thái không ăn nhiều thịt vì việc giết thịt súc vật rất tốn kém. Luật định ở đây cấm họ giết súc vật làm đồ ăn ở bất cứ nơi nào trong hay ngoài trại quân. Bất cứ con vật nào được dùng làm thức ăn đều phải được đem đến bàn thờ và được dâng làm của lễ thù ân cho Chúa.

Luật này thực hiện được nhiều điều. Trước hết, nó giữ cho dân sự khỏi việc lén lút dâng những của lễ cho các hình tượng ngoài đồng ruộng. Nếu họ bị phát hiện và bị chất vấn, họ có thể tuyên bố rằng họ chỉ giết con vật cho bữa tiệc. Nhưng nếu sự việc là như vậy, họ phải đem con vật đến bàn thờ của đền tạm. Huyết của con vật phải được dâng lên chỉ cho riêng Chúa và chính tại bàn thờ của Ngài.

Thứ hai, bởi luật này Chúa làm cho những bữa ăn bình thường được trang nghiêm và khiến chúng trở nên một kinh nghiệm thiêng liêng. Con vật bị giết không phải chỉ là một mảnh thịt; đó là một của lễ được dâng lên cho Chúa. Theo câu 4, việc giết một con vật cách xa bàn thờ đồng nghĩa với việc sát hại con vật ấy và Đức Chúa Trời muốn chúng ta đối xử với tạo vật của Ngài với sự trân trọng nhiều hơn. Tại bàn ăn, khi chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời về thức ăn của mình, chúng ta không chỉ nhận biết sự nhân từ của Ngài nhưng chúng ta cũng đang thánh hóa bữa ăn và khiến cho việc dùng bữa trở thành một kinh nghiệm thuộc linh.

Thứ ba, bằng cách đem con vật đến bàn thờ, người dâng xác định rằng Chúa (3:1-17) và thầy tế lễ (7:11-18) đều đã nhận lấy phần dâng thích đáng. Chắc chắn, người dâng sẽ không lấy nhiều thịt cho mình và cho gia đình, nhưng nguyên tắc đằng sau (Mat 6:33) sẽ đền bù cho người ấy trong những phương diện khác. Bữa ăn thông công tại nhà của Đức Chúa Trời sẽ làm vinh hiển Đức Chúa Trời và thỏa mãn những nhu cầu của người dâng cùng những ai dùng bữa chung với người ấy.

Việc dâng của lễ (Le 17:8-9). Đây là một ứng dụng cao hơn về luật thứ nhất; dù bạn đem đến một của lễ hợp pháp cho Đức Chúa Trời, nó phải được đem đến bàn thờ và huyết được đổ ra ở đó. Không một người Do Thái nào được phép dâng một của lễ trong đồng ruộng hoặc tại trại của mình. Có một đền tạm, một bàn thờ và một chức tế lễ đã được chỉ định, và dân sự cần phải tôn trọng những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời.

Những luật này đã được sửa đổi một ít khi dân sự đi vào xứ Ca-na-an (Phu 12:1-16). Trong trại quân Y-sơ-ra-ên, không ai là ở quá xa cửa đền tạm. Vì vậy, việc dâng một con vật làm của lễ thù ân sẽ không là một vấn đề khó khăn. Nhưng trong xứ Ca-

na-an, khoảng cách sẽ tạo nên vấn đề. Vì thế, Chúa cho phép dân sự giết súc vật để làm thức ăn tại nhà mà không phải đem chúng đến bàn thờ (Phu 12:15-16). Tuy nhiên *mọi của lễ phải* được đặt tại bàn thờ và không ai được phép ăn huyết.

Việc ăn huyết (Le 17:10-14). Vì huyết là sự sống của sinh vật và là phương tiện chuộc tội do Đức Chúa Trời chỉ định nên không được xem huyết như thức ăn thông thường. Điều cấm này truy nguyên từ thời Nô-ê (Sa 9:1-4) và thường xuyên được lặp lại trong luật pháp (Le 5:17 7:26-27 Phu 12:16,23-25 15:23). Hội Thánh đầu tiên đã kể đến luật lệ này trong những lời chỉ dẫn của họ cho những người ngoại qui đạo (Cong 15:23-29). Trong nhiều tôn giáo ngoại đạo, việc dùng huyết làm thức ăn là bình thường, điều này giải thích lý do Đức Chúa Trời cảnh cáo những người không phải là dân Do Thái trong trại quân đưng vi phạm luật này. Sẽ rất dễ để một người Do Thái làm theo gương xấu của người láng giềng ngoại đạo và do đó gánh lấy sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

Trước khi chuẩn bị bữa ăn của mình, một người Do Thái săn bắn thú bên ngoài phải cẩn thận trong việc lấy huyết của con thú hoặc con chim đã bắt được. Khi ấy, huyết phải được phủ đất lên, che lấp kỹ lưỡng như vốn dĩ phải như thế. Người Do Thái chính thống ngày nay rất cẩn thận trong việc mua loại thịt mà huyết được vắt ra theo cách đã được mô tả.

Việc ăn thú chết (Le 17:15-16). Vì thịt khan hiếm và đắt tiền, nên cơ hội tìm thấy một thú chết trong đồng có thể là một sự kiện thuận lợi. Nhưng xác động vật rõ ràng là bị ô uế vì huyết đã không được vắt ra, và nó đã bị phơi ra cho bất cứ loài sâu bọ nào sẵn có. Không một người Do Thái nào muốn thử để trở nên ô uế bằng cách ăn thịt đó. Nếu làm vậy, người ấy phải ở ngoài trại quân đến chiều tối, sau đó tắm rửa và giặt quần áo mình để được tinh sạch.

Tín hữu ngày nay cần phải đánh giá cao tầm quan trọng của dòng huyết “quý báu” của Đấng Christ (IPhi 1:19). Giữa mọi điều khác, nhờ huyết Ngài, chúng ta được xưng công bình (Ro 5:9), được cứu chuộc (Eph 1:7), được rửa sạch (Kh 1:6), được thánh hóa (He 13:12), được đem đến gần (Eph 2:13) và được làm sạch (IGi 1:7). Hội Thánh đã được mua bởi huyết Đấng Christ và do đó trở nên rất quý báu đối với Đức Chúa Trời (Cong 20:28).

2. Sự thánh khiết của tình dục (Le 18:1-30)

Chúng ta đang sống trong một xã hội đắm chìm trong nhục dục. Xã hội đó cười vào những cuộc hôn nhân một vợ một chồng, khuyến khích sự phá thai như một phương cách để kiểm soát việc sinh đẻ, đề cao và tán thành tình dục lập dị như một phương tiện giải trí, và xã hội ấy tuyên bố rằng những sự tuyệt đối về đạo đức không tồn tại, và nó thật sự tin rằng con người có thể vi phạm những tiêu chuẩn đạo đức và thoát ra được những hậu quả. Fulton J. Sheen đã đúng khi ông nói: “Tình dục giả vờ thời Victoria đã không còn tồn tại, những người tân thời xem như không có gì khác tồn tại ngoài tình dục.”

Quyền hạn (Le 18:1-5). Có nhiều lý do Chúa đưa ra những chỉ dẫn rõ ràng về vệ sinh tình dục cá nhân, đạo đức tình dục và hôn nhân. Trước hết, chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, và Đấng Sáng Tạo biết điều gì tốt nhất cho tạo vật của Ngài. Chắc chắn là Đức Chúa Trời muốn những cặp vợ chồng đã kết hôn hưởng được món quà tốt đẹp về tình dục, nhưng Ngài cũng muốn họ tránh những hậu quả khủng khiếp sẽ xảy đến khi những luật lệ của Ngài bị vi phạm.

Đức Chúa Trời đã chọn Y-sơ-ra-ên làm nguồn mạch mà bởi đó Con Ngài sẽ đến trong thế gian, và thật quan trọng để nguồn ấy được thánh hóa. Sự đổ vỡ của hôn nhân trong xã hội Do Thái và sự tiếp nhận những tập tục ngoại đạo có thể đe dọa kế hoạch của Đức Chúa Trời để cứu chuộc họ. Điều này dường như là sự nhấn mạnh của (Ma 2:15). Chúa đang “tìm dòng dõi tin kính” (NIV) là dòng dõi chỉ có thể đến từ những cuộc hôn nhân tin kính.

Một cuộc hôn nhân Cơ-đốc phải là một lời chứng cho thế gian về tình yêu Đấng Christ dành cho Hội thánh Ngài (Eph 5:25-33), nhưng nếu hôn nhân đó không tinh sạch và chung thủy, lời chứng ấy sẽ bị hủy hoại. Nếu chồng và vợ không thể yêu nhau như Đấng Christ yêu Hội Thánh, tại sao lại mời gọi những người bạn chưa được cứu để được cứu và dự phần vào trong tình yêu của Đấng Christ ?

Trong chương này có 3 lần Đức Chúa Trời phán: “Ta là Đức Giê-hô-va” (Le 18:2,4-5). Nhóm từ này được sử dụng 42 lần trong chương 18-26. Đó là tất cả uy quyền chúng ta cần cho những tiêu chuẩn mà chúng ta đang nắm giữ. Chúa đã cảnh cáo Y-sơ-ra-ên đừng *nhìn lại* và bắt chước tội lỗi họ nhìn thấy ở Ê-díp-tô, cũng đừng *nhìn quanh* và bắt chước tội lỗi của các dân ngoại (18:3). Khi dân Do Thái vào Ca-na-an, họ sẽ khám phá rằng dân sự ở đó đồi bại không kể xiết, Y-sơ-ra-ên sẽ phải duy trì một vị trí phân rẽ để sống đẹp lòng Chúa. Hội thánh ngày nay cũng phải duy trì một địa vị tương tự (II Co 6:14-7:1 Eph 5:1-14 Co 3:1-7).

Sự vâng phục những điều răn của Đức Chúa Trời đem đến sự sống (Le 18:5). Những tác giả khác trong Kinh Thánh thường trích dẫn câu này (Ne 9:29 Lu 10:28 Ro 10:5 Ga 3:12). Nếu con người vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời *một cách trọn vẹn* thì sự vâng lời của họ sẽ cứu họ, nhưng dĩ nhiên không ai có thể làm được điều đó. Vì vậy, sự cứu rỗi chỉ có bởi đức tin, hoàn toàn không kể đến những việc làm của luật pháp (Ro 3:19-31). Tuy nhiên, sau khi chúng ta được cứu, sự vâng phục của chúng ta đối với ý muốn của Đức Chúa Trời, như được bày tỏ trong Lời Ngài, là cơ sở cho mối giao thông với Đức Chúa Trời và sự tận hưởng đời sống dư dật mà Ngài muốn chúng ta có.

Những tiêu chuẩn (Le 18:6-23). Vì Đức Chúa Trời đã định ra tình dục và thiết lập hôn nhân nên Ngài có mọi quyền để thiết lập những phép tắc điều khiển chúng, và sự vâng lời của chúng ta sẽ giúp bảo vệ những phước hạnh kỳ diệu này khỏi những ô uế của thế gian. Thái độ *không xen vào việc người khác* của giới chủ nghĩa nhân văn nói rằng “bất cứ điều gì cũng đi qua” thì không dành cho Cơ-đốc nhân. Khi nói đến những tiêu chuẩn đạo đức, chúng ta càng trở nên giống như một số người sót lại bị bắt bớ, nhưng chúng ta không dám rút lui.

Nhóm từ được lặp lại “phơi bày sự lỏa lồ” đơn giản có nghĩa là “có quan hệ tình dục với”. Những luật này sẽ áp dụng không chỉ đối với hôn nhân mà cũng dành cho những cuộc tiếp xúc tùy tiện mang tính đồi bại. Những điều cấm được liệt kê trong chương này, và những hình phạt được giải thích rõ ràng trong chương 20.

Le 18:7-18 đề cập đến những mối quan hệ loạn luân. Những qui tắc này căn cứ vào sự việc rằng trong hôn nhân, người nam và người nữ là một thịt (Sa 2:21-25 I Co 6:16 Eph 5:31). Ví dụ, một người có những quan hệ với mẹ kế, sẽ “phơi bày sự lỏa lồ” của cha mình, vì cha và mẹ kế là một thịt (Le 18:8 I Co 5:1). Hầu hết các xã hội hiện đại cấm những cuộc hôn nhân cùng huyết thống, không phải vì những điều Kinh Thánh đã nói, nhưng vì hậu quả của những sự phối hiệp đó. Có xu hướng con cái phải

thừa hưởng những gen di truyền tính lặn bất lợi và có nhiều khả năng sẽ đem đến điều tệ hại nhất trong cây phả hệ hơn là điều tốt đẹp nhất.

Le 18:16 không cấm điều được biết đến như là “hôn nhân theo tập tục Do Thái anh em chồng lấy chị em dâu góa bụa” (“levir” là từ La-tinh chỉ về “anh em của chồng”). Điều này xảy ra khi một người anh (em) của người chồng đã chết kết hôn với góa phụ để sinh con trai là người sẽ tiếp nối dòng họ gia đình và bảo vệ sản nghiệp của gia đình (Phu 25:5-10). Luật được nêu ra trong (Le 18:16) chỉ cấm những quan hệ trái phép giữa anh (em) chồng và chị (em) dâu.

Điều răn thứ 7: “Người chớ phạm tội tà dâm” (Xu 20:14) được qui định một cách chính xác trong (Le 18:20 Phu 5:18). Một người nam có thể lý luận: “Tôi có thể quan hệ xác thịt với vợ của người lân cận tôi vì nàng không phải là một người bà con, vì vậy điều đó hợp pháp.” Nhưng Đức Chúa Trời phán điều đó là sai trật, và vấn đề đã được giải quyết. Kinh Thánh lập đi lập lại những lời cảnh cáo nghiêm khắc chống lại tội tà dâm (Ch 2:16-19 7:5-22 Mat 5:28 Ro 13:9 Ga 5:19 Gia 2:11).

Lời cảnh cáo về thần Mô-lóc (Le 18:21) sẽ được đề cập đến khi chúng ta nghiên cứu (Le 20:1-5).

Phân đoạn này lên đến điểm cao nhất bằng những điều cấm chống lại tình dục đồng giới (18:22) và hành động thú tính (c.23 Xu 22:19 Phu 27:21), với lời cảnh cáo rằng những tội lỗi này gây ô uế, đáng ghê tởm (NIV) và là một sự đồi bại (NIV). Lời bình luận tốt nhất là (Ro 1:24-32) cũng xem (Sa 18:16-19:38 Cac 19:1-30 Phu 23:17-18); tại đây một người mãi dâm nam bị gọi là một “con chó”.

Những người đã phạm bất kỳ tội lỗi nào trong những tội lỗi này có thể được tha thứ và trở nên con cái Đức Chúa Trời, điều này thật rõ ràng trong (Mat 12:31 ICo 6:9-11). Và việc Đức Chúa Trời mong muốn họ ăn năn và từ bỏ lối sống cũ cũng được ghi rõ trong (ICo 5:21 Eph 5:1-10 Co 3:17).

Những hậu quả (Le 18:24-30). Bức tranh ở đây không phải là một hình ảnh đẹp. Sự đồi bại tình dục giống như những mầm bệnh, tạo ra một xã hội và một dân tộc bệnh hoạn. Khi đó chính xứ sở ấy trở nên bệnh hoạn và phải mưa ra dân sự bẩn thỉu của nó như cách cơ thể con người mưa ra chất độc. Bi thảm thay khi những người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời có kết cuộc như một chất nôn mưa. Xin hãy để ý rằng đây là những dân ngoại bị xét đoán – những dân mà Đức Chúa Trời đã không lập bất cứ giao ước nào với họ, nhưng Ngài vẫn kể đến họ vì những việc làm bẩn thỉu của họ trái với tự nhiên (Ro 1:18).

Nếu Đức Chúa Trời đối cùng các **Dân ngoại** như vậy, tức là đối với những người Ngài chưa bao giờ ban luật pháp cho thì Ngài sẽ kể đến trách nhiệm của những người tuyên bố mình biết Ngài và có Lời Ngài là nhiều hơn dường nào? Sẽ có hậu quả thảm khốc cho những tội về tình dục, và sự xét đoán là nghiêm khắc nhất tại nơi ánh sáng đã chiếu vào rục rở nhất. Than ôi, dân tộc Y-sơ-ra-ên đã bất tuân Đức Chúa Trời, làm ô uế xứ họ, và bị mưa ra trong cảnh giam cầm. Ngày nay, có những tổ chức của thế gian và tôn giáo công khai tán thành một lối sống đồi bại trái với Lời Đức Chúa Trời. Trong mắt Đức Chúa Trời, họ đang làm cho xã hội trở nên bệnh hoạn.

3. Sự thánh khiết của luật pháp (Le 19:1-37)

Trong chương 19, Mười Điều Răn được áp dụng cho những lãnh vực khác nhau của đời sống. Trong chương 20, những hình phạt được tuyên bố phải được áp đặt

trên những người bất tuân các điều răn của Ngài. Đức Chúa Trời mong dân sự Ngài xem trọng luật pháp Ngài và áp dụng những hình phạt cách nghiêm cẩn, không thiên vị ai cả.

Những qui tắc được trình bày trong chương 19 không được sắp xếp theo bất cứ thứ tự nào để có thể phân biệt được, nhưng điều liên kết chúng với nhau là mối liên hệ của chúng với Mười Điều Răn (Xu 20:1-17), là nền tảng của toàn bộ luật pháp Do Thái và cũng phải là nền tảng cho mọi luật định liên quan đến đạo đức. Có lẽ cách dễ nhất để phân loại những luật này là nhìn chúng qua mối liên hệ giữa chúng với Đức Chúa Trời, với người khác, và với các sự việc (3).

Những mạng lệnh có liên hệ đến Đức Chúa Trời. Vì Ngài là Đức Chúa Trời thánh khiết nên chúng ta phải là một dân thánh khiết (Le 19:1-2). Chúng ta đã lưu ý đến nhóm từ “Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi” được lặp lại trên 40 lần trong các chương 18-26 để nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta thuộc về Ngài. Ngài cảnh cáo chúng ta, “Hãy kính sợ Đức Chúa Trời ngươi, Ta là Đức Giê-hô-va” (19:32NKJV). Hãy chú ý rằng Đức Chúa Trời gọi những luật này là “các đạo luật *của ta*” và “các mạng lệnh *của ta*” (c.37), ngày Sa-bát là “ngày Sa-bát *ta*” (c.3,30) và đền tạm là “nơi thánh *ta*” (c.30). Luật pháp đem con người tội lỗi vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời tối cao, Đấng có mọi quyền cho chúng ta biết điều đúng và điều sai.

Tôn trọng ngày Sa-bát (Le 19:3,30) nhắc nhở họ về điều răn thứ tư (Xu 20:8-11) và về việc ngày Sa-bát là một “dấu hiệu” đặc biệt giữa Đức Chúa Trời với dân Y-sơ-ra-ên (Xu 31:13-17 Ne 9:13-14). Khi chúng ta nghiên cứu chương 23, chúng ta sẽ khám phá ra rằng đời sống người Do Thái dựa trên hệ thống những con số 7, bắt đầu với ngày thứ bảy (4). Vi phạm ngày Sa-bát là một sự vi phạm đáng tội chết (Dan 15:32-36).

Luật chống lại sự thờ hình tượng (Le 19:4) tập trung vào điều răn thứ nhất và thứ hai (Xu 20:2-6) và hình phạt của tội này là sự chết (Le 20:1-5). Chúng ta có thể kể đến ở đây luật cấm việc ham thích **những điều huyền bí** (c.26,31), là một hình thức của việc thờ hình tượng mà Kinh Thánh đã lên án thật rõ ràng (Phu 13:1-5 18:9-22).

(Le 19:5-8) nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc làm theo **những lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời về sự thờ phượng**. Ngài cho họ biết cách dâng của lễ thù ân (3:1-17 7:11-21) và Ngài mong muốn họ làm theo. Chúng ta cũng có thể kể đến (19:27-28) là những luật cấm việc **bắt chước những việc làm của những người không tin Chúa**. Cơ-đốc nhân ngày nay có thể xem xét đến những kiểu cách, tập tục trung lập về đạo đức, nhưng không phải lúc nào cũng là trường hợp này. Mặc dù Cơ-đốc nhân không nên có vẻ như mình đến từ “bên ngoài thế giới này”, nhưng chắc chắn là họ không nên bắt chước thế gian. “Đừng làm theo đời này” (Ro 12:2).

Danh của Đức Giê-hô-va. (Le 19:12) là thiêng liêng và không bao giờ được sử dụng một cách lộng ngôn hoặc trong một lời thề mà con người không lưu tâm đến việc thực hiện lời thề ấy. Đây là nội dung của điều răn thứ ba (Xu 20:7). Nếu chúng ta kính sợ Chúa, chúng ta sẽ tôn trọng danh Ngài và thành tâm cầu nguyện, “Danh Cha được tôn thánh” (Mat 6:9).

Những mệnh lệnh có liên quan đến người khác. Những mệnh lệnh này bắt đầu bằng **sự tôn kính cha mẹ** (Le 19:3) là điều răn thứ năm (Xu 20:12 Mat 15:3-6 Eph 6:1-4). Liên hệ với điều răn này là **sự tôn kính người già cả** (Le 19:32) vì Đức Chúa Trời quan tâm đến người già (Es 46:4 ITi 5:1-2,4,8 IPhi 5:5), và chúng ta cũng

phải quan tâm như vậy. Đức Chúa Trời cũng quan tâm đến *những người tàn tật* (Le 19:14). Chúa Giê-xu đã chữa lành những người mù và điếc, chúng ta không thể làm điều đó nhưng chúng ta có thể giúp đỡ bảo vệ họ, giúp họ thêm niềm vui trong cuộc sống. Đức Chúa Trời cũng quan tâm đến *những khách lạ giữa vòng chúng ta* (c.33-34) và Ngài thường nhắc nhở dân Do Thái rằng họ đã từng là khách lạ ở Ê-díp-tô (Xu 22:21 23:9 Le 25:23 Phu 10:19). Khi bạn xét đến hàng ngàn sinh viên ngoại quốc đang theo học tại những trường Cao đẳng và Đại học của chúng ta, một cánh đồng truyền giáo tại ngưỡng cửa của chúng ta, thì lời khuyên này thậm chí trở nên có ý nghĩa hơn.

Sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với *người nghèo và người túng thiếu* được nhìn thấy qua “các luật về mùa gặt” (Le 19:9-10 23:22 Phu 23:24-25 24:19-22 Ru 2:1-23). Mỗi quan tâm đó cũng có thể thấy được qua quy tắc về *tiền công* (Le 19:13). Vì người lao động được trả công hằng ngày nên bất cứ sự trì hoãn nào cũng sẽ gây nên sự khó khăn (Phu 24:14-15 Gia 5:4) và những người chủ không bao giờ được lợi dụng những người làm công cho mình. *Người giàu và người nghèo* đều bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời và trước luật pháp, và công lý không được có sự thiên vị (Le 19:15 Xu 23:3) vì Đức Chúa Trời nghe thấu tiếng kêu khóc của người nghèo khi họ bị áp bức (Thi 82:3-4). Dân tộc phải cẩn trọng để có *những cán cân và sự đo lường chính xác*, để những thương buôn vô lương tâm không cướp bóc của người nghèo (Le 19:35-36 Ch 1:1 16:11 20:10,23 Am 8:5 Mi 6:10-11).

Điều răn thứ 8 cho biết: “Người chớ trộm cướp” (Xu 20:15). Điều răn thứ 9 cảnh cáo chống lại việc nói dối (Xu 20:16) và cả hai điều răn được kể đến trong (Le 19:11). Sự tôn trọng *lẽ thật* và *vật sở hữu* là nền tảng cho một xã hội công bằng và trật tự. *Kẻ nói dối và kẻ mách lẻo* (c.16) là một mối đe dọa cho sự an toàn và yên ổn chung, đặc biệt khi kẻ ấy làm chứng dối tại tòa án.

Đạo đức về tình dục được đòi hỏi trong các câu 20-22,29. Nhóm từ “người ấy sẽ bị phạt” được dịch là “phải có sự trừng phạt xứng đáng” trong NIV, có thể có nghĩa là người vi phạm phải trả cho chồng chưa cưới của người phụ nữ một số tiền. Thật khó hiểu vì sao một người cha Do Thái lại muốn con gái mình trở thành một kỹ nữ trong đền thờ ngoại đạo (c.29 Phu 23:17). Cả hai luật này áp dụng cho điều răn thứ 7, “Người chớ phạm tội tà dâm” (Xu 20:14).

Hòa thuận với mọi người, đặc biệt là với những người láng giềng của chúng ta, không phải là vấn đề về việc vâng theo luật pháp nhưng là về việc có sự yêu thương trong lòng chúng ta (Le 19:18). “Yêu thương là làm trọn luật pháp” (Ro 13:10). Điều răn mới phải yêu thương nhau giúp chúng ta giải quyết những mối liên hệ của con người và đối xử với con người theo cách Đức Chúa Trời đối xử với chúng ta (Gi 13:34-35).

Những mạng lệnh có liên quan đến các sự việc. Qui tắc lạ thường trong (Le 19:19) dường như cấm việc bắt chước những hành động liên quan đến sự thờ phượng ngoại đạo hoặc, nó đơn giản có thể là sự nhắc nhở rằng Y-sơ-ra-ên là dân được biệt riêng. Học giả Hê-bơ-rơ R.Laird Harris dịch mệnh đề thứ nhất là “Chớ để cho thú vật của người ngã xuống với một cái ách không vừa sức.” Điều này giống như (Phu 22:10). Sẽ thật độc ác khi buộc cùng một gánh nặng vào hai con vật có vóc dáng và sức lực không bằng nhau.

Việc Đức Chúa Trời quan tâm đến sinh thái học được thấy trong (Le 19:23-25) và (Phu 20:19-20). Dĩ nhiên, trái cây không thể “chịu phép cắt bì”, từ này đơn giản có nghĩa là “bị cấm.” Vào năm thứ tư, trái cây sẽ chín hơn, vì đó sẽ là vụ mùa thứ ba kể từ lúc trồng trọt. Vụ mùa này thuộc về Đức Chúa Trời vì trái đầu mùa phải luôn là của Ngài (Ch 3:9-10).

4. Sự thánh khiết của sự xét đoán (Le 20:1-27)

Chương này tuyên bố những hình phạt được áp đặt trên những ai vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời đã công bố những mạng lệnh này và cũng là Đấng công bố những hình phạt.

Có 15 điều vi phạm trong Y-sơ-ra-ên là những tội phải chịu xử tử: đánh hoặc rửa sả cha mẹ (Xu 21:15,17), vi phạm ngày Sa-bát (31:14), báng bổ Đức Chúa Trời (Le 24:10-16), tham gia vào những tập tục huyền bí (Xu 22:18), nói lời tiên tri giả dối (Phu 13:1-5), tà dâm (Le 20:10), hãm hiếp (Phu 22:25), không trình bạch trước hôn nhân (Phu 22:13), loạn luân (Le 20:11-12), tình dục đồng giới (c.3), hành động thú tính (c.15-16), bắt cóc (Xu 21:16), thờ hình tượng (Le 20:1-5), làm chứng dối trong một vụ kiện liên quan đến tội xử tử (Phu 19:16-21), và cố ý giết người (Xu 21:12).

Dân Y-sơ-ra-ên là dân giao ước của Đức Chúa Trời. Do đó, Luật Pháp của Đức Chúa Trời là luật pháp của cả xứ. Có lẽ ngoại trừ một số cộng đồng Hồi giáo thì không có một tội nào trong sự liệt kê trên sẽ nhận lấy hình phạt xử tử tại hầu hết các quốc gia ngày nay, kể cả tội sát nhân. Nhưng quan điểm về luật pháp trong Kinh Thánh khác với quan điểm hiện đại. Đức Chúa Trời đã ban luật pháp của Ngài để ngăn trở tội lỗi, không phải để sửa đổi tội nhân. Những hình phạt Ngài đã áp đặt là vì mục đích gìn giữ luật pháp của Ngài, không phải để cải tạo kẻ vi phạm. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Cơ-đốc nhân ngày nay nên cố vũ án tử hình cho mọi sự vi phạm này. Mặc dù chúng ta cần làm điều gì có thể để được thấy những luật lệ công bình được thi hành cách công bình nhưng nhiệm vụ chính của chúng ta là thu phục người đến với Đấng Christ và vũ khí chính của chúng ta là Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện (Cong 6:4).

Dân Do Thái thường ném đá cho đến chết những kẻ phạm tội đáng chết (Le 20:2 Phu 13:10 17:5 22:21,24), nhưng (Le 20:14 21:9) nói về những người vi phạm bị thiêu bằng lửa. Chúng ta không chắc chắn về ý nghĩa của nhóm từ “bị truất khỏi” (20:3,5-6,17-18); ở một vài chỗ, dường như nó đồng nghĩa với việc “bị giết.” Nó cũng có thể có nghĩa là sự trục xuất khỏi trại quân và mất mọi đặc quyền của giao ước. Một số kẻ vi phạm bị Đức Chúa Trời phạt bằng sự tuyệt tự (c.20-21), và về những người khác, Ngài phán, “Họ sẽ mang tội ác mình” (c.19).

Mô-lóc (c.1-5) là thần của dân Am-môn. Tượng thần bằng kim loại được đốt nóng đỏ và con trẻ bị đặt trong hai cánh tay của thần và bị đốt cho đến chết (IIVua 23:10 IISu 33:6 Gie 32:35). Những người thực hành sự thờ hình tượng như thế là vô nhân đạo, và sự hiện diện của họ trong trại quân làm ô uế nơi thánh của Đức Chúa Trời và làm xúc phạm đến danh thánh của Ngài. Những kẻ thờ hình tượng không được tha thứ vì họ đã gây ảnh hưởng đến người khác và dẫn dân sự xa rời sự thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật.

Những điều vi phạm được kể đến trong chương này đã được đề cập trong sự nghiên cứu của chúng ta về chương 18-19, đặc biệt là những vi phạm có liên quan đến tội tình dục. Hãy chú ý rằng chương này kết thúc với một lời nhắc nhở khác rằng

những tội lỗi của dân sự có thể làm ô uế xứ (20:22-27). Lời cảnh cáo này hướng đến thời điểm khi Y-sơ-ra-ên sẽ vào Ca-na-an và nhận lấy sản nghiệp của họ. Là một dân được biệt riêng, họ phải khác biệt với các dân tộc khác, phải phân biệt những điều thanh sạch và không thanh sạch, và không được sống theo cách của những người ngoại bang chung quanh họ.

Mặc dù luật pháp có thể là ánh sáng phơi bày điều ác và là một lính canh ngăn trở điều ác nhưng luật pháp không bao giờ có thể làm thay đổi lòng người. Chỉ có Phúc Âm của Đức Chúa Giê-xu Christ mới có thể làm được điều đó. Đức Chúa Trời đã chỉ định nhà cầm quyền để gìn giữ sự yên ổn và trật tự trong xã hội (Rô-ma chương 13); Cơ-đốc nhân phải vâng theo luật pháp, làm điều lành và cầu nguyện cho các bậc cầm quyền. Luật về đạo đức của Đức Chúa Trời là sự bày tỏ thánh ý của Ngài đối với con người, và những cá nhân cùng những quốc gia không thể coi thường luật pháp của Đức Chúa Trời mà có thể thoát khỏi sự xét đoán.

Cách đây hơn hai thế kỷ, nhà ái quốc người Mỹ Thomas Jefferson đã viết trong tác phẩm của ông *Những Ghi Chép Về Tiểu Bang Virginia*: “Thật vậy, tôi run sợ cho Tổ quốc tôi khi tôi suy nghĩ đến việc Đức Chúa Trời là công bình.”

Đây là những lời lẽ nghiêm túc đáng để chúng ta suy gẫm ngày hôm nay.

7. CÁI GIÁ CỦA CHỨC LÃNH ĐẠO THUỘC LINH (Le 21:1-22:33)

Dù là việc chế tạo xe hơi, tiến hành cuộc chiến, bán máy vi tính hay xây dựng hội thánh, mọi việc đều tùy thuộc vào sự lãnh đạo. Dân sự Đức Chúa Trời “đều làm một trong Đức Chúa Giê-xu Christ” (Ga 3:28) và bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta khác nhau về những sự ban cho, các khả năng, và những sự kêu gọi đặc biệt của mình.

Những lãnh đạo thuộc linh trong dân tộc Y-sơ-ra-ên là những thầy tế lễ. “Người chớ làm cho mình ô uế, vì là đầu trưởng trong dân sự mình” (Le 21:4 NKJV). Họ đảm trách nơi thánh của Đức Chúa Trời, họ dạy dỗ dân sự Lời Đức Chúa Trời, họ dâng những của lễ trên bàn thờ của Đức Chúa Trời. Khi được yêu cầu, họ xác định ý muốn của Đức Chúa Trời cho dân sự. Nếu không có chức vụ của các thầy tế lễ, Y-sơ-ra-ên không có cách nào để đến gần Đức Chúa Trời.

Các thầy tế lễ phải đáp ứng được những phẩm chất Đức Chúa Trời định ra cho chức tế lễ và họ phải hầu việc Ngài theo sự hướng dẫn của Ngài. Qua hạnh kiểm cá nhân, những đặc điểm thuộc thể và những quan tâm về chuyên môn, họ phải đáp ứng sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Có một giá phải trả nếu bạn muốn làm một người lãnh đạo thuộc linh.

1. Hạnh kiểm cá nhân (Le 21:1-15)

Đặc quyền về chức lãnh đạo mang theo nó trách nhiệm duy trì một đời sống không chỗ trách được. Qua sự dâng mình và vâng phục Đức Chúa Trời, các thầy tế lễ phải là những tấm gương cho những người còn lại trong dân tộc (1). Tiếc thay, chức tế lễ trong Y-sơ-ra-ên đã suy sụp về mặt thuộc linh và dẫn dân sự đi sai lạc. “Chúng nó ăn tội lỗi dân ta và thích thú sự gian ác của chúng nó. Và điều đó sẽ là dân sự thế nào, thầy tế lễ cũng thế ấy. Ta sẽ phạt tất cả chúng nó vì đường lối chúng nó và sẽ trả cho chúng nó về những việc làm của chúng nó” (Os 4:8-9 NIV).

Có những tư cách và những yêu cầu không chỉ dành cho các thầy tế lễ mà còn dành cho mọi thành viên trong gia đình của thầy tế lễ. Điều quan trọng cho tất cả họ là họ luôn thanh sạch về mặt nghi thức trước mặt Chúa. Từ *làm ô uế* được sử dụng 4 lần trong chương này, và từ *xúc phạm* được dùng đến 8 lần. Bạn sẽ thấy tại cuối mỗi phân đoạn chính trong các chương 21- 22, Chúa phán: “Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng làm cho các ngươi nên thánh”, hoặc những lời phán vì mục đích đó, (Le 21:8,15,23 22:9,16,32).

Các con trai của thầy tế lễ cả (Le 21:1-8). Chỉ có một thầy tế lễ cả, nhưng vì các con trai ông cùng hầu việc với ông, họ cũng phải được chỉ định và đòi hỏi phải đáp ứng những phẩm chất do Chúa đưa ra. Những người Do Thái khác trong trại quân có thể hoạch định lễ cưới hoặc lễ tang theo như họ muốn, nhưng Đức Chúa Trời cho các thầy tế lễ biết cách bày tỏ nỗi buồn của mình (c.1-6) và cách lựa chọn một người vợ (c.7-8).

Trong suốt các thời đại Kinh Thánh, việc bày tỏ nỗi buồn là một hình thức nghệ thuật được thực hiện bởi những người chuyên nghiệp về việc than khóc (Sa 50:7-11 IISu 35:25 Mac 5:38). Mặc dù Đức Chúa Trời biết rằng các thầy tế lễ buồn rầu vì sự chết của người thân yêu nhưng Ngài cũng mong muốn họ hành động như những tôi tớ của Đức Chúa Trời (2). Bất cứ ai chạm đến một xác chết, hoặc thậm chí đi vào nơi có người chết, đều bị ô uế trong một tuần, và sự ô uế sẽ ngăn trở thầy tế lễ hầu việc dân sự mình (Dan 19:11-14). Do đó, các thầy tế lễ có thể làm cho chính mình ô uế chỉ vì cha mẹ, con cái, anh em và chị em còn đồng trinh của mình, nhưng tất cả những người chết khác ở ngoài những giới hạn dành cho họ. Sự vâng lời phải được đặt ưu tiên lên trên tình cảm.

Nhưng Chúa đã qui định *thái độ* về nỗi buồn của họ (Le 21:4-6 19:27-28). Những hành động bị cấm này là những tập tục của các dân ngoại đạo sống gần Y-sơ-ra-ên, và dân sự Đức Chúa Trời không nên “buồn rầu như những người khác không có hy vọng” (ITe 4:13). Thậm chí trong nỗi buồn của mình, chúng ta phải tìm cách làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

Bất cứ thầy tế lễ nào cạo đầu với râu mình và rạch thân thể đều hành động như kẻ ngoại đạo và bởi đó xúc phạm đến danh của Đức Chúa Trời và làm ô uế bàn thờ Đức Chúa Trời. Một thầy tế lễ hành động như những người láng giềng ngoại đạo của mình sẽ khuyến khích dân Do Thái bất tuân luật pháp Đức Chúa Trời và noi theo gương xấu của người ấy. Đây thật sự là một đặc quyền cho ông để nhìn biết Đức Chúa Trời và hầu việc tại bàn thờ của Ngài. Bất tuân Đức Chúa Trời sẽ có nghĩa là không tôn trọng danh Đức Chúa Trời và làm ô uế bàn thờ Đức Chúa Trời cùng những của lễ.

Mỗi khi tôi được yêu cầu dự lễ phong chức một mục sư hay lễ bổ nhiệm một truyền đạo, tôi cố gắng khích lệ ứng viên tập trung vào những đặc quyền của chức vụ chứ không phải những gánh nặng và những sự hy sinh. Đức Chúa Giê-xu Christ không phải là một đốc công nghiêm khắc và “điều răn của Ngài chẳng phải là nặng nề” (IGi 5:3). Không một thầy tế lễ nào phải than vãn vì những sự hạn chế này. Xét cho cùng, thầy tế lễ đang hầu việc Chúa và dân sự của Chúa, đây là một đặc quyền thật xứng đáng cho bất cứ sự hy sinh nào ông ấy có thể phải thực hiện.

Về hôn nhân, các thầy tế lễ bị cấm cưới hỏi những người kỳ nữ và những người đã ly dị. Trong các tôn giáo ngoại đạo, có những nữ tế tự tại đền thờ hầu việc với các thầy tế lễ, nhưng sự mãi dâm bị cấm trong Y-sơ-ra-ên (Le 21:9 19:29 Phu 23:17). Vì các

con trai của thầy tế lễ sẽ giữ một vị trí đặc biệt trong dân tộc nên người ấy phải cẩn thận để không cưới một người nữ có thể đem dòng dõi thù nghịch vào trong gia đình. Cách duy nhất để chắc chắn rằng dòng tế lễ được giữ tinh sạch là người ấy phải cưới một trinh nữ.

Khi bạn đọc về những phẩm chất dành cho các mục sư (trưởng lão, giám mục) và những chấp sự trong chương 3 sách I Ti-mô-thê và chương 1 của Tít, bạn không khỏi thấy rằng vợ và gia đình của một cộng sự trong hội thánh là một phần quan trọng trong chức vụ của người ấy. Suốt hơn 40 năm của chức vụ, tôi đã gặp hơn một cộng sự Cơ-đốc phải “hầu việc một mình” vì vợ của ông không có sự quan tâm đến những điều thuộc linh. Mọi tín hữu phải cẩn trọng trong việc chọn người bạn đời cho mình (ICo 7:39 IICo 6:14-18), nhưng những người đã được kêu gọi để hầu việc Đấng Christ đều phải cẩn trọng càng hơn.

Con gái của thầy tế lễ (Le 21:9). Nếu con gái của thầy tế lễ trở nên một kỹ nữ và sống đời sống bất khiết, thầy tế lễ không mất chức vụ mình nhưng đứa con gái sẽ mất mạng sống. Nàng có thể bị ném đá đến chết (Phu 22:21) và sau đó thi thể nàng bị xem khinh bằng cách bị thiêu như rác rưởi (Gios 7:25 Le 20:14). Trong Hội thánh ngày nay, trưởng lão phải là một người “có con cái tin Chúa và không bị buộc tội buông tuồng và ngỗ nghịch” (Tit 1:6 NIV). Đòi hỏi này có thể dường như nghiêm khắc một cách không cần thiết, nhưng “vì nếu có ai không biết quản lý gia đình riêng của mình, người ấy làm sao có thể chăm sóc Hội Thánh của Đức Chúa Trời” (ITi 3:5 NIV).

Thầy tế lễ cả (Le 21:10-15). Vì thầy tế lễ cả được xức dầu một cách đặc biệt và được mặc quần áo thánh (8:7-12 16:4) nên ông có bốn phạm cao hơn để hầu việc Chúa cách trung tín và tôn vinh danh Ngài. Các thầy tế lễ bình thường được phép bị ô uế bởi xác chết của những người thân yêu, nhưng thầy tế lễ cả không được phép làm vậy. Ông cũng không được phép biểu lộ sự đau khổ trong những cách thông thường hoặc rời khỏi khu vực đền tạm vì sự chôn cất (10:6-7). A-rôn và các con trai ông có trại của họ ở phía đông đền tạm (Dan 3:38), và họ phải tiếp tục làm nhiệm vụ của mình mà không được tham dự vào các hoạt động khác trong trại quân (IITi 2:4).

Vì con trưởng nam của thầy tế lễ cả sẽ là thầy tế lễ cả kế nhiệm nên thật quan trọng để không xuất hiện dòng dõi xa lạ trong gia đình. Do đó, thầy tế lễ cả chỉ có thể cưới một trinh nữ (Le 21:13-14). Trong hầu hết các trường hợp, các thầy tế lễ chọn vợ từ chi phái Lê-vi (Lu 1:5) và với thầy tế lễ cả càng phải đặc biệt như thế. Cưới một người nữ không thích hợp sẽ làm ô uế cả dòng họ của thầy tế lễ cả, và điều này sẽ làm ô uế chức tế lễ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã thánh hóa (Le 21:8,15).

Mặc dù những qui định đặc biệt này không áp dụng cho những người hầu việc Chúa trong Hội thánh ngày nay, nhưng các nguyên tắc vẫn rất quan trọng và thích hợp. Nếu chúng ta muốn có sự chúc phước của Đức Chúa Trời trên chức vụ mình, chúng ta phải giữ chính mình, giữ cho hôn nhân và gia đình mình được tinh sạch và tận tụy trước mặt Đức Chúa Trời. Một cuộc hôn nhân tin kính cùng con cái tin kính sẽ tạo nên một đồn lũy thuộc linh mà từ đó các tội tớ của Đức Chúa Trời có thể tiến lên và đánh trận cho Chúa. Cơ-đốc nhân cần phải cầu nguyện nhiều cho các mục sư, những người lãnh đạo thuộc linh khác, cùng gia đình họ, vì những người lãnh đạo là những mục tiêu đặc biệt của kẻ thù.

2. Những đặc điểm về thuộc thế (Le 21:16-24)

Mọi người sinh ra trong dòng dõi A-đam đều là tội nhân, đều phải gánh chịu những hậu quả bi thảm về sự sa ngã của A-đam, nhưng những khuyết điểm về thuộc thể và đạo đức của chúng ta không phải là một trở ngại đối với sự cứu rỗi hay sự hầu việc. Khi Đức Chúa Trời mời gọi kẻ hư mất để được cứu, Ngài kêu gọi “những kẻ nghèo khó, tàn tật, đui mù” (Lu 14:21), họ chính là những người mà Chúa Giê-xu đã dạy dỗ khi Ngài còn hiện diện trên đất này (Mat 4:23-25). Và mọi tín hữu đều có thể đầu phục Chúa và làm những “cửa lễ sống” vì sự vinh hiển của Ngài, dù họ có thể có những điều bất lợi nào.

Fanny Crosby, tác giả những bài thánh ca tuyệt vời, là một người khiếm thị; George Matheson, nhà văn, người viết thánh ca, và là nhà truyền giảng cũng là một người khiếm thị như vậy. Amy Carmichael đã hướng dẫn công việc truyền giáo của bà ở Ấn Độ từ giường bệnh. Nhà truyền giáo thuộc Hội Trưởng Lão Robert Murray McCheyne thường xuyên bị hành hạ bởi căn bệnh suy tim. Và Charles Spurgeon đã phải rời Luân Đôn vào mùa đông để phục hồi sức khỏe tại miền nam nước Pháp. Những bất lợi thuộc thể không nhất thiết là trở ngại cho sự hầu việc Chúa nếu chúng ta cậy nhờ hoàn toàn nơi ân điển của Đức Chúa Trời (II Co 12:1-15).

Tuy nhiên, trong dân tộc Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời đòi hỏi rằng mọi thầy tế lễ không được có khuyết điểm và dị tật. Có hai lý do cho đòi hỏi này. Trước hết, những cửa lễ dân sự đem đến cho Chúa phải toàn hảo; vì thế chỉ có thể thích hợp khi những người dâng của lễ tại bàn thờ cũng không có khuyết tật. Hai là, các thầy tế lễ là hình ảnh của Thầy Tế lễ Thượng phẩm cao trọng là Đấng hầu đến, và nơi Ngài không có khuyết điểm nào.

Chúng ta không có lý do gì để tin rằng bất cứ thầy tế lễ nào không đủ tư cách đều bị đối xử như một công dân hạng hai trong trại quân Y-sơ-ra-ên. Mặc dù các thầy tế lễ có khuyết tật không thể hầu việc tại bàn thờ hay trong nơi thánh, họ vẫn được xem là thầy tế lễ và được phép dự phần với gia đình mình trong những bữa ăn về của lễ (Le 2:3,10 6:14-18) cùng những lợi ích vật chất khác mà dòng Lê-vi được hưởng.

Chúng ta không biết chắc ý nghĩa của mọi từ Hê-bơ-rơ chỉ về những khuyết tật được kể tên trong phân đoạn này, nhưng “mù hoặc què, méo mó hoặc biến dạng” (21:18 NIV) dường như đã tóm tắt được những khuyết tật đó. Một số này là những khuyết tật bẩm sinh, số khác có thể là hậu quả đáng buồn của bệnh hoạn hoặc tai nạn. Người xưa không khéo léo trong việc giải phẫu chỉnh hình hay giải quyết những căn bệnh như các thầy thuốc ngày nay. “Hòn nang đập” trong câu 20 chỉ về những tình hoàn bị tổn thương. Những người hoạn không được phép ở trong cộng đồng thờ phượng của Y-sơ-ra-ên (Phu 23:1) và chắc chắn sẽ không được phép thi hành chức vụ tại bàn thờ. Việc sinh con là quan trọng đối với dân Do Thái, và nó đặc biệt quan trọng khi dòng tế lễ phải được duy trì mãi mãi.

Một lần nữa, phân đoạn Kinh Thánh này không nên được sử dụng vào ngày nay để hạ thấp hay hăm dọa người nào có sự khiếm khuyết trong thân thể. Nó chưa bao giờ được viết cho mục đích đó. Các thầy tế lễ là những người đặc biệt có một công việc đặc biệt phải thực hiện, và Đức Chúa Trời muốn họ là những người tốt đẹp nhất về mặt thuộc thể. Một linh hồn đẹp đẽ có thể ẩn giấu trong những thân thể khiếm khuyết và Chúa có thể đại dụng bất kỳ người nào biết vâng lời và yêu mến Ngài.

Khi nào bạn có dịp nghe băng nhạc của Arturo Toscanini, hãy nhớ rằng vị nhạc trưởng vĩ đại này thành công nhờ một khuyết tật: cận thị. Ở tuổi 19, trong lúc chơi

đàn vi-ô-lon-xen trong một dàn nhạc nhỏ ở châu Âu, ông phải thuộc lòng trọn bản nhạc vì ông ngồi ở hàng ghế cuối của dàn nhạc và nơi đó rất khó nhìn bản nhạc để đọc các nốt nhạc. Một ngày kia, người chỉ huy bị bệnh, và Toscanini là người duy nhất biết tất cả các khúc nhạc, vì thế ông đã chỉ huy buổi hòa nhạc cách trọn vẹn nhờ vào trí nhớ của mình. Đây là khởi đầu sự nghiệp đáng chú ý của ông, tất cả đều đã được thực hiện bởi một khuyết tật - và một trí nhớ tốt!

3. Những mối quan tâm về chuyên môn (Le 22:1-33)

Để một thầy tế lễ hầu việc Chúa cách phải lẽ, thì việc người ấy chỉ có tư cách như con trai của A-rôn và không có bất cứ khiếm khuyết nào trên thân thể vẫn chưa đủ. Người ấy cũng phải thi hành chức vụ mình theo cách thức làm đẹp lòng Chúa. Những người đến thờ phượng có thể nhìn vào nghi lễ bên ngoài nhưng Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng mỗi người.

Nhóm từ “phân rẽ chúng khỏi những vật thánh” (c.2) cho thấy chủ đề trong chương này. Điều ấy có nghĩa là “đối xử bằng sự quan tâm và tôn trọng” hoặc “cẩn thận trong việc xử lý.” Các thầy tế lễ dâng của lễ suốt ngày, suốt năm; vì thế, sẽ dễ dàng để họ phát triển một thái độ “thành thạo”, và thái độ này đã biến một nghi lễ thiêng liêng thành một lễ thói hời hợt. Tiểu thuyết gia George MacDonald đã nói: “Không có gì làm giảm nhẹ những điều thiêng liêng bằng một cách giải quyết theo thông lệ về bên ngoài của những điều thánh khiết.” Đó là điều mà lời cảnh cáo này nói đến.

Khi tôi còn là một sinh viên thần học viện, một trong các giáo sư của tôi cho chúng tôi biết về mối quan tâm của ông khi ông nghe hai sinh viên nói chuyện với nhau vọng qua khu đại học vào một buổi chiều nọ.

Người thứ nhất hỏi: “Anh sắp đi đâu đấy?”

Người kia trả lời: “Qua đại lộ Madison.”

Cái gì xảy ra ở đó?

Ồ, tôi đi xem qua một xác chết!

Vị giáo sư vừa tức giận vừa đau lòng khi nghĩ rằng một trong các sinh viên của ông lại mô tả một lễ tang Cơ-đốc như việc “xem qua một xác chết.” Thái độ này là điều mà Ralph G. Turnbull đã gọi là “bóng ma của tính cách nhà nghề”, nghĩa là một người có thể thực hiện được đầy đủ nghi thức trong chức vụ nhưng không hề có tấm lòng (3). Bên ngoài, bạn làm mọi việc đúng đắn theo cách đúng đắn, nhưng khi Đức Chúa Trời nhìn nơi lòng bạn, không có gì đúng đắn tại đó cả. Vào thời của tiên tri Ma-la-chi, bóng ma của tính cách nhà nghề đã che phủ mọi việc làm của tất cả các thầy tế lễ (Ma 1:6-2:9).

Sự bất cẩn và tính cách nhà nghề tại nơi bàn thờ sẽ bày tỏ chính nó qua ba phương diện: các thầy tế lễ bị ô uế (Le 22:3-9), những vị khách không đủ tư cách (c.10-16), và những của lễ không được chấp nhận (c.17-33). Thầy tế lễ phải kết thúc việc làm ô uế chính mình, các của lễ và chính bàn thờ nơi ông hầu việc Đức Chúa Trời.

Các thầy tế lễ ô uế (Le 22:3-9). Giả sử một thầy tế lễ trở nên ô uế nhưng không làm gì để giải quyết điều đó? Làm sao ai đó sẽ biết rằng người ấy bị ô uế? Người ấy có thể thi hành chức vụ tại bàn thờ, xử lý các của lễ, thậm chí dự phần vào của lễ thiêng liêng thuộc về mình một cách hợp pháp, và rõ ràng là tránh được sự trừng

phạt. Nhưng Đức Chúa Trời biết điều này, và thầy tế lễ sẽ ở trong hiểm họa của sự chết (c.9).

Loại hành vi này cho thấy rằng thầy tế lễ đang đặt mình lên trên Đức Chúa Trời và quan tâm về thanh danh của mình hơn là tính cách của mình. Tên gọi cho tội lỗi này *sự giả hình*. Nó khiến ông lo lắng rằng dân sự sẽ biết ông bị ô uế, nhưng nó không khiến ông lo lắng rằng ông đang làm ô uế chức vụ thiêng liêng mà bởi đó Đức Chúa Trời đã biệt riêng ông. Giống như những người Pha-ri-si trong thời Chúa Giê-xu, thầy tế lễ này có vẻ tinh sạch, nhưng thật sự là “độc hại” (Mat 23:25-28).

Tất cả những ai hầu việc Chúa cùng dân sự của Chúa phải mở lòng và chân thành trước mặt Đức Chúa Trời và phải thi hành chức vụ trước hết để làm đẹp lòng một mình Ngài. Chúng ta phải cảm tạ Đức Chúa Trời về đặc quyền được kêu gọi để hầu việc, và chúng ta phải đối xử mọi vật của Đức Chúa Trời với sự tôn trọng thánh khiết. “Chẳng có vật nào trong toàn bộ sự sáng tạo được giấu kín trước mặt Đức Chúa Trời. Mọi vật đều trần trụi và lộ ra trước mắt Đấng mà chúng ta phải thưa lại” (He 4:13 NIV). Giô-sép đã sử dụng phương cách đó khi ông nói với người đàn bà đã cám dỗ ông: “Làm sao tôi có thể làm điều đại ác này mà phạm tội cùng Đức Chúa Trời sao?” (Sa 39:9). Đây cũng là phương cách của Phao-lô đối với chức vụ, “nên tôi gắng sức để giữ lương tâm mình trong sạch trước mặt Đức Chúa Trời và loài người” (ICo 24:16 NIV).

Sự bảo vệ lớn nhất chống lại tính cách nhà nghề và sự giả hình trong chức vụ là sự kính sợ Chúa khi được bày tỏ trong một lương tâm dụi dàng (II Co 1:12 4:2 5:11). Lương tâm giống như cửa sổ để ánh sáng lọt vào, khi cửa sổ trở nên dơ bẩn, ánh sáng dần dần trở nên sự tối tăm. Một khi lương tâm bị ô uế (Tit 1:15), nó trở nên ngày càng tệ hại hơn và cuối cùng có thể quá “chai lì” đến nỗi không còn nhạy cảm gì cả (ITi 4:2). Khi ấy, nó trở nên một “lương tâm xấu” (He 10:22), một lương tâm chỉ thực hiện chức năng trái ngược với lương tâm tốt (IPhi 4:16).

Những vị khách không đủ tư cách (Le 22:10-16). Một thầy tế lễ có thể ăn những phần của lễ đã được qui định và cùng ăn với những người trong gia đình là những người có tư cách để ăn, nhưng nếu ông quá hào phóng với những của lễ của Đức Chúa Trời và mời đến những người ngoài thì ông sẽ phạm tội với Chúa và với vị khách của mình. Người khách không đủ tư cách sẽ phải mang đến một của lễ chuộc sự mắc lỗi cộng với tiền phạt, và điều này khiến cho bữa ăn đó thật sự là một bữa ăn đắt giá!

Nói cách khác, một thầy tế lễ trung tín phải có sự thành thật cùng sự can đảm để tự chế bản thân mình (Le 22:1-9) và với người khác. Điều này sẽ kể đến bất cứ đứa con gái nào của ông đã kết hôn ngoài dòng tế lễ (c.12-13). Lòng yêu thương của ông sẽ muốn mời họ đến dự tiệc, nhưng ông không được phép làm như thế. Nếu mời họ chỉ sẽ làm hại những người ấy và buộc họ phải trả một số tiền phạt.

Một trong những điều khó khăn nhất trong chức vụ Cơ-đốc là việc phải nói không, nhưng để giữ cho mối giao thông của chúng ta được tinh sạch trước mặt Đức Chúa Trời, đôi khi chúng ta phải làm điều đó. Mục sư nào từ chối cưới gả một tín hữu cho một người không tin Chúa thường có những kẻ thù, đặc biệt là giữa vòng những người bà con, nhưng người ấy giữ lương tâm mình trong sạch trước mặt Đức Chúa Trời. Cha mẹ nào cấm con cái họ bồi đắp những tình bạn tai hại đều bị hiểu lầm và đôi khi bị nói xấu, nhưng họ biết mình đang làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Những Hội Thánh nào từ chối tiếp nhận vào tư cách thành viên những người không bày tỏ chứng

có về đức tin cứu rỗi trong Đấng Christ đều thường bị gọi là “thánh khiết hơn người”, nhưng họ đã có can đảm để nói không!

Những của lễ không được chấp nhận (Le 22:17-32). Giống như các thầy tế lễ không có những khuyết tật thuộc thể, những của lễ họ dâng lên cũng phải hoàn hảo, nếu không, Chúa sẽ không chấp nhận chúng. Tôi không biết có bao nhiêu lần các thầy tế lễ phải khước từ một người đến thờ phượng cùng của lễ của người ấy vì đã tìm cách dâng lên cho Chúa một con vật loại kém không đáng giữ lại và không thể bán được? “Khi các người đem đến những con vật bị thương, bị què hoặc đau và dâng chúng làm của lễ, ta há sẽ nhận chúng từ tay các người sao? Đức Giê-hô-va phán vậy” (Ma 1:13 NIV). “Hãy thử dâng chúng cho quan trấn thủ người. Người há sẽ đẹp lòng về người sao? Người há sẽ chấp nhận người sao? Chúa Toàn Năng phán vậy” (Ma 1:8 NIV).

Các tội tở của Đức Chúa Trời không những không nên khiến cho dân sự dễ dàng phạm tội (Le 22:10-16) mà họ cũng phải khích lệ dân sự dâng điều tốt nhất của mình cho Chúa. Thái độ của Đa-vít là đúng đắn: “Ta sẽ không dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ta những của lễ thiêu không đáng giá chi” (II Sa 24:24 NIV). Thầy tế lễ nào có sự tôn trọng đối với chức vụ mình và sự quan tâm cao đối với những của lễ của Đức Chúa Trời sẽ chỉ chấp nhận những con vật đáp ứng các đòi hỏi của Đức Chúa Trời. Nếu để một người đến thờ phượng từ bàn thờ trở về với sự đảm bảo sai lầm về sự tha thứ thì sẽ gây ảnh hưởng tai hại cho đời sống thuộc linh của người ấy.

Sự đòi hỏi đặc biệt về tuổi của của lễ (Le 22:26-28 Xu 22:30) cho thấy tấm lòng dịu dàng của Đấng Tạo Hóa đối với tạo vật của Ngài (Gion 4:11 Phu 22:6-7). Một bò tơ hay chiên con chưa đến một tuần tuổi mà bị chuyên chở một đoạn đường nào đó lên đến đền thờ có thể bị chết trong quá trình vận chuyển. Dường như đối với tôi, sẽ thật độc ác khi giết mẹ và con trong cùng một ngày, vì bất cứ mục đích gì. Trong việc thực hiện những nghĩa vụ tôn giáo, chúng ta phải cẩn thận để không phải vô tâm và bất cẩn trong cách chúng ta sử dụng những gì Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Có hơn một nhà phê bình xã hội đã chỉ ra rằng cách con người đối xử với thú vật dần dần trở thành cách họ đối xử với con người. Vị tộc trưởng của thổ dân Mỹ tại tiểu bang Seattle đã nói: “Vì bất cứ điều gì xảy ra cho loài thú, chẳng bao lâu sẽ xảy ra cho con người. Mọi sự đều có liên hệ với nhau.”

Giả sử một thầy tế lễ đưa ra câu hỏi: “Tại sao tôi phải tôn trọng và lưu tâm đến những của lễ của Đức Chúa Trời và chức vụ mà Ngài đã ban cho tôi?”

Ba câu kết thúc chương này sẽ đưa ra câu trả lời cách rõ ràng:

(1) Đây là những điều răn của Đức Chúa Trời, và chúng phải được vâng theo. Đức Chúa Trời không bao giờ đòi hỏi điều gì không phải là tốt nhất cho chúng ta.

(2) Đây là cách chúng ta làm vinh hiển danh của Đức Chúa Trời và khiến Ngài được tôn kính trước mặt dân sự Ngài.

(3) Chúa là Đấng truyền mạng lệnh cho chúng ta và cũng là Đấng cứu chuộc chúng ta ra khỏi cảnh tội mọi, và Ngài là Đấng đã biệt riêng chúng ta làm một dân đặc biệt của Ngài. Chúng ta hàm ơn Ngài trong mọi sự!

Còn động cơ nào lớn hơn mà chúng ta còn cần đến nữa chẳng?

8. LỊCH CHO BIẾT TƯƠNG LAI (Le 23:1-44)

Nếu bạn muốn bước vào một thế giới mất trật tự và rối loạn, hãy nghiên cứu sự phát triển của lịch hiện đại.

Vào thời của Julius Caesar, lịch không còn thích hợp với thiên nhiên nữa đến nỗi Caesar ra lệnh cho một nhà thiên văn Hy Lạp tên là Sosigenes sắp xếp lại mọi sự. Vì không thể thay đổi sự chuyển động của các tầng trời, Sosigenes giải quyết vấn đề bằng cách tạm thời thêm vào lịch gần ba tháng nữa, cho nên vào năm 46TC có 445 ngày! Những người ra đời vào năm đó hẳn là rất thích thú trong việc cố gắng tính toán ngày sinh của mình.

Giáo hoàng Gregory XIII (1502-85) đã đặt ra lịch mà chúng ta sử dụng ngày nay. Thật ra, đó là sự sửa lại lịch cũ của Julius. Khi nước Anh và những thuộc địa của họ tiếp nhận lịch của Gregory vào năm 1752, ngày 3 tháng 9 trở thành ngày 14 tháng 9 và 11 ngày đã biến mất khỏi lịch sử Anh quốc. George Washington thấy ngày sinh của mình dời từ ngày 11/2 sang 22/2. Có lẽ ông tổ chức sinh nhật của mình hai lần trong một năm.

Lịch là một bộ phận thường nhật trong thế giới hiện đại bận rộn của chúng ta, nhưng đối với dân Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se, lịch không đóng vai trò quan trọng đến thế. Dân Do Thái làm việc từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, đếm các tháng bằng những tuần trăng, và theo dõi các mùa đến rồi đi. Đức Chúa Trời đã hứa với họ “mùa gieo giống cùng mùa gặt hái, lạnh và nóng, mùa hạ cùng mùa đông, ngày và đêm” (Sa 8:22) và họ thỏa lòng. Mỗi ngày là một sự ban cho thiêng liêng từ Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên một lịch gắn liền với sự nhịp nhàng của các mùa và với lịch sử của dân tộc này. Đây là một lịch hiếm có, vì nó không chỉ tóm tắt điều Đức Chúa Trời đã làm cho họ trong quá khứ, mà nó còn cho biết trước điều Đức Chúa Trời sẽ làm cho họ trong tương lai. Công việc cứu rỗi của Đức Chúa Giê-xu Christ, sự thành lập Hội Thánh và tương lai của dân Y-sơ-ra-ên đều được minh họa qua 7 kỳ lễ này.

Trong chương này, những ngày đặc biệt được gọi là “những ngày lễ” 9 lần, và “những sự nhóm hiệp thánh” 10 lần. Cụm từ “những ngày lễ” không có liên quan gì đến việc ăn uống. Thật ra, vào Ngày Lễ Chuộc Tội, dân sự đều kiêng ăn. Cụm từ này đơn giản có nghĩa là “những lần đã được chỉ định.” “Sự nhóm hiệp” cho ý niệm rằng trong suốt mỗi kỳ lễ này, dân sự nhóm họp nhau lại như một hội chúng, nhưng điều này cũng không đúng. Có những sự nhóm lại vào một số ngày đặc biệt, nhưng cụm từ này cơ bản có nghĩa là “sự tuyên bố” hoặc “sự rao truyền.” Chúa “chỉ định và rao truyền” những sự kiện này, và dân sự phải trung tín kỷ niệm những sự kiện ấy.

1. Ngày Sa-bát hằng tuần: Đức Chúa Trời sắp đặt thời gian của chúng ta (Le 23:1-3)

Ngày Sa-bát hằng tuần không phải là một trong những ngày lễ hằng năm (Xu 20:8-11), nhưng đó là một ngày quan trọng đối với dân Do Thái, và họ phải tôn trọng ngày ấy vì không tôn trọng nghĩa là chết (Dan 15:32-36).

Đức Chúa Trời đã ban ngày Sa-bát cho Y-sơ-ra-ên vì nhiều lý do. Một mặt, nó giúp cho sự nghỉ ngơi và sự phục hồi cần thiết cho dân sự, cho gia súc và đất đai. (“Sabbath” đến từ một từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “nghỉ ngơi, ngừng lao động”). Căn cứ trên (Sa 2:1-3), ngày Sa-bát hằng tuần nhắc nhở dân Do Thái rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời là

Đấng Tạo Hóa và họ chỉ là những quản gia về những sự ban cho rời rộng của Ngài. Chúa cũng lập ra những năm Sa-bát và Năm Hân Hỉ để ngăn dân Do Thái khai khẩn đất đai và làm chúng suy kiệt (chương 25). Sự quan tâm nhân ái của Ngài đối với tạo vật có thể thấy được trong những luật về ngày Sa-bát.

Ngày Sa-bát cũng là một dấu hiệu đặc biệt giữa Đức Chúa Trời và dân giao ước của Ngài (Xu 31:12-17). Những dân khác có thể làm việc vào ngày thứ 7 và xem nó như bất cứ ngày nào khác, nhưng dân Y-sơ-ra-ên nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy và bởi đó trình bày chứng cứ rằng họ thuộc về Chúa (Ne 13:15-22 Es 58:13-14). Nê-hê-mi cho biết rõ rằng luật Sa-bát đã không được ban cho Y-sơ-ra-ên cho đến khi họ đến tại núi Si-nai (Ne 9:13-14), trong khi (Thi 147:19-20) cho thấy luật này chưa bao giờ được ban cho các dân ngoại. Mặc dù tín đồ ngày nay không buộc phải “nhớ ngày Sa-bát” (Ro 14:1 Co 2:16-17) thì nguyên tắc về sự nghỉ ngơi một ngày trong bảy ngày vẫn là một nguyên tắc tốt lành.

2. Lễ Vượt Qua: Đấng Christ chết thay tội lỗi chúng ta (Le 23:4-5)

Lễ Vượt Qua là ngày lễ giải phóng của Y-sơ-ra-ên; phân đoạn chính trình bày về lễ này là Xuất Ê-díp-tô ký chương 12. Chiên con vô tội chết thay cho những con trưởng nam, vì huyết chiên con đã được bôi ở cửa bởi đức tin, nên những con trưởng nam được an toàn. Đây là “sự vượt qua của Chúa” và là phương tiện giải cứu duy nhất mà Ngài ban vào cái đêm khủng khiếp đó khi thần chết đến thăm viếng Ê-díp-tô. Từ chối huyết chiên con là chấp nhận sự xét đoán và sự chết.

Chiên con là điển hình về Chúa Giê-xu Christ, Đấng đã đổ huyết Ngài trên thập tự giá vì một thế giới tội nhân hư mất (Gi 1:29 IPhi 1:19-20) “Vì Đấng Christ là con sinh Lễ Vượt Qua của chúng ta bị giết vì chúng ta” (ICo 5:7). Vì chiên con Lễ Vượt Qua phải toàn hảo nên nó được chọn vào ngày 10 và được xem xét cẩn thận cho đến khi nó bị giết vào ngày 14 trong tháng. Đức Chúa Giê-xu Christ “chẳng biết tội lỗi” (IICo 5:21), “chưa hề phạm tội” (IPhi 2:22) và “trong Ngài không có tội lỗi” (IGi 3:5).

Những con trưởng nam Do Thái ở Ê-díp-tô được cứu khỏi sự chết không phải bằng cách khâm phục chiên con, chăm sóc chiên con hay yêu mến chiên con. Chiên con phải bị giết và huyết được bôi tại cột cửa của mỗi nhà Do Thái. Chúng ta được cứu không phải bởi Đấng Christ là Tấm Gương hay Ngài là Giáo Sư. Chúng ta được cứu bởi Đấng Christ là Đấng thay thế, đã phó sự sống Ngài thay chúng ta trên thập tự giá vào chính ngay giờ mà những chiên con Lễ Vượt Qua bị giết tại đền thờ Do Thái ở Giê-ru-sa-lem.

Dân Do Thái cũng ăn thịt chiên con, và điều này tiếp thêm sức mạnh cho họ trong cuộc hành trình phía trước. Không một người ngoài nào được phép ăn tiệc Lễ Vượt Qua (Xu 12:43-51). Bạn phải được sinh ra trong gia đình Do Thái (Xu 12:48-49) hoặc được mua, và người ta phải mang trên thân thể mình dấu của giao ước. Những ai chưa bao giờ tin Chúa Giê-xu Christ thì không thể “thượng thức” Ngài nhờ Lời Ngài và tìm thấy sức mạnh họ cần cho hành trình của đời sống. Chỉ những ai được sinh ra trong gia đình Đức Chúa Trời nhờ đức tin nơi Đấng Christ, được mua bởi huyết Ngài và được ấn chứng bởi Thánh Linh với tư cách một đứa con của giao ước mới, thì mới có thể có được Chúa Giê-xu Christ qua Lời Ngài và “sống” bởi Ngài.

Lễ Vượt Qua là khởi đầu năm tôn giáo của Do Thái (c.1-2); và khi các tội nhân tin nơi Đấng Christ, nó đánh dấu một sự khởi đầu mới trong một đời sống mới của họ

(II Co 5:21). Y-sơ-ra-ên không chỉ được giải cứu khỏi sự xét đoán, dân tộc này cũng đã được giải cứu khỏi Ê-díp-tô và được tự do để đi đến vùng đất đã hứa ban cho họ.

3. Bánh không men: Sự phân rẽ khỏi tội lỗi (Le 23:6-8)

Bảy ngày sau Lễ Vượt Qua, dân Do Thái chỉ ăn bánh không men với những bữa ăn của họ và cẩn thận làm sạch men khỏi nhà mình (Xu 12:15-20). Ở nhiều chỗ trong Kinh Thánh, men mô tả tội lỗi. Vì vậy, việc cất men đi minh họa sự làm tinh sạch đời sống của một người sau khi đã được cứu nhờ đức tin nơi huyết (II Co 6:14-7:1).

Chúng ta phải loại bỏ men của “đời sống cũ” (ICo 5:7). Những điều đó thuộc về những ngày chưa tin nhận Chúa của chúng ta và nó không có chỗ trong hành trình mới của chúng ta với Chúa (I Phi 4:1-5). Chúng ta cũng phải cất đi “men gian ác độc dữ” (ICo 5:8 Eph 4:31-32), men của sự giả hình (Lu 12:1) và học thuyết sai lạc (Ga 5:7-9). “Men đắng Hê-rốt” (Lu 8:15) tượng trưng cho thái độ kiêu ngạo và tính trần tục hiển hiện thật rõ ràng trong đời sống của vị vua độc ác đó. Và “men của người Sa-đu-sê” chính là sự vô tín (Mat 16:6).

Dân sự được cứu khỏi sự chết và ách tội mọi không phải bằng cách loại bỏ men nhưng bằng cách bôi huyết chiên con bởi đức tin. Ngày nay người ta nghĩ họ sẽ được cứu vì họ sửa đổi hoặc từ bỏ một thói quen xấu, nhưng dù việc làm này là tốt, họ không bao giờ có thể làm được điều mà chỉ huyết của Đấng Christ mới có thể thực hiện được. Sự cứu rỗi chỉ có được qua dòng huyết của Đấng Christ, Chiên Con vô tội của Đức Chúa Trời, nhưng “người kêu cầu danh Đấng Christ thì phải tránh khỏi sự gian ác” (ITi 2:19 NKJV).

Đời sống Cơ-đốc không phải là một nạn đói hay một lễ tang, đó là một bữa tiệc. “Vậy thì, chúng ta hãy giữ lễ... dùng bánh không men của sự thật thà và lễ thật” (ICo 5:8). Tội lỗi có thể được bí mật đưa vào đời sống của chúng ta và ngấm phát triển đến nỗi làm ô nhiễm con người bên trong chúng ta. Một Cơ-đốc nhân “độc hại” trong một tập thể Hội Thánh có thể làm ô uế cả tập thể nếu có đủ thời gian. Nếu được để phát triển thì một học thuyết sai lạc sẽ hủy hoại cả giáo hội.

Ở nhiều khu vực của thế giới phương Tây, bạn sẽ tìm thấy những Hội Thánh và trường học từng chân thật đối với đức tin Cơ-đốc, nhưng ngày nay họ đã chối bỏ đức tin đó. Điều này đã xảy ra như thế nào? Tại một thời điểm nào đó, một ủy ban đã mời giáo sư hoặc kêu gọi mục sư là người không đồng ý hết lòng bày tỏ đức tin theo tinh thần Phúc Âm, và men của học thuyết sai lạc đã ngấm ngấm được đưa vào. Chẳng bao lâu, toàn bộ bột nhồi đã bị lên men, và chức vụ không còn mang tinh chất Phúc Âm nữa. Các lãnh đạo Cơ-đốc phải đề phòng và can đảm làm mọi cách để giữ cho công việc của Đức Chúa Trời được tránh khỏi men.

4. Lễ đầu mùa: Đấng Christ sống lại từ cõi chết (Le 23:9-14)

Ngày sau lễ Sa-bát tiếp theo lễ Vượt Qua là ngày thứ nhất trong tuần, thầy tế lễ mang bó lúa đầu mùa từ cánh đồng về, đưa qua đưa lại như một của lễ trước mặt Chúa. Đây là một dấu hiệu cho thấy vật đầu mùa và vật tốt nhất thuộc về Đức Chúa Trời, và điều này được thực hiện trước khi Y-sơ-ra-ên thu hoạch cho chính mình (Xu 23:19 Ne 10:34-37 Ch 3:9). Đó cũng là một sự bày tỏ lòng biết ơn đối với Chúa vì đã ban mùa gặt và chu cấp đồ ăn hằng ngày cho họ. Dân Do Thái không được phép ăn sản phẩm của vụ thu hoạch cho đến khi quả đầu mùa đã được dâng lên cho Chúa (Le 23:14), đây là một hình ảnh trong Cựu Ước của (Mat 6:33).

Chiên con đực bị giết làm của lễ thiêu nói về sự dâng mình cho Đức Chúa Trời của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Của lễ chay và của lễ quán là những điều nhắc nhở rằng hai thực phẩm của họ, bánh và rượu đều đến từ Đức Chúa Trời (Thi 104:14-15).

Tuy nhiên, có một ý nghĩa sâu sắc hơn đối với nghi lễ này vì Đức Chúa Giê-xu Christ là “trái đầu mùa của những kẻ ngủ” (ICo 5:20). Chúa Giê-xu đã ví sánh sự chết và chôn của Ngài với việc gieo một hạt giống (Gi 12:23), và Phao-lô đã nâng hình ảnh này lên cao hơn qua việc nhìn thấy sự sống lại của Ngài như mùa gặt (ICo 15:35-49).

Tại đây nổi bật lên hai lễ thật cơ bản. Thứ nhất, Đức Chúa Trời đã chấp nhận bó lúa thay cho cả mùa gặt, và vì Cha đã chấp nhận Đức Chúa Giê-xu Christ nên chúng ta được chấp nhận trong Ngài (Eph 1:6). Thứ hai, bó lúa giống như mùa gặt. Thầy tế lễ không vãi những nhánh cỏ để tượng trưng cho mùa gặt lúa nhưng ông đã đưa qua đưa lại một bó lúa. Là trái đầu mùa của mùa sống lại, Đức Chúa Giê-xu Christ giờ đây là hình ảnh mà ngày nào đó dân sự Ngài cũng sẽ như vậy. Vào “mùa sống lại”, chúng ta sẽ giống như Ngài (ICo 15:49 Phi 3:20-21 IGi 3:1-3).

Việc nghi lễ này diễn ra vào ngày đầu tuần, là ngày của Chúa, thật có ý nghĩa, vì Đức Chúa Giê-xu Christ đã sống lại từ cõi chết vào ngày đầu tuần. (Thi 118:17-24) dường như mô tả chiến thắng phục sinh của Đấng Mê-si trên mọi kẻ thù của Ngài (Mat 21:1-11,42-46) và (Thi 118:24) đã nói: “Này là ngày Đức Giê-hô-va làm nên, chúng tôi sẽ mừng rỡ và vui vẻ trong ngày ấy”. Đây có thể là sự đề cập đến ngày đầu tuần, ngày của sự sống lại.

5. Lễ Ngũ Tuần: ngày sinh của Hội Thánh (Le 23:15-21)

Ngày đặc biệt này cũng được gọi là “Lễ Các Tuần” vì nó kỷ niệm 7 tuần sau lễ dâng sản vật đầu mùa. Từ “Ngũ Tuần” có nghĩa là “thứ 50” và vì lễ này được tổ chức 7 tuần sau lễ đầu mùa nên nó cũng rơi vào ngày đầu tuần, là ngày của Chúa. Mỗi ngày của Chúa kỷ niệm sự sống lại của Đấng Christ, sự ngự đến của Đức Thánh Linh và sự ra đời của Hội Thánh.

Thay vì thầy tế lễ đưa qua đưa lại *những bó lúa* trước mặt Chúa, ông đưa qua đưa lại hai ổ *bánh* có pha men. Để có những ổ bánh, lúa phải được xay thành bột và bột được hấp thành những ổ bánh. Sự ứng nghiệm về hình ảnh này được ghi lại trong Công vụ chương 2, 50 ngày sau khi Đấng Christ sống lại. Đức Thánh Linh đã ngự đến và hiệp các tín hữu thành Hội Thánh, được tượng trưng ở đây bằng hai ổ bánh (dân Do Thái và dân ngoại) (1). Trong hai ổ bánh có men vì trong Hội Thánh có tội lỗi (Le 2:11), Hội Thánh sẽ không phải là “thánh sạch không chỗ trách” (Eph 5:27) cho đến khi Hội Thánh nhìn thấy Chúa trong sự vinh hiển.

Lễ này chỉ kéo dài một ngày, trong một ngày này dân sự không nên làm việc nhưng phải vui mừng trước mặt Chúa và đem đến cho Ngài một của lễ xứng với mùa gặt mà Ngài đã ban cho họ (Phu 16:9-12). Sự kiện này sẽ đánh dấu sự kết thúc của mùa gặt lúa mì và dân Do Thái được truyền lệnh phải nhớ đến người nghèo vì họ đã gặt lấy lúa mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ một cách rời rộ (Le 23:22 Phu 24:19-22). Vì điều răn này, Ru-tơ đã có thể mót lúa trong đồng của Bô-ô (Ru 2:1-23). Kết quả là, nàng trở thành vợ của Bô-ô, và họ chính là tổ phụ và tổ mẫu của vua Đa-vít (Ru 4:1-22).

Cùng với những ổ bánh được đưa qua đưa lại, 13 con sinh tế khác nhau cũng được dâng lên cho Chúa: 7 chiên con, 1 bò tơ đực, 2 chiên đực làm của lễ thiêu (sự dâng

mình), 1 dê con làm của lễ chuộc tội (sự chuộc tội), 2 chiên con làm của lễ thù ân (sự hòa giải, mối giao thông). Nếu Đức Chúa Giê-xu Christ không chịu chết, sống lại từ cõi chết và trở về trời thì Đức Thánh Linh không thể đến trên đất để thi hành chức vụ. Mọi của lễ này đã được thực hiện trong một của lễ của Ngài trên thập tự giá (He 10:1-18).

Dân sự Đức Chúa Trời không thể thực hiện chức năng của mình một cách đúng đắn trong thế gian này nếu không có Đức Thánh Linh. Chính Đức Thánh Linh báp-tem các tín hữu trong thân của Đấng Christ (Cong 1:5 ICo 12:13) và ban quyền năng cho họ về sự hầu việc và sự làm chứng (Cong 1:8 4:8,31), giúp họ có thể chịu đựng sự bắt bớ và sự đau đớn vì vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Sau Lễ Ngũ Tuần, có một khoảng trống 4 tháng trên lịch của Đức Chúa Trời trước kỳ lễ tiếp theo. Khoảng trống này có thể tượng trưng cho thời kỳ của chúng ta hiện nay, là thời kỳ của Hội Thánh, trong suốt thời kỳ này chúng ta phải hết lòng dự phần vào mùa gặt (Mat 9:36-38), và nôn nả chờ đợi tiếng kèn (ICo 15:51-58 ITe 4:13-18).

6. Lễ Thối Kèn: Kêu gọi dân sự Đức Chúa Trời (Le 23:23-25)

Ba kỳ lễ cuối cùng được tổ chức trong tháng 7, tức là từ tháng 9 đến tháng 10 ngày nay của chúng ta. Con số 7 là con số quan trọng trong lịch này và trong kế hoạch của Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên (Da 9:20-27). Có 7 ngày lễ, và 3 ngày lễ trong số này nằm trong tháng 7. Ngày Sa-bát là ngày thứ bảy trong tuần. Lễ Ngũ tuần là ngày thứ 50 sau lễ đầu mùa ($7 \times 7 + 1$). Lễ Bánh Không Men và Lễ Lều Tạm đều kéo dài 7 ngày.

Từ Hê-bơ-rơ chỉ về “bảy” đến từ một từ gốc có nghĩa là “đầy đủ, thỏa mãn.” Nó cũng liên hệ với từ mang ý nghĩa là “thề, lập một lời thề”. Mỗi khi Chúa “lập bảy” cho điều gì, Ngài nhắc nhở dân sự rằng điều Ngài đã phán và thực hiện là trọn vẹn và đáng tin cậy. Không điều gì cần thêm vào đó nữa.

Theo (Dan 10:1-10), các thầy tế lễ thối kèn bằng bạc trong ba dịp: nhóm họp dân sự, tuyên bố chiến tranh và rao truyền những thời điểm đặc biệt, chẳng hạn như là tuần trăng mới. Lễ Kèn được tổ chức vào ngày 1 tháng 7 và mở ra một năm dân sự mới (Rosh Hashanah, “đầu năm”). Những của lễ cho Lễ Thối Kèn được liệt kê trong (Dan 29:1-6).

Nhà truyền giáo Alexander Whyte có lần đã nói rằng: “Đời sống Cơ-đốc đặc trưng là một chuỗi những khởi đầu mới.” Đức Chúa Trời ban cho dân sự Ngài những cơ hội cho những sự khởi đầu mới, và chúng ta thật đại dột nếu để lãng phí những cơ hội ấy. Không giống như việc tổ chức mừng Năm Mới của chúng ta ngày nay, dân Do Thái sử dụng ngày đầu tiên trong năm mới của họ cho sự cầu nguyện, suy gẫm và xưng tội. Họ tìm kiếm để thực hiện một sự khởi đầu mới với Chúa.

Cũng có một sứ điệp tiên tri cho lễ này. Vì sự vô tín và chối bỏ Đấng Christ của mình, Y-sơ-ra-ên trở thành một dân bị tản lạc (Le 26:27-33 Phu 28:58-67), nhưng Đức Chúa Trời sẽ nhóm họ lại tại xứ của họ trong kỳ sau rốt (Es 11:1-12 27:12-13 Mat 24:29-31). Khi Y-sơ-ra-ên ra đời và trở thành cộng đồng các dân tộc vào ngày 14/5/1948, nó nhắc nhở thế giới về những lời hứa xưa kia của Đức Chúa Trời, và giữa vòng những người chính thống, “Giê-ru-sa-lem Năm Tới” đã trở thành một khẩu hiệu của Lễ Vượt Qua.

Sự giải thích cơ bản về lễ này liên quan đến Y-sơ-ra-ên, nhưng chúng ta có thể có một ứng dụng cho Hội Thánh. Một số thánh đồ ở trên trời và một số ở dưới đất, và

những thánh đồ ở trên đất bị tản lạc tại nhiều chi phái và các quốc gia khác nhau. Nhưng tất cả chúng ta phải kỳ vọng chờ đợi tiếng kèn và việc chúng ta “hội hiệp cùng Ngài” (IITe 2:1).

7. Ngày Lễ Chuộc Tội: Sự tha thứ (Le 23:20-32)

Chúng ta đã khám phá sự kiện quan trọng này trong bài học của chúng ta ở chương 16 sách Lê-vi ký. Hãy chú ý ở đây sự nhấn mạnh về việc dân sự làm khổ sở linh hồn mình (kiêng ăn, cầu nguyện, xưng tội) và kiêng cử mọi công việc. “Không phải bởi những việc công bình chúng ta đã làm, nhưng theo lòng thương xót của Ngài mà Ngài đã cứu chúng ta” (Tit 3:5).

Như chúng ta đã lưu ý trong chương 6, cũng có một sứ điệp tiên tri cho Ngày Lễ Chuộc Tội. Sau khi Y-sơ-ra-ên được nhóm về xứ họ, dân Do Thái sẽ nhìn thấy Đấng Mê-si đã bị chối bỏ của họ, ăn năn tội lỗi họ (Xa 12:10-13:1), và được tẩy sạch. Dân tộc bị tản lạc sẽ được nhóm hiệp lại và dân tộc tội lỗi sẽ được tẩy sạch. Đó sẽ là một ngày vinh hiển biết bao!

8. Lễ Lều Tạm: Sự vui mừng của Chúa (Le 23:33-44)

Dân Y-sơ-ra-ên không chỉ là một dân bị tản lạc và dân tội lỗi (2), họ cũng là một dân bị hoạn nạn. Không một quốc gia nào trong lịch sử đã chịu những hoạn nạn như dân Do Thái đã chịu, nhưng ngày nào đó sự hoạn nạn của họ sẽ đổi ra vinh hiển và sự vui mừng.

Lễ Lều Tạm nhắc nhở Y-sơ-ra-ên về những ơn phước của Đức Chúa Trời trong quá khứ (c.42-43). Ngài đã dẫn họ ra khỏi ách nô lệ Ê-díp-tô, chăm sóc họ trong đồng vắng, và đem họ vào nơi sản nghiệp đã được hứa ban cho họ. Họ từng sống trong những rạp và lều, nhưng tại Ca-na-an họ sẽ sống trong những ngôi nhà!

Lễ này cũng được gọi là “Lễ Gặt Hái” vì nó tương ứng với sự hoàn tất một mùa gặt (c.39). Giống như Lễ Cảm Tạ ở nước Mỹ, đó là một thời gian dự lễ, vui mừng và cảm tạ Đức Chúa Trời về những sự ban cho dư dật của Ngài (Phu 16:13-15). Nhưng chúng ta phải nhớ rằng *niềm vui luôn theo sau sự thanh tẩy* và Ngày Lễ Chuộc Tội đến trước lễ này (Thi 51:12). Những người nào muốn có hạnh phúc mà không cần có sự thánh khiết, chắc chắn sẽ thất vọng.

Suốt tuần dự lễ, các thầy tế lễ làm theo một thời gian biểu tỉ mỉ về việc dâng các của lễ (Phu 29:1-29), và vào ngày thứ 8, họ đã dâng 199 con vật. Đây chắc chắn phải là một điều nhắc nhở rằng không thể có phước hạnh nào xa rời ân điển của Đức Chúa Trời và sự hy sinh của Con Ngài vì chúng ta trên thập tự giá.

Lễ Lều Tạm mô tả vương quốc trong tương lai mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho Y-sơ-ra-ên. Khi Đấng Mê-si-a của họ tái lâm và họ tiếp nhận Ngài (Xa 12:10-13:1 Es 35:10 Lu 1:67-80). Tiên tri Xa-cha-ri đã mô tả những sự thay đổi sẽ xảy ra trong địa thế của xứ thánh và cách thức các dân ngoại sẽ kỷ niệm Lễ Lều Tạm cùng với dân Do Thái (Xa 14:16-19).

Đối với Y-sơ-ra-ên, điều tốt đẹp nhất phải đến! Dân bị tản lạc sẽ được hiệp lại, dân tội lỗi sẽ được tẩy sạch, dân buồn rầu sẽ vui mừng. Và đối với tín hữu Cơ-đốc, điều tốt đẹp nhất phải đến, vì chúng ta sẽ được ở cùng với Chúa và dân sự Ngài, mọi vết nhơ đều được tẩy sạch, và được vui mừng trong sự hiện diện của Ngài.

Đáng lưu ý rằng dân Do Thái đã thêm hai nghi lễ nữa vào sự kỷ niệm Lễ Lều Tạm của họ để nhắc nhở về sự chúc phước của Đức Chúa Trời trong đồng vắng. Nghi thức thứ nhất là việc đổ nước ra từ hồ Si-lô-ê, nhắc nhở về sự chu cấp nước của Đức Chúa Trời trong đồng vắng. Nghi lễ thứ hai là việc đặt 4 giá đèn cầy lớn được thắp sáng để làm nhớ đến trụ lửa đã dẫn dắt dân sự vào ban đêm.

Chúa Giê-xu đã liên hệ hai truyền thống này với chính Ngài. Trong suốt Lễ Lều Tạm khi nước đang được đổ ra, là lúc Ngài kêu gọi: “Nếu người nào khác, hãy đến cùng Ta mà uống” (Gi 7:37). Ngài cũng phán với đám đông ở đền thờ: “Ta là sự sáng của thế gian” (Gi 8:12). Thật là bi kịch khi dân Do Thái cẩn thận duy trì những truyền thống của họ nhưng hoàn toàn bỏ qua Đấng Mê-si-a là Đấng đang ở giữa họ!

Mỗi năm, những người nam đã trưởng thành trong dân sự phải đến ra mắt Đức Chúa Trời vào ba kỳ lễ cụ thể: Lễ Vượt Qua và Bánh Không Men, Lễ Đầu Mùa, và Lễ Lều Tạm (Xu 23:14-19). Ba kỳ lễ này nhắc nhở chúng ta về sự chết của Đấng Christ, sự sống lại của Đấng Christ, và sự tái lâm của Đấng Christ để thiết lập vương quốc Ngài. Đấng Christ đã chết thay tội lỗi chúng ta, Đấng Christ sống, Đấng Christ sắp trở lại! Ha-lê-lu-gia, Ngài thật là một Cứu Chúa tuyệt vời !

9. THÁNH THAY, THÁNH THAY, THÁNH THAY (Le 24:1-23)

Cấu trúc quan trọng nhất trong trại quân Y-sơ-ra-ên là đền tạm, là nơi thánh mà Đức Chúa Trời ngự vào, và là nơi các thầy tế lễ cùng người Lê-vi hầu việc Ngài. Lớp phủ ngoài của da con lửng (một giống chồn) không gây ấn tượng, nhưng bên trong hội mạc thật đẹp, sang trọng và rực rỡ. Chính đền tạm đã làm cho trại quân nên thánh và biệt riêng cho Đức Chúa Trời, giống như sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong tín đồ đã biệt riêng họ khỏi thế gian và hoàn toàn thuộc về Đức Chúa Trời (Co 6:19-20 IICo 6:14-18 Eph 1:13-14).

Trong chương này, Chúa ban cho Môi-se những chỉ dẫn có liên quan đến ba điều thánh: dầu thánh cho chân đèn (Le 24:1-4), bánh thánh (c.5-9) và danh thánh của Chúa mà mọi người cần phải tôn kính (c.10-23).

1. Dầu thánh (Le 24:1-4)

Bức màn chia đền tạm thành hai phần, nơi thánh và nơi chí thánh. Trong nơi thánh là ba vật dụng: bàn thờ xông hương bằng vàng, bàn để bánh trần thiết và chân đèn vàng. Khi thầy tế lễ đối diện với bàn thờ xông hương, bàn để bánh sẽ ở bên phải của ông và chân đèn ở phía bên trái của ông.

Vì không có cửa sổ trong đền tạm nên cần phải có ánh sáng trong nơi thánh để các thầy tế lễ có thể nhìn thấy khi họ thi hành chức vụ tại đó. Chân đèn vàng cung cấp nguồn sáng đó. Chân đèn được đóng bằng vàng ròng và được làm thành một bộ phận có một thân chính và sáu nhánh. Dầu ô-li-ve tinh khiết cung cấp nhiên liệu cho những ngọn đèn trên các nhánh (Xu 25:31-39 27:20-21 30:7-8 37:17-24 40:24-25).

Mỗi buổi sáng và buổi chiều, khi thầy tế lễ cả xông hương trên bàn thờ bằng vàng, ông phải chú ý đến ánh sáng trên chân đèn để bảo đảm rằng chúng sẽ tiếp tục cháy (1). Những vật dụng đặc biệt bằng vàng được cung cấp để kéo các tim đèn từ nơi chứa dầu và cắt tỉa chúng.

Điều răn trong (Le 24:1-4) nhấn mạnh đến hai yếu tố cần thiết:

(1) Dân Y-sơ-ra-ên phải cung cấp dầu ô-li-ve một cách đều đặn,

(2) dầu phải được lọc ép và phải thật tinh khiết (Xu 27:20-21). Có một phương pháp chiết xuất dầu ô-li-ve bằng nhiệt, nhưng việc đập hoặc ép trái ô-li-ve và lọc ra những tạp chất sẽ cho dầu ô-li-ve tốt nhất. Và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên xứng đáng nhận được vật tốt nhất.

Các nhà nghiên cứu Kinh thánh nói chung là đồng ý với nhau rằng dầu để *xức* là một biểu tượng về Thánh Linh của Đức Chúa Trời được *xức* trên dân sự để hầu việc Ngài (ICo 1:21 IGi 2:27), nhưng loại dầu đặc biệt này dùng để *đốt* chứ không phải để *xức*. (Xa 4:16) liên hệ dầu để *đốt* với Đức Thánh Linh và đồng nhất hóa chân đèn như hai tô tó trung tín của Đức Chúa Trời. Chân đèn trong đèn tạm biểu thị điều gì?

Cá nhân tôi nghĩ rằng chân đèn vàng trước hết tượng trưng cho Lời Đức Chúa Trời, là sự sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta trong thế gian tăm tối này (Thi 119:105,130 IPhi 1:19). Những người chưa tin Chúa không thể thấy hoặc hiểu được ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời vì họ không có sự hành động của Đức Thánh Linh trên họ (ICo 2:9-16). Không ai ở ngoài nơi thánh có thể nhìn thấy ánh sáng từ chân đèn vàng, nhưng những ai ở bên trong đều nhận được ánh sáng của chân đèn.

Nếu không có ánh sáng của Lời Chúa, tô tó Đức Chúa Trời không thể thấy được họ đang ở đâu hoặc đang làm gì, họ cũng không thể hầu việc Đức Chúa Trời một cách hữu hiệu. Chân đèn cung cấp ánh sáng để thầy tế lễ có thể *đốt* hương trên bàn thờ vàng, và không có Kinh Thánh, chúng ta không thể cầu nguyện một cách hữu hiệu (Thi 141:1-2 Gi 15:5 Cong 6:4). Ánh sáng từ chân đèn chiếu sáng những bức màn xinh đẹp trong nơi thánh và cũng cho thấy bánh đặt trên chiếc bàn bằng vàng. Chức vụ chiếu sáng của Thánh Linh Đức Chúa Trời khiến cho mọi sự thuộc về Đức Chúa Trời trở nên rất thật và rõ ràng đối với chúng ta.

Tôi xin gợi ý rằng chân đèn cũng có thể tượng trưng cho dân tộc Y-sơ-ra-ên, cũng như 12 ổ bánh đặt trên bàn bằng vàng mà chúng ta sẽ nghiên cứu sau. Đức Chúa Trời kêu gọi Y-sơ-ra-ên làm sự sáng chiếu soi giữa một thế giới rất tối tăm, nhưng trước hết họ phải chiếu sáng trong sự hiện diện của Ngài trước khi họ có thể làm chứng cho những nước láng giềng ngoại đạo (Es 58:8 60:1-3). Bi kịch ở đây là chức thầy tế lễ đã trở nên đồi bại và không thể duy trì được sự sáng của dân tộc trước mặt Chúa (ISa 3:1-21).

Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu là sự sáng (Lu 2:32 Gi 1:4,9 8:12 9:5) và chỉ nhờ Ngài chúng ta mới có thể thấy và cảm nhận được những điều thuộc linh. Sứ đồ Giăng ví sánh những Hội Thánh địa phương với những chân đèn vàng riêng biệt phải chiếu sáng và làm chứng trong các thành của họ (Kh 1:12,20 Mat 5:16 Eph 5:8 Phi 2:15).

Nếu dân Y-sơ-ra-ên không mang dầu ô-li-ve đã được ép đến thì những ngọn đèn sẽ không thể tiếp tục cháy trong nơi Thánh. Dân sự có thể nói: “Ồ, dù sao thì chúng ta cũng không thể thấy được chân đèn, vậy thì có gì khác biệt ở đây?” Đèn không được đặt tại nơi đó để dân sự có thể thấy nhưng là để Đức Chúa Trời trông thấy và để thầy tế lễ sử dụng khi ông thực hiện chức vụ của mình. *Những điều diễn ra trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời quan trọng hơn nhiều so với những gì xảy ra tại nơi nào khác trong trại quân!* Đáng buồn thay khi có nhiều Hội Thánh địa phương đã để cho ánh sáng của mình tắt đi trước mặt Đức Chúa Trời và thế gian vì sự bất trung của các tín hữu. Họ không cầu nguyện, dâng hiến và để Thánh Linh sử dụng mình. Nếu ánh sáng phải được giữ cho cháy luôn luôn thì ai đó cần phải cung cấp dầu.

2. Bánh thánh (Le 24:5-9)

Dân sự không chỉ phải đem đến dầu ô-li-ve tinh khiết cho đèn, mà mỗi tuần họ còn phải đem đến bột lọc cần để hấp 12 ổ bánh. Những ổ bánh này được đặt trên chiếc bàn bằng vàng vào mỗi ngày Sa-bát, và những ổ bánh cũ sau đó sẽ được ban cho các thầy tế lễ.

Kích cỡ của những ổ bánh này là một bí mật đối với chúng ta vì bản văn không xác định tiêu chuẩn đo lường được dùng trong công thức làm bánh. Tiếng Hê-bơ-rơ chỉ đọc: “đó sẽ là 2/10”, nhưng hai phần mười của cái gì? Bản NIV nói “sử dụng hai phần mười của một ê-pha”, sẽ là khoảng một ga-lông bột, nhưng từ “ê-pha” không có trong bản văn Hê-bơ-rơ. Lượng bột đó sẽ tạo ra một ổ bánh rất lớn, và thật khó để đặt tất cả 12 ổ bánh thật to vừa vụn trên bàn. Có thể những ổ bánh được sắp chồng lên nhau, tạo thành hai hàng sáu ổ, cùng với một ít nhũ hương được rắc trên mỗi hàng.

Những ổ bánh này được xem như một “của lễ chay”, được hoàn tất với nhũ hương (2:1-11). Vào ngày Sa-bát, khi những ổ bánh được thay thế, thầy tế lễ sẽ lấy một “phần kỷ niệm” từ một ổ bánh, thêm vào nhũ hương, và đốt nó trên bàn thờ cùng với của lễ thiêu hằng ngày. Sau đó các thầy tế lễ có thể ăn những ổ bánh cũ, nhưng họ phải thực hiện việc ấy trong nơi Thánh (24:9).

Việc này tượng trưng cho điều gì? Chỉ những thầy tế lễ (dòng Lê-vi) mới được phép ở trong nơi thánh, nhưng các chi phái khác được *đại diện* tại nơi ấy qua hai cách: bởi những viên ngọc trên áo của thầy tế lễ cả (Xu 28:6-21), và bởi 12 ổ bánh đặt trên bàn. Bàn này được gọi là “bàn về bánh trần thiết” (Dan 4:7) và những ổ bánh được gọi là “bánh trần thiết” (Xu 25:30), là bánh có thể được dịch là “bánh của sự hiện diện.” Đức Chúa Trời hiện diện cùng dân sự Ngài và họ ở trong sự hiện diện của Ngài nơi đền tạm. Dù dân Do Thái ở đâu trong trại quân, họ cần phải nhắc nhở chính mình rằng chi phái của họ được đại diện trong nơi thánh trên chiếc bàn bằng vàng. Điều này được ứng dụng trong Tân Ước tại (Co 3:1).

Nhìn từ quan điểm của thầy tế lễ thì những ổ bánh sẽ nhắc ông nhớ rằng chức vụ của ông là vì những con người có thật. Phần nào bị cách ly trong khu vực đền tạm ngày này qua ngày khác, các thầy tế lễ có thể dễ dàng bị “mất liên lạc” với dân sự mà họ đang đại diện trước mặt Đức Chúa Trời. Dầu đã được dân sự cung cấp cho đèn, đem đến ánh sáng cho các thầy tế lễ, và bánh mà họ ăn vào mỗi ngày Sa-bát được làm bởi bột lọc của dân sự. Mười hai ổ bánh nhắc nhở các thầy tế lễ rằng tất cả các chi phái đang được đại diện trước mặt Đức Chúa Trời và là dân sự của Đức Chúa Trời. Mọi điều này hẳn phải khiến các thầy tế lễ trân trọng các chi phái hơn và chuyên tâm hơn để phục vụ họ một cách tốt nhất.

Nếu chỉ có một ổ bánh thì nó có thể được xem như một điển hình về Đức Chúa Giê-xu Christ, là Bánh Sự Sống (Gi 6:35), nhưng hình ảnh trong Giăng chương 6 là hình ảnh về ma-na, chứ không phải những ổ bánh trong đền tạm. Câu Kinh thánh (Mat 6:11) đến trong tâm trí chúng ta: “Xin cho chúng tôi hôm nay đồ ăn đủ ngày”. Dù chúng ta cần bánh thuộc linh cho con người bên trong hay bánh thuộc thể cho thân thể, chúng ta cũng phải nhìn xem duy một Đức Chúa Trời.

Chúng ta mong tìm thấy dầu và hương liệu trong nơi Thánh, chứ không phải bánh. Xét cho cùng, bánh là một thực phẩm thông thường. Nhưng sự hiện diện của bánh trong đền tạm cho chúng ta một sự bảo đảm rằng Đức Chúa Trời quan tâm đến những nhu cầu thực tiễn của đời sống chúng ta và không có điều gì như “trần tục” và “thiên

liêng” trong đời sống Cơ-đốc. Chính “bánh của sự hiện diện” này mà Đa-vít và những người của ông đã ăn khi Đa-vít trốn khỏi Sau-lơ (ISa 21:1-6 Mat 12:1-4).

3. Danh thánh của Đức Chúa Trời (Le 24:10-23)

Có thể kỳ lạ đối với chúng ta khi sách Lê-vi ký bị gián đoạn ở thời điểm này để nói về một kẻ lộng ngôn bị xét đoán, nhưng câu chuyện là một sự minh họa, không phải sự gián đoạn. Cơ sở cho sự vâng theo luật pháp là sự kính sợ Đức Chúa Trời và những người xúc phạm danh thánh của Ngài đều không có sự kính sợ Đức Chúa Trời trong lòng họ.

Không tôn trọng danh Đức Chúa Trời (Le 24:10-11). Mọi người Do Thái đều biết đến điều răn thứ ba: “Người chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà làm chơi, vì Đức Giê-hô-va chẳng cầm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi” (Xu 20:7). Dân Do Thái quá sợ hãi về việc phạm điều răn này nên họ đã thay thế danh “A-đô-nai” thay cho danh “Giê-hô-va” khi họ đọc Kinh Thánh, do đó không bao giờ họ nói danh của Đức Chúa Trời cả. Tôn trọng một danh là tôn trọng người mang danh ấy, và sự tôn trọng cao nhất của chúng ta Chúa chúng ta.

Kẻ lộng ngôn là sản phẩm của một cuộc hôn nhân pha tạp giữa một người cha Ê-díp-tô và một người mẹ Do Thái thuộc chi phái Đan. Vì tên của người cha không được nhắc đến nên chúng ta không biết ông ta đang ở Ê-díp-tô khi người mẹ mang theo đứa con trai của bà chạy trốn, hoặc có lẽ ông ta đã qua đời. Nhưng phần nhiều điều này là chắc chắn: đứa con trai đã lớn lên mà không được học biết để tôn trọng Chúa và danh Ngài một cách phải lẽ. Thậm chí trong thời Môi-se, những cuộc hôn nhân giữa người tin Chúa và người không tin Chúa đã tạo ra những nan đề cho dân sự Đức Chúa Trời (2). Môi-se đã phải đấu tranh với ảnh hưởng xấu của một “đám đông pha tạp”, là những người đã rời Ê-díp-tô trong cuộc hành trình rời khỏi Ê-díp-tô, nhưng họ lại thật sự không để tâm đến những điều thuộc về Chúa (Xu 12:38 Dan 11:4 Ne 13:23-31).

Người Do Thái gốc Ê-díp-tô này đã đánh nhau với người Do Thái trong trại quân (Xu 2:11-15), và trong khi đánh nhau, người ấy đã xúc phạm đến danh Đức Chúa Trời. Người ấy có thể đã rửa sả đối thủ mình bằng danh Đức Giê-hô-va hoặc chỉ rửa sả danh Chúa trong sự tức giận của mình. Bất cứ điều gì chất chứa trong lòng chúng ta cuối cùng sẽ phát ra qua môi miệng chúng ta (Mat 12:34-35).

Dĩ nhiên, có thể xảy ra việc nói phạm đến danh Đức Chúa Trời theo những cách khác ngoài sự thề thốt. Sự thề dối làm hổ danh Đức Chúa Trời (Le 19:12), và sự trộm cắp cũng vậy (Ch 30:8-9). Chúa Giê-xu đã dạy rằng đời sống chúng ta phải tinh sạch đến nỗi chúng ta sẽ không phải dùng đến những lời thề để khiến người khác tin cậy chúng ta (Mat 5:33-37). Sự nhiều lời có thể là chứng cứ rằng tội lỗi đang hiện diện đó (Ch 10:19).

Xác định ý muốn của Đức Chúa Trời (Le 24:12-16). Nếu một người Do Thái phạm tội phạm thượng đáng sợ, Môi-se sẽ biết phải làm gì, nhưng người này vừa là người Do Thái, lại vừa là người Ê-díp-tô, và luật pháp không nói gì về điều này. Vận dụng phương cách khôn ngoan, Môi-se đã giam người này lại và chờ đợi Chúa phán bảo ông điều phải làm.

Đây là dịp đầu tiên trong bốn cơ hội được ghi lại khi Môi-se phải tìm kiếm ý muốn Chúa về những vấn đề đặc biệt. Dịp thứ hai cần phải giải quyết đối với một số người

bị ô uế bởi một xác chết và không thể dự Lễ Vượt Qua. Chúa đã cho phép họ dự lễ vào tháng sau (Dan 9:6-14). Dịp thứ ba có liên quan đến một người đã vi phạm ngày Sa-bát (Dan 15:32-36), và người ấy bị ném đá cho đến chết. Dịp thứ tư liên hệ đến sản nghiệp của năm cô con gái của Xê-lô-phát mà câu hỏi của họ khiến những người nữ Do Thái có thể hưởng xứ của cha họ (Dan 27:1-11 36:1-13). Hãy chú ý rằng trong trường hợp cuối cùng, quyết định này đã đưa đến một quyết định khác, thường là trường hợp khi bạn tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời.

Môi-se có đủ sự khiêm nhường để thừa nhận rằng ông không biết mọi sự và phải cầu hỏi Chúa điều cần phải làm. Đó là một gương tốt cho các lãnh đạo noi theo trong Hội Thánh ngày nay. “Ngài dẫn dắt người khiêm nhường trong sự chính trực, và Ngài dạy người khiêm nhường đường lối Ngài” (Thi 25:9 NKJV). Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên mọi luật lệ họ cần để quản trị đời sống tôn giáo và đời sống dân sự một cách thành công, nhưng Môi-se và lãnh đạo các chi phái phải giải thích những luật lệ này và áp dụng chúng khi có những hoàn cảnh mới xảy ra. Khi các lãnh đạo không có mệnh lệnh rõ ràng hoặc tiền lệ để làm theo, họ phải tìm kiếm sự hướng dẫn của Chúa trước khi họ có thể đưa ra một ý kiến đúng đắn.

Các Cơ-đốc nhân chưa trưởng thành thường muốn Chúa ban cho họ những luật lệ và qui tắc cho mọi lãnh vực của đời sống, và điều này đã giải thích lý do họ chưa trưởng thành. Nếu chúng ta chưa bao giờ phải cầu nguyện, nghiên cứu Kinh Thánh, hỏi ý kiến những tín hữu khác và chờ đợi Chúa, chúng ta sẽ không bao giờ sử dụng đến những “cơ bắp” thuộc linh và được lớn lên. Kinh Thánh cho chúng ta những mệnh lệnh, những nguyên tắc, những lời hứa và những gương cá nhân mà kết hợp lại sẽ rất đầy đủ để hướng dẫn chúng ta trong những quyết định của đời sống. Câu lạc bộ ô tô sẽ cung cấp cho những thành viên của họ những bản đồ chi tiết về cuộc hành trình của họ, nhưng Kinh Thánh còn hơn thế nữa, nó giống như một la bàn, giữ cho chúng ta đi đúng phương hướng mà không cần giải thích từng chi tiết của cuộc hành trình. “Vì chúng ta bước đi bởi đức tin, chứ chẳng phải bởi mắt thấy” (II Co 5:7).

Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn cho Môi-se điều phải làm. Người vi phạm phải bị đem ra ngoài trại quân, nơi cả hội chúng sẽ ném đá người, vì phạm thượng là một tội đáng chết trong Y-sơ-ra-ên (Mat 26:65 Cong 6:11,13 7:58). Những ai thật sự đã nghe người này phạm thượng, sẽ đặt tay trên đầu người ấy để công khai nhận diện người ấy là kẻ vi phạm. Những nhân chứng cũng sẽ là những người đầu tiên ném đá người ấy (Phu 17:7). Nói cách khác, cùng một luật đã áp dụng cho dân Y-sơ-ra-ên cũng áp dụng cho những cư dân người ngoại (“khách lạ”, “người tạm trú”) sống giữa vòng dân Do Thái (Le 24:6,22). Ngay cả “những khách lạ” cũng không được phép nói phạm đến danh Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Nhận biết ý muốn của Đức Chúa Trời (c.17-22). Chúa còn áp dụng quyết định hợp pháp này trên những lãnh vực khác của đời sống và đặt ra nguyên tắc mà *hình phạt phải phù hợp với tội lỗi* (Xu 21:22-25 Phu 19:21). Điều này được biết như *lex talionis* “luật về sự trả đũa”, một nguyên tắc bảo đảm người phạm tội không bị trừng phạt nghiêm khắc hơn tội lỗi đòi hỏi. Kẻ sát nhân phải bị xử tử (Le 14:17,21 Sa 9:5-6), nhưng hình phạt cho những tội khác phải thích hợp với sự vi phạm.

Vì nguyên tắc này đã bị hiểu sai nên nhiều người gọi đó là sự độc ác và bất công. Họ đưa ra câu hỏi làm sao Đức Chúa Trời yêu thương và nhân từ lại có thể đặt ra điều đó. Nhưng luật này thật sự là một sự bày tỏ về sự công bình và thương xót của Đức

Chúa Trời vì nó giúp ngăn chặn sự trả thù cá nhân trong một xã hội không có lực lượng cảnh sát hay hệ thống tòa án chặt chẽ. Không có luật này, kẻ mạnh có thể chà đạp kẻ yếu khi có sự vi phạm tối thiểu.

Người Pha-ri-si đã sử dụng *lex talionis-luật về sự trả đũa* để bảo vệ cho hành động trả thù riêng của họ, là một hành động đã bị Chúa Giê-xu lên án trong Bài Giảng Trên Núi (Mat 5:38-39). Cũng như *luật về sự trả đũa* là một bước tiến đến từ sự trả thù riêng, thì (Mat 5:38-39) là một bước nhảy vọt từ *luật về sự trả đũa*. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng những chỉ dẫn của Chúa trong Bài Giảng Trên Núi được dành cho những người tin Chúa, không phải cho những người không tin Chúa, và dành cho cá nhân, không phải cho các quốc gia. Trong các tòa án ngày nay của chúng ta, nguyên tắc “lập hình phạt thích hợp với tội ác” vẫn được thực hành (3).

Thực hiện sự công bình của Đức Chúa Trời (Le 24:3). Môi-se và dân sự đi ra ngoài trại quân và làm như Chúa đã phán bảo. Ngày nay, nhiều người thật thà, cả tín hữu lẫn người không tin Chúa, có thể đã phản đối lại việc tử hình kẻ vi phạm, nhưng lời tuyên án đã được thi hành. Đó là một tội tử hình, và kẻ phạm tội phải mất mạng sống mình.

Những tranh luận xung quanh án tử hình thì nhiều và khác nhau, nhưng chúng ta không nên để cho những ý kiến hay sự lên án riêng trở thành sự kiểm nghiệm cho mỗi giao thông hoặc tình trạng thuộc linh của mình. Bộ Luật của Môi-se đã phân biệt giữa tội giết người với tội ngộ sát (Xu 21:12-14) và dành cho sáu “thành ấn náu”, là nơi mà người vô tội có thể được bảo vệ và được xét xử công bình (Dan 35:1-34). Sự sắp đặt này chống lại những kế hoạch của những người bà con hung dữ của người chết, là những người có thể muốn nắm luật pháp trong tay họ.

Trong Kinh Thánh, tội giết người bị xem là tội ác nghiêm trọng. Con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời (Sa 1:26-27 ICo 11:7 Gia 3:5), và giết người là xâm phạm đến hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sa 9:4-6). Sự sống là món quà thiêng liêng của Đức Chúa Trời, và chỉ Đức Chúa Trời mới có thể cất nó đi tùy ý Ngài muốn. Đức Chúa Trời đã lập ra thể chế loài người và ban cho các nhà cầm quyền dân sự quyền lực của lưỡi gươm (Ro 15:1-3). Mục đích của án tử hình không phải để làm hoảng sợ những tội nhân có thể trở nên người tốt, nhưng là để giữ gìn và bảo vệ luật pháp. Đây là một sự công bố rằng những người nam và người nữ là đặc biệt - được tạo dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời - và sự sống là thiêng liêng trong cái nhìn của Đức Chúa Trời (4).

Án tử hình có làm ảnh hưởng đến những con số thống kê về tội ác hay không không phải là vấn đề chính yếu. Thật đáng ngờ rằng *bất cứ* luật nào trong các luật lệ của chúng ta đều thật sự ngăn chặn được tội ác. Những kẻ lái xe bất cẩn vẫn tăng tốc, người ta vẫn đậu xe ở những khu vực “cấm đậu xe”, những người kiếm được tiền lương vẫn lừa dối về thuế lợi tức của họ, và những kẻ ăn trộm vẫn tiếp tục trộm cắp. *Nhưng liệu có bất cứ ai trong chúng ta muốn những cơ quan lập pháp của chúng ta hủy bỏ những luật chống lại việc tăng tốc, đậu xe trái phép, làm giả thuế lợi tức hoặc trộm cắp?* Dĩ nhiên là không! Việc tôn trọng lẽ thật, sự sống và tài sản là những viên đá đặt nền cho một xã hội công bằng và yên ổn. Án tử hình có thể không làm giảm đi những kẻ giết người hơn những vé phạt tăng tốc làm giảm những kẻ tăng tốc, nhưng nó thật sự bày tỏ rằng con người đã được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời và sự sống là một món quà thiêng liêng.

Kinh Thánh không giới thiệu án tử hình như một “thuốc trị bách bệnh” cho tội ác. Kinh Thánh trình bày về nó như một dạng hình phạt nhằm bày tỏ sự tôn trọng đối với luật pháp, đối với sự sống và đối với con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Nếu sử dụng phương cách thực dụng và đa cảm để tiếp cận chủ đề này sẽ hiểu sai vấn đề hoàn toàn.

Chương 24 bắt đầu trong nơi Thánh của đền tạm và kết thúc ở ngoài trại quân. Nó mở đầu với dầu và bánh và kết thúc với sự đổ huyết tội lỗi. Nhưng sự nhấn mạnh là giống nhau: Đức Chúa Trời của chúng ta là Đức Chúa Trời thánh khiết và chúng ta phải tôn kính Ngài, dù là trong việc đem đến những món quà của chúng ta hay trong việc tôn trọng danh Ngài. Ngày nay Chúa không xử tử kẻ lộng ngôn, nhưng sẽ đến ngày xét đoán khi mà những bí mật của mọi tấm lòng sẽ được bày tỏ, và khi ấy Đức Chúa Trời sẽ “trả lại cho mỗi người tùy theo công việc họ làm” (Ro 2:6).

“Vì không có sự vị nể con người đối với Đức Chúa Trời” (Ro 2:11)

“Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu” (Ro 10:13).

10. XỨ NÀY LÀ XỨ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Le 25:1-35)

Sự tập trung trong chương 25 và 26 là về *Y-sơ-ra-ên ở trong xứ của họ*. Thật tế, từ “xứ” được sử dụng 39 lần trong hai chương này. Lời tuyên bố của Chúa trong câu 2 (“Khi các ngươi vào xứ ta sẽ ban cho các ngươi”, NIV) chắc hẳn là một sự khích lệ lớn cho Môi-se, đặc biệt sau khi Y-sơ-ra-ên đã không giành được di sản của họ tại Ca-đê Ba-nê-a và phải lang thang trong đồng vắng (Dan 13:1-14:45).

Nếu dân Y-sơ-ra-ên được sở hữu và vui hưởng xứ của mình, họ phải nhận biết và tôn trọng một số sự thật cơ bản, trong đó điều thứ nhất là *Đức Chúa Trời làm chủ xứ ấy* (Le 25:2,23,38) và Ngài có mọi quyền để cất đi khi Ngài thấy thích hợp. *Đức Chúa Trời cũng làm chủ dân Y-sơ-ra-ên* (c.55) vì Ngài đã cứu chuộc họ khỏi ách nô lệ Ê-díp-tô. Vì họ đã thuộc về Ngài nên mọi người Do Thái phải đối xử với nhau như anh chị em (c. 25,35-38) và không được lợi dụng nhau trong vấn đề nợ nần cá nhân hay những khiếu nại về tài sản. Dân Do Thái cần phải lao động trong đồng ruộng của họ nhưng chính *Đức Chúa Trời là Đấng ban cho sự gia tăng* (c. 21) và ban cho họ ánh nắng, mưa, và những mùa thu hoạch. Nói cách khác, Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên là “vị Chúa đất” và họ phải sống bởi đức tin nơi Lời Ngài. Điều này có nghĩa là vâng theo những điều răn của Ngài và tin cậy nơi những lời hứa của Ngài.

Từ chương này cũng nổi bật lên một sự thật quan trọng khác: *Đức Chúa Trời là Đấng kiểm soát lịch*. Đức Chúa Trời không chỉ ban cho dân sự Ngài xứ và thức ăn, nhưng Ngài cũng ban cho họ “những thời gian” đặc biệt để kỷ niệm hầu cho xứ sẽ không bị tàn phá và hư hại. Đức Chúa Trời quan tâm đến sinh thái học và cách chúng ta đối xử với tạo vật của Ngài. Như dân Do Thái xưa, chúng ta ngày nay chỉ là quản gia về sự ban cho của Đức Chúa Trời, và chúng ta phải cẩn trọng để không lạm dụng hay lãng phí những sự ban cho ấy.

Nếu Y-sơ-ra-ên vâng theo những nguyên tắc này, hệ thống kinh tế của họ sẽ thực hiện chức năng một cách trôi chảy, xứ sẽ cung cấp mọi thứ họ cần, và mọi người sẽ được quan tâm thích đáng. Tuy nhiên, họ đã không vâng lời Chúa. Kết quả là người giàu trở nên giàu hơn, người nghèo trở nên nghèo hơn và xứ đã bị hư hoại.

1. Sự nghi ngại cho đất: Năm Sa-bát (Le 25:1-7,18-22)

Khi nghiên cứu chương 23, chúng ta lưu ý rằng lịch Do Thái dựa trên một chuỗi những số 7. Có 7 kỳ lễ hằng năm, 3 kỳ lễ trong tháng 7, và ngày thứ 7 trong tuần là ngày Sa-bát, một ngày nghỉ ngơi. Giờ đây, chúng ta biết rằng năm thứ 7 phải là năm nghỉ ngơi cho đất, cho dân sự và súc vật của họ.

Trong suốt năm Sa-bát, dân sự không được làm việc trong đồng ruộng hoặc tổ chức thu hoạch, nhưng phải lấy từ đồng ruộng thực phẩm họ cần khi nó tự mọc lên. Dân sự, kể cả người nghèo và khách ngoại bang, có thể thu lượm từ cánh đồng và là “khách” của Đức Chúa Trời (Xu 23:10-12).

Không chỉ đất nghỉ ngơi mà dân sự và gia súc cũng nghỉ ngơi. Con người chắc chắn quan tâm đến những nhiệm vụ hằng ngày để giữ cho những tòa nhà khỏi sụp đổ, nhưng họ không được tham dự vào những hoạt động bình thường của một xã hội nông nghiệp, như cày cấy, gieo trồng và gặt hái. Điều cấm này cũng kể đến tồ tó và súc vật, tất cả đều được ban cho một năm nghỉ ngơi khỏi những bồn phạt bình thường của họ.

Phu 15:1-11 cho chúng ta biết rằng những món nợ cá nhân cũng được miễn suốt Năm Sa-bát và những tồ tó bị ràng buộc sẽ được phóng thích. Từ “giải thoát” trong (Phu 5:1) có nghĩa là “thả lỏng, bỏ xuống.” Nó liên quan đến sự xóa nợ và phóng thích nô lệ. Khi dân sự chia xẻ với người nghèo và những tồ tó được phóng thích, họ phải rời rộng và cởi mở. Có ba động cơ cần phải kiểm soát những việc dân sự làm: sự cảm kích đối với những ơn phước của Đức Chúa Trời (Le 25:4,6,10,14), sự cảm kích đối với việc Đức Chúa Trời giải cứu dân tộc ra khỏi Ê-díp-tô (Phu 15:15) và sự vâng lời đơn giản đối với mạng lệnh của Đức Chúa Trời (c.5). Điều Đức Chúa Trời đã truyền lệnh là vì ích lợi của mọi người và không ai có quyền bất tuân Ngài. Trong suốt thời gian khoảng thời gian vua Nê-bu-cát-nết-sa vây hãm thành Giê-ru-sa-lem, vua Sê-đê-kia đã công bố sự phóng thích cho các nô lệ, nhưng sau đó ông đã phải bãi bỏ lệnh ấy (Gie 34:8).

Năm Sa-bát cũng là dịp cho sự “Luận bàn về Kinh Thánh” khi các thầy tế lễ đọc và giải thích sách Phục Truyền cho cả dân sự (Phu 31:9-13). Điều này được thực hiện trong suốt Lễ Lều Tạm hằng năm, đánh dấu sự khởi đầu của một năm mới. Sẽ cần có một đức tin lớn để dân sự tin cậy Đức Chúa Trời về thức ăn hằng ngày của họ, và “đức tin đến bởi sự người ta nghe và người ta nghe bởi Lời Đức Chúa Trời được rao giảng” (Ro 10:17 NKJV). Trong suốt năm đặc biệt đó, dân Y-sơ-ra-ên được học biết ý nghĩa của câu “xin cho chúng tôi hôm nay đỡ ăn đủ dùng.” Đức Chúa Trời đã hứa bảo vệ và chu cấp cho họ suốt năm chỉ khi nào họ tin cậy và vâng lời Ngài (Le 25:18-22).

Chúng ta không có chứng cứ Kinh Thánh nào cho thấy dân Do Thái đã từng kỷ niệm Năm Sa-bát, thật ra, Kinh Thánh cho thấy rằng họ đã không kỷ niệm: “để cho ứng nghiệm lời của Đức Giê-hô-va đã cậy miệng Giê-rê-mi mà phán ra, tức cho đến khi xứ được hưởng các năm Sa-bát của nó, vì trọn lúc xứ bị bỏ hoang thì dường như giữ Sa-bát, cho đến khi mãn hạn 70 năm” (IISu 36:21). Đức Chúa Trời đã đưa Y-sơ-ra-ên vào cảnh phu tù ở Ba-by-lôn 70 năm để cho xứ sự nghỉ ngơi cần có (Gie 25:8-11 29:10). Điều này gợi ý rằng gần 500 năm, dân Do Thái đã bất tuân luật của Đức Chúa Trời về Năm Sa-bát.

Một nguyên tắc cơ bản của đời sống cho biết bất cứ điều gì chúng ta cướp đi từ Đức Chúa Trời, chúng ta không bao giờ có thể giữ được và vui hưởng nó. Trong chức vụ mục sư của tôi, tôi đã gặp những người lấy cắp 1/10 của Đức Chúa Trời trong sự

dâng hiến cuối cùng chỉ để trả cho những chi phí chữa bệnh hoặc sửa xe. Tôi nhớ có một thành viên trong Hội Thánh đã đem đến văn phòng tôi sổ ngân quỹ của gia đình anh chỉ để cho tôi thấy thể nào Đức Chúa Trời đã bắt đầu chúc phước cho anh khi anh thôi lấy cắp của Chúa. Những con số cho thấy *mỗi đô-la anh lấy từ Đức Chúa Trời đã phải được chi tiêu cho một nhu cầu cấp bách nào đó, và anh đã không bao giờ sử dụng được món tiền đó cho chính mình!*

Bởi việc bất tuân luật về Năm Sa-bát, dân Do Thái đã cướp đi của chính họ không chỉ những phước hạnh thuộc linh mà còn là sức mạnh của xứ, của tài sản cùng gia súc của họ. Bằng cách canh tác trên đất từ năm này sang năm khác, họ có mùa thu hoạch, nhưng họ đã đánh mất sự tươi mới đến từ việc cho đất và người lao động được nghỉ ngơi. Họ cũng đánh mất những phước hạnh đến từ việc chia sẻ cho những người cùng túng, cướp đi của Đức Chúa Trời vinh hiển Ngài đáng nhận khi các dân tộc khác nhìn vào những phước lành Ngài ban cho dân sự Ngài. Đó là một sai lầm đáng tiếc của họ, và họ đã phải trả giá cho điều đó.

2. Sự phóng thích và phục hồi: Năm Hân Hỉ (Le 25:8-17,23-24)

Từ “hân hỉ” được sử dụng 5 lần trong các câu 8-17 và theo nguyên văn nghĩa là “nghe tiếng kèn” (Từ Hê-bơ-rơ là *yobel*, nghĩa là “sừng chiên đực”). Đối với dân Y-sơ-ra-ên, mỗi năm mới mở đầu bằng việc thổi kèn vào ngày đầu tiên của tháng thứ bảy (1), và mười ngày sau đó, dân sự kỷ niệm Ngày Lễ Chuộc Tội bằng cách kiêng ăn, ăn năn và dâng những của lễ cần thiết. Nhưng mỗi năm thứ 50, vào cuối lễ kỷ niệm Ngày Chuộc Tội, kèn được thổi một lần nữa để tuyên bố rằng Năm Hân Hỉ đã bắt đầu.

Sẽ cần một đức tin lớn để dân sự kỷ niệm năm đặc biệt này, vì năm trước đó - năm thứ 49 - là năm Sa-bát và *đồng ruộng, vườn nho, vườn cây ăn quả đã không được canh tác*. Dân Do Thái phải tin cậy Đức Chúa Trời sẽ chu cấp cho họ trong năm thứ 49 và 50, cũng như trong suốt năm thứ 51 khi họ đang chờ đợi mùa thu hoạch. Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ không quên họ, nhưng họ có thể mất đức tin. Thật ra, không có chứng cứ nào trong Kinh Thánh cho thấy Y-sơ-ra-ên đã từng kỷ niệm Năm Hân Hỉ.

Những yếu tố nào có liên quan trong năm Hân Hỉ ?

Sự ăn năn (Le 25:9). Thật có ý nghĩa khi Năm Hân Hỉ bắt đầu bằng Ngày Lễ Chuộc Tội, một ngày mà dân Do Thái được phán bảo phải “làm cho khổ sở” và ăn năn tội lỗi (16:29-34). Họ không nên bước vào Năm Hân Hỉ mà trước hết không được Chúa thanh tẩy và tha thứ. Nếu lòng họ không ngay thẳng với Đức Chúa Trời, họ không thể phóng thích cho nô lệ của mình hay trả lại đất đai cho chủ của nó. Mọi liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời quyết định cách chúng ta đối xử với người khác.

Sự phóng thích (Le 25:10,13). “Hãy rao sự tự do khắp cả xứ trên mọi cư dân ở đó”, được khắc trên “Chiếc Chuông Tự Do” treo trong Hội trường Độc lập ở Philadelphia. Vào lúc bắt đầu Năm Hân Hỉ, dân sự được phán bảo phải phóng thích những tội tó bị ràng buộc bởi giao kèo để họ có thể trở về xứ và gia đình của họ. Một tội tó người Hê-bơ-rơ phải phục vụ chỉ trong sáu năm và sau đó được trả tự do (Xu 21:2). Làm sao dân Do Thái có thể kỷ niệm năm đặc biệt này nếu một vài người trong dân sự của họ ở trong cảnh nô lệ và bị xa cách với những người thân yêu và xứ sở của họ?

Sự nghỉ ngơi (Le 25:11-12). Suốt Năm Hân Hỉ, dân sự bị cấm thực hiện những công việc đồng áng bình thường nhưng phải sống nhờ bất cứ vật gì do đất sinh ra. Điều

này sẽ cho dân sự và đất đai thêm một năm nghỉ ngơi nữa, vì năm trước đó đã là một năm Sa-bát. Họ phải tin cậy Chúa giữ những lời hứa của Ngài và chu cấp đầy đủ thức ăn trong gần 3 năm, vì họ sẽ không thể bắt xứ làm việc cho đến năm thứ 51, thậm chí đến năm ấy họ lại phải chờ đợi cho mùa gặt.

Sự phục hồi (Le 25:3-17). Bất cứ tài sản nào được bán kể từ Năm Hân Hỉ sau cùng sẽ trở về nguyên chủ, vì Chúa muốn xứ Ngài được duy trì với những chi phái, thị tộc và gia đình mà nó đã được định phần. Để những bậc cha mẹ chăm lo cho gia đình, họ cần phải có đất để canh tác, và chủ quyền riêng về tài sản để ổn định về kinh tế. Chúa làm chủ đất đai và chỉ cho dân sự Ngài vay mượn. Ngài muốn họ có một ý thức về quyền sử hữu và có trách nhiệm trong việc gìn giữ tài sản của Ngài. Người ta thường biết gìn giữ những gì mà chính họ sở hữu.

Bất cứ khi nào một mảnh đất được bán thì khoảng thời gian cận Năm Hân Hỉ sắp tới sẽ quyết định giá cả, vì điều này quyết định mức độ sản vật mà chủ mới có thể thu hoạch được từ đất. Vì người mua biết rõ rằng cuối cùng đất sẽ trở về nguyên chủ, người ấy chắc chắn không trả tiền cao hơn những gì họ sẽ nhận được từ hoa màu. “Đất sẽ không được bán mãi” là luật của Đức Chúa Trời (Le 25:23).

Những luật này khiến cho kẻ đầu cơ bất động sản giàu có nhẫn tâm không thể tích lũy những phần đất rộng lớn và do đó có thể làm xáo trộn nền kinh tế. Ngay cả gia đình người Y-sơ-ra-ên nghèo nhất cũng nhận lại phần đất của mình, và bởi việc canh tác trên đất, họ có thể có đủ của cải để đáp ứng cho nhu cầu của họ và có thể là nhu cầu của những người khác nữa. Năm Hân Hỉ đem đến một sự khởi đầu mới cho những nô lệ được phóng thích và những người chủ đất, và điều này thu hẹp khoảng cách giữa người giàu và người nghèo. Dân sự không được áp bức nhau (c.17), nhưng phải nhớ rằng xứ này thuộc về Đức Chúa Trời và họ chỉ là những người làm công của Ngài (c.23-24).

Tiên tri Ê-sai đã nhìn thấy nơi Năm Hân Hỉ một bức tranh về vương quốc Mê-sia được hứa ban khi Chúa phóng thích dân sự Ngài, phục hồi và chúc phước dư dật trên họ và đưa họ trở về xứ sở (Es 61:1-3). Chúa Giê-xu đã dùng phân đoạn Ê-sai này cho bài chia sẻ của Ngài trong nhà hội ở Na-xa-rét (Lu 4:16-30), và Ngài đã áp dụng nó cho “năm được nhậm của Chúa” mà Ngài sẽ thực hiện bởi sự chết và sự sống lại của Ngài. Chúa Giê-xu đã dùng bài đọc của Ngài tại chỗ “năm được nhậm của Chúa” (“năm ban ơn của Chúa”, NIV) và không đọc phần nói về “ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta.” Trong (Es 6:2), “năm được nhậm” về ân điển của Đức Chúa Trời được phân cách khỏi “ngày xét đoán” trong tương lai bằng một dấu phẩy! “Ngày cứu rỗi” kỳ diệu của Đức Chúa Trời (II Co 6:2) đã kéo dài như vốn có vì Đức Chúa Trời nhẫn nhục và muốn tội nhân đến với sự ăn năn (II Phi 3:9,15).

Giống như sự rao ra Năm Hân Hỉ, Phúc Am là tin mừng cho người nghèo, vì những món nợ của họ đã được trả và hoàn toàn được miễn trừ (Lu 7:36-50). Tất cả những gì họ cần là tiếp nhận Chúa Cứu Thế và vui mừng trong một khởi đầu mới. Giống như những con nợ và nô lệ được tự do để hưởng Năm Hân Hỉ, tội nhân cũng được tự do khi họ tin nhận Chúa. Sự cứu rỗi bởi đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ là một kinh nghiệm “Hân Hỉ” vì nó phục hồi lại những gia đình tan vỡ và các phước hạnh đã mất và đem đến “kỳ thơ thái” từ Chúa (Cong 3:19-21).

3. Sự cứu chuộc: Người chuộc bà con (Le 25:25-55)

Nếu một người Do Thái nghèo bán mình hoặc tài sản mình để sống, người ấy không phải chờ đến Năm Hân Hỉ để lấy lại tài sản hay sự tự do của mình. Bất cứ lúc nào, một người bà con có thiện ý và có thể trả được giá chuộc đều có thể chuộc lại người ấy hoặc tài sản của người ấy.

Sự chuộc đất (Le 25:25-28). Nếu chủ trước của mảnh đất quá nghèo để có thể chuộc lại đất đai của mình thì khi ấy người bà con gần có thể làm điều đó giúp cho người. Nhưng nếu chủ trước bằng cách nào đó có được đủ số tiền cần thiết thì người ấy có thể chuộc lại đất cho mình. Dĩ nhiên, giá chuộc sẽ tùy thuộc vào số năm (những mùa gặt) cho đến Năm Hân Hỉ. Nếu người này không có người bà con nào có thể giúp đỡ và cũng không có được số tiền cần thiết thì người ấy phải chờ cho đến Năm Hân Hỉ để lấy lại tài sản của mình.

Sự chuộc nhà cửa (Le 25:29-34). Một ngôi nhà ở trong thành có vách bọc sẽ có giá trị hơn nhà ở nơi đất trống vì nó có khả năng được bảo vệ khỏi những kẻ xâm phạm. Nguyên chủ chỉ có một năm để chuộc nhà, sau năm đó, nhà thuộc về chủ mới và thậm chí sẽ không trở về nguyên chủ trong Năm Hân Hỉ. Xét cho cùng, không ai muốn mua một ngôi nhà đắt giá, dời gia đình mình đến và sau đó không biết sẽ sống ở đó được bao lâu!

Những ngôi nhà trong các làng không có vách bọc có thể được chuộc bất cứ lúc nào và sẽ trở về nguyên chủ vào Năm Hân Hỉ. Nếu một người Lê-vi bán nhà mình tại một trong 48 thành của người Lê-vi (Dan 35:1-34 Gios 21:1-45), người ấy có thể chuộc nhà vào bất cứ lúc nào. Nếu người Lê-vi ấy không chuộc nhà thì ngôi nhà vẫn sẽ trở về với người hoặc gia đình người vào Năm Hân Hỉ. Người Lê-vi không được ban cho phần đất như các chi phái khác vì Chúa là sản nghiệp của họ (Gios 13:14,33 14:3-4 18:7), nhưng họ được ban cho những đồng cỏ sát gần các thành của họ (Dan 35:1-5). Những phần đất này không thể bán được. (Tuy nhiên, xin xem Cong 4:34-37).

Sự chuộc người nghèo (Le 25:35-55). Môi-se đề cập đến ba sự kiện có thể xảy ra:

*Một người anh em vợ nợ (c.35-38) có thể mong những người Do Thái “anh em” giúp đỡ mình bằng việc mượn tiền không tính lãi (2) vì dân Do Thái phải đối xử với nhau cách thương xót, giống như những người trong cùng một gia đình. Dân Do Thái được phép tính lời với người ngoại (Phu 23:19-20). Vì bất cứ món nợ nào mắc phải đều sẽ được miễn suốt Năm Hân Hỉ nên việc giúp đỡ người khác thật sự là một hành động của đức tin. Tuy nhiên, Chúa đã quá nhân từ đối với Y-sơ-ra-ên trong việc cứu chuộc họ ra khỏi Ê-díp-tô, cho phép họ tước đoạt của cải của dân Ê-díp-tô và ban cho Y-sơ-ra-ên xứ Ca-na-an, đến nỗi không người Do Thái nào cần phải bóc lột người Do Thái đồng hương của mình. “Các ngươi đã được lãnh không, thì hãy cho không” (Mat 10:8). Hội Thánh đầu tiên đã nhanh chóng tiếp nhận nguyên tắc này và áp dụng vào thực tiễn qua việc giúp đỡ những góa phụ và những tín hữu thiếu thốn (Cong 2:44-47 4:34-5:1 6:1-7 Phu 10:18 24:17).

*Một người anh em nghèo trở nên tội mọi của một người Do Thái (Le 25:39-46) có thể được đối xử như một người làm công chứ không phải như tội mọi. Chủ của người ấy phải đối xử với người và gia đình người tử tế vì dân Do Thái đã từng làm tội mọi ở Ê-díp-tô và Chúa đã đầy lòng nhân từ để giải cứu họ. Làm sao một người Do Thái có thể xem anh em mình là nô lệ khi Chúa đã trả tự do cho người ấy? Một tội

mọi Do Thái chỉ phục vụ trong vòng sáu năm và được tự do vào năm Sa-bát (Xu 21:2), nhưng nếu Năm Hân Hỉ đến trước thì người ấy là một người tự do.

Dân Do Thái được phép làm chủ các nô lệ từ các dân ngoại lân cận họ hoặc những khách ngoại bang sống trong xứ họ (Le 25:44-46), nhưng một người Do Thái không bao giờ có thể xem anh em mình là nô lệ. Nô lệ được xem là tài sản của người chủ và có thể là một phần sản nghiệp trong gia đình. Nói cách khác, những nô lệ người ngoại không có hy vọng được trả tự do, trừ khi họ có thể trả được giá chuộc, hoặc người chủ quyết định trả tự do cho họ.

Trong suốt thời nội chiến, một số người Mỹ đã dùng các phân đoạn Kinh Thánh như thế này để chứng minh rằng việc người ta làm chủ và bán nô lệ là hợp với Kinh Thánh và đúng đắn. Nhưng cần phải chú ý rằng luật lệ của Đức Chúa Trời không *thiết lập* tình trạng nô lệ, nhưng những luật này *điều chỉnh* tình trạng chiếm hữu nô lệ và thật sự làm cho nó trở nên nhân đạo hơn. Sự chiếm hữu nô lệ là một thể chế tồn tại từ bao thế kỷ trước khi Môi-se ban hành luật pháp, và luật Môi-se cấm dân Do Thái nô lệ hóa lẫn nhau. Đức Chúa Trời phải loại bỏ tình trạng nô lệ trong Y-sơ-ra-ên trước khi Ngài có thể giải quyết điều này trong các dân ngoại. Nếu dân Do Thái đối xử lẫn nhau như luật pháp đòi hỏi, Y-sơ-ra-ên sẽ là một chứng cứ cho các dân ngoại về ân điển và sự nhân từ của Chúa. Ngược lại, Y-sơ-ra-ên đã không vâng lời và cuối cùng chính họ đã trở thành nô lệ, như được chép trong sách Các Quan Xét.

Thậm chí trong Tân Ước, bạn không thấy Chúa Giê-xu hay Phao-lô công khai công kích sự chiếm hữu nô lệ, dù các sử gia cho chúng ta biết có thể có khoảng 60 triệu nô lệ trong Đế chế La Mã thời bấy giờ. Nhưng Chúa Giê-xu và Phao-lô đã đem sứ điệp cứu rỗi *đến với từng cá nhân*, và bởi những cá nhân được cứu mà thể chế nô lệ cuối cùng sẽ bị hủy bỏ. Cơ-đốc nhân là muối của đất và sự sáng của thế gian (Mat 5:13-16), và thế gian sẽ cảm nhận được ảnh hưởng của họ qua gương mẫu và sự thuyết phục của họ. Như Alexander Maclaren đã viết: “(Sứ điệp Phúc âm) không trực tiếp xen vào bằng những sự sắp xếp chính trị hay xã hội nhưng nó đề ra những nguyên tắc gây ảnh hưởng sâu sắc đến những sự sắp xếp này và để chúng ngấm vào trong tư tưởng chung” (3).

Nếu Hội Thánh đầu tiên phát động một cuộc thập tự chinh chống lại tình trạng chiếm hữu nô lệ thì hẳn sẽ đồng nhất hóa Cơ-đốc giáo với một phong trào chính trị, và điều này sẽ ngăn trở việc rao truyền Phúc Âm trong thế giới La Mã. Vì không có những nền dân chủ hay cuộc bầu cử nào có tính chất đại chúng vào thời đó nên Hội thánh không có phương tiện để phá đổ chế độ chiếm hữu nô lệ. Khi bạn thấy rằng thật khó khăn ra sao để phong trào về quyền công dân đương thời có thể gây ảnh hưởng đến Hội thánh Cơ-đốc thì việc tiến hành một cuộc chiến như thế trong thời Sê-sa lại càng khó khăn đến dường nào!

Vì những lý do mà chỉ có Chúa biết, Ngài quyết định thay đổi con người và xã hội dần dần, qua chức vụ của Thánh Linh và việc rao ra lẽ thật về lời Đức Chúa Trời. Mặc dù những nguyên tắc về ý muốn của Đức Chúa Trời không thay đổi trải qua các đời nhưng chúng ta không có quyền để áp dụng vào xã hội ngày nay những luật lệ đã điều phối Y-sơ-ra-ên dưới hệ thống của Bộ luật Môi-se.

*Một người Do Thái bị một người ngoại bắt làm nô lệ (Le 25:47-55) có thể được chuộc bởi một người bà con gần có thiện ý và đủ giàu có để làm điều đó. Thật thú vị để lưu ý rằng một “khách kiều ngụ” ngoại bang trong xứ Y-sơ-ra-ên phải tuân theo

Bộ luật Môi-se, dù người đó không phải là một thành viên của cộng đồng giao ước Do Thái. Nếu người Do Thái ấy có thể gom góp được món tiền chuộc thì người ấy có thể mua lấy sự tự do cho mình, và cái giá phải trả sẽ được tính theo Năm Hân Hi. Người chủ ngoại bang phải đối xử với người nô lệ Do Thái như một đầy tớ làm thuê và không được đối xử khắc nghiệt với người ấy. Nếu không được chuộc, người nô lệ và gia đình của người ấy sẽ được phóng thích vào Năm Hân Hi.

Ví dụ kinh điển trong luật pháp về người chuộc bà con được ghi lại trong sách Ru-tơ; Bô-ô đã chuộc Ru-tơ cùng sản nghiệp của nàng và sau đó đã cưới nàng. Chúa Giê-xu Christ đã mặc cho chính Ngài thân xác của con người vô tội và trở nên “người bà con gần của chúng ta” (He 2:5-18), để Ngài có thể phó chính Ngài làm giá chuộc và giải thoát cho chúng ta. Chỉ có Ngài mới đủ tư cách làm điều cần phải được làm, và Ngài đã sẵn lòng để làm điều đó. Ngài không chỉ cứu chuộc chúng ta, Ngài còn cho chúng ta được dự phần và khiến chúng ta trở nên một phần cơ nghiệp Ngài!

Đáng tiếc rằng dân Do Thái đã không tuân theo những luật lệ đã được trình bày trong chương này vì sự ích kỷ và tham lam của họ đã đem đến sự điêu tàn cho xứ và hệ thống kinh tế của họ. Các tiên tri quở trách người giàu vì đã bóc lột người nghèo và cướp đi nhà cửa, đất đai, thậm chí cả con cái của họ (Es 3:14-15 10:1-3 Am 2:6-7 5:11). Các tòa án địa phương đã bỏ qua những sắc lệnh của Đức Chúa Trời, các quan tòa làm giàu bằng của hối lộ, truyền xuống những quyết định có lợi cho người giàu và chà đạp người nghèo. Nhưng Đức Chúa Trời đã nghe tiếng khóc của người nghèo và sẽ có một ngày Ngài sẽ đem đến sự xét đoán khủng khiếp trên dân Y-sơ-ra-ên.

Đức Chúa Trời quan tâm đến cách chúng ta sử dụng những nguồn lực Ngài ban cho chúng ta và cách chúng ta đối xử với nhau nơi phố chợ. Sinh thái học và kinh tế là mối quan tâm của Ngài, và cuối cùng Ngài sẽ xét đoán những ai bóc lột kẻ khác và đối xử với họ theo cách thiếu nhân đạo (Am 1:1-2:16). Hội Thánh của Đấng Christ đã phát triển mạnh dưới nhiều hệ thống chính trị và kinh tế mà không lệ thuộc vào bất cứ hệ thống nào, nhưng Hội Thánh phải luôn bảo vệ quyền lợi của người nghèo và người bị đàn áp, sử dụng mọi vũ khí thuộc linh để đánh bại kẻ áp bức.

Nhà văn người Anh Samuel Johnson đã phát biểu: “Việc chu cấp tử tế cho người nghèo là sự kiểm nghiệm thật về nền văn minh.”

“Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài nghe lời ước ao của kẻ khốn khổ, Ngài khích lệ họ, và Ngài nghe tiếng khóc của họ, bảo vệ kẻ mồ côi và người bị hà hiếp, hầu cho loài người vốn bởi đất mà ra, không còn làm cho sợ hãi nữa” (Thi 10:17-18 NIV).

11. TỪ QUAN TRỌNG: “NẾU” (Le 26:1-27:34)

Từ “nếu” được gọi là một trong những từ ngắn nhất nhưng là một trong những từ quan trọng nhất trong Anh ngữ. Việc tranh luận về điều có thể xảy ra trong lịch sử thế giới *nếu* Wellington thất bại trong trận Waterloo hoặc *nếu* Lee chiến thắng tại Gettysburg là một sự thực hành vô ích.

Khi bạn bỏ những từ “nếu” ra khỏi chương 26-27 của sách Lê-vi ký, bạn có thể hiểu sai ý nghĩa, vì từ “nếu” đã được dùng 32 lần. Lịch sử Y-sơ-ra-ên không thể hiểu được một cách đầy đủ nếu không có những từ “nếu” trong giao ước của Đức Chúa Trời. Khi nói đến lịch sử của Y-sơ-ra-ên thì “nếu” là một từ rất quan trọng. Ba nhóm từ “nếu” trong chương 26 cho chúng ta thấy tầm quan trọng của từ này: “Nếu các ngươi bước đi theo các đạo luật của ta” (c.3 NKJV); “Nhưng nếu các ngươi không

vâng lời ta” (c.14 NKJV); “Nhưng nếu họ xưng nhận sự gian ác mình” (c.40 NKJV). Trong mỗi liên hệ của chúng ta với Chúa, từ “nếu” mang ý nghĩa rất quan trọng.

Những đạo luật cùng những chỉ dẫn mà Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên trong chương 26 và 27 minh họa cho bốn nhiệm vụ mà mỗi Cơ-đốc nhân phải có với Chúa.

1. Vâng theo những điều răn của Ngài (Le 26:1-13)

Trong chương 26, vâng lời Đức Chúa Trời là “bước đi trong các đạo luật (của Ngài)” (c.3), nhưng bất tuân Ngài là “bước đi nghịch” với Chúa và khinh thường những đạo luật của Ngài (26:15,21,23-24,27-28,40-41). Từ được dịch là “nghịch” có nghĩa là “một cuộc gặp gỡ thù địch với ý định đánh nhau” (1).

Nếu tôi đang đi một hướng và Đức Chúa Trời đi hướng khác thì tôi đang đi xa khỏi sự hiện diện của Ngài, và *Đức Chúa Trời sẽ không thay đổi phương hướng của Ngài*. Nếu tôi tiếp tục đi ngược chiều, tôi sẽ gặp những nan đề nghiêm trọng, vì “nếu hai người không đồng ý với nhau, thì há cùng đi chung được sao?” (Am 3:3). Môi-se đã trình bày cho dân sự của ông bốn lý do nổi bật vì sao họ phải vâng lời Chúa.

Vì bản chất Đức Chúa Trời (Le 26:1). Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời và Cha của Đức Chúa Giê-xu Christ chúng ta, là Đức Chúa Trời chân thật, hằng sống chứ không phải một hình tượng do con người làm nên. Ngài nhắc nhở họ: “Ta là GIÊ-HÔ-VA Đức Chúa Trời của các ngươi.” Danh GIÊ-HÔ-VA viết hoa biểu thị cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời, là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã bước vào mối liên hệ giao ước với Y-sơ-ra-ên, và với Đấng này mà dân Do Thái đã nói: “Chúng tôi xin làm mọi việc Đức Giê-hô-va đã phán dặn” (Xu 19:1-8).

A.W.Tozer nhắc nhở chúng ta, “Bản chất của sự thờ hình tượng là nuôi dưỡng những tư tưởng không xứng đáng về Đức Chúa Trời” (*The Knowledge of the Holy*, trang 11). Khi dân Do Thái từ bỏ việc thờ phượng Đức Giê-hô-va để theo thờ hình tượng, hoặc tệ hơn, tìm cách thờ phượng cả Đức Giê-hô-va và hình tượng, họ đã đi từ hiện thực đến ảo tưởng, từ lẽ thật đến sự giả dối, và hậu quả thật là kinh khiếp. Mặc cho lời hứa vâng theo Chúa, dân Do Thái đã vi phạm hai điều răn đầu tiên khi họ quay sang thờ hình tượng.

Vì điều Đức Chúa Trời đã làm (Le 26:2a). Từ “Sa-bát” (số nhiều) chỉ về *mọi* ngày đặc biệt theo lịch Do Thái chứ không chỉ là ngày thứ 7 trong tuần. Chúng ta đã nghiên cứu lịch này trong chương 9 và chú ý rằng những ngày đặc biệt này nhắc nhở dân Do Thái về sự nhân từ của Đức Chúa Trời đối với họ. Lễ Vượt Qua kỷ niệm sự giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô, và lễ Lều Tạm nhắc nhở họ về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời đối với dân sự Ngài trong đồng vắng. Lễ Đầu Mùa và lễ Ngũ Tuần là “những lễ hội mùa gặt” nói về sự chúc phước của Chúa trên những công việc trong đồng ruộng và lễ Lều Tạm là thời gian vui vẻ trong mùa gặt vì thành quả Đức Chúa Trời đã ban trong vườn nho và vườn cây ăn quả.

Ngay cả lễ Sa-bát hằng tuần cũng là một sự nhắc nhở rằng dân Do Thái là dân đặc biệt của Đức Chúa Trời vì Ngày Sa-bát là một dấu hiệu giữa Đức Chúa Trời và Y-sơ-ra-ên (Xu 31:13). Khi nghỉ ngơi vào ngày thứ 7, dân Do Thái có thể cảm tạ rằng họ đã thuộc về Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, Đấng đã chọn Y-sơ-ra-ên làm cơ nghiệp biệt riêng về Ngài. Họ cũng có thể cảm tạ rằng Đức Chúa Trời đã thêm sức cho họ để lao động trong tuần lễ tiếp theo. Dù nhìn lại lịch sử Do Thái từ cuộc hành

trình ra khỏi Ê-díp-tô hay chỉ suy gẫm về sự nhân từ của Đức Chúa Trời từ tuần lễ trước, dân Do Thái sẽ có nhiều lý do để cảm tạ Đức Chúa Trời và vâng theo những đạo luật của Ngài.

Vì nơi Đức Chúa Trời ngự vào (Le 26:2b). Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên ngự trong trại quân Y-sơ-ra-ên! Dân Do Thái có đền tạm thiêng liêng của Ngài giữa trại quân với “đám mây vinh hiển” bay lượn phía trên. Các dân tộc quanh họ có những thần do con người làm ra trong đền thờ, nhưng Y-sơ-ra-ên có Đức Chúa Trời là **Đấng dựng nên họ** đang ngự giữa họ. Làm sao họ có thể nghĩ đến việc bất tuân Ngài khi Ngài quá gần họ, hạ mình để sống với họ trong trại quân? Cố tình bất tuân Đức Chúa Trời không phải chỉ là một sự vi phạm thánh luật của Đức Chúa Trời mà đó còn là một sự xúc phạm đến nơi thánh của Ngài. Việc phạm tội là làm ô uế trại quân, điều này giải thích lý do những người ô uế bị khiến phải rời khỏi trại quân.

Sự ứng dụng cho Cơ-đốc nhân ngày nay là rõ ràng. Thân thể chúng ta là nơi thánh của Đức Chúa Trời, và chúng ta phải cẩn thận sử dụng thân thể mình vì vinh hiển Đức Chúa Trời (ICo 6:15-20). Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự bên trong chúng ta, và chúng ta không nên làm buồn lòng Ngài qua việc sử dụng đền thờ của Ngài cho những mục đích bất kính (Eph 4:30 Le 26:17-32). Nếu một người Do Thái trong thời Cựu Ước giết một con heo trên bàn thờ hoặc rã xương người trong sân đền tạm, người ấy sẽ phạm những điều gớm ghiếc nhất về thánh luật của Đức Chúa Trời. Cơ-đốc nhân nào đam mê tình dục trái phép hoặc làm ô uế trí tưởng tượng của mình bằng những tư tưởng xấu đều mắc phải những vi phạm nghiêm trọng.

Vì điều Đức Chúa Trời đã hứa (Le 26:3-13). Dân Y-sơ-ra-ên chỉ là con trẻ trong đức tin (Ga 4:1-7), và bạn dạy trẻ con chủ yếu bởi những phần thưởng và những hình phạt. Bạn không thể trình bày trước trẻ con những bài diễn thuyết về đạo đức học và mong chúng hiểu, nhưng bạn có thể hứa thưởng cho chúng nếu vâng lời và phạt chúng nếu ngỗ nghịch. Phương cách này sẽ bảo vệ chúng khỏi làm hại cho bản thân, và sẽ cho chúng thời gian để trưởng thành hơn và hiểu rõ hơn *vì sao* sự vâng lời là chìa khóa cho một đời sống hạnh phúc. Trẻ con phải dần học biết rằng những điều răn và những hình phạt là những biểu hiện về tình yêu vì ích lợi của chúng.

Môi-se sau đó đã mở rộng “giao ước về sự chúc phước” (Phu 28:1-30:20). Chính “hợp đồng” của Đức Chúa Trời đối với dân sự đã giúp họ được hưởng xức và duy trì quyền sở hữu xức mà Ngài hứa ban cho họ. Họ **sở hữu** xức vì lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham (Sa 12:1-3 13:14-17), nhưng họ không thể **vui hưởng** xức nếu họ không tuân theo những luật pháp mà Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se. Tiếc thay, họ đã bất tuân luật pháp, không còn được hưởng xức và cuối cùng bị cất khỏi xức để chịu cảnh lưu đày ở Ba-by-lôn.

Là con cái của Đức Chúa Trời, chúng ta có mọi sự chúng ta cần cho “sự sống và sự tin kính” (II Phi 1:3), vì giờ đây chúng ta có “mọi ơn phước thuộc linh trong Đấng Christ” (Eph 1:3 NIV). Nhưng việc có được những ơn phước này là một việc, còn việc tận hưởng chúng hoàn toàn là một việc khác. Khi chúng ta tin cậy những lời hứa của Đức Chúa Trời và vâng theo những điều răn của Ngài, chúng ta đang nhờ đến di sản thuộc linh của mình để có thể bước đi cách thành công, hầu việc Chúa cách hữu hiệu. Giống như dân Y-sơ-ra-ên ở Ca-na-an, chúng ta có những cuộc chiến để đánh và những công việc để làm, nhưng khi chúng ta bước đi trong sự vâng lời Chúa, Ngài

giúp chúng ta có thể chiến thắng kẻ thù, chiếm lấy xứ và vui hưởng những phước hạnh của nó.

Trước hết, Đức Chúa Trời hứa ban cho họ *mưa và những mùa thu hoạch mùa mễ* (Le 26:3-5,10). Là một quốc gia nông nghiệp, Y-sơ-ra-ên nhờ “mưa đến muộn” vào mùa xuân và “mưa đến sớm” vào mùa thu để cung cấp nước cho mùa màng và đáp ứng những nhu cầu trong dân. Một lý do mà sự thờ phượng thần Ba-anh gài bẫy dân Y-sơ-ra-ên là vì Ba-anh là thần bảo của dân Ca-na-an. Nếu dân Do Thái cần mưa, đôi khi họ quay sang Ba-anh để được giúp đỡ thay vì đến với Đức Giê-hô-va. Nếu Đức Chúa Trời muốn kỷ luật dân sự Ngài, Ngài sẽ từ chối không làm mưa như Ngài đã làm trong thời Ê-li (IVua 17:1-18:46).

Chúa cũng hứa ban cho họ *sự bình yên trong xứ* (Le 26:5-8). Họ có thể đi ngủ mà không sợ thú vật hay kẻ thù xâm phạm xứ họ. Nếu kẻ thù thật sự đến xâm phạm thì những đội quân Do Thái sẽ đánh đuổi chúng, và một chiến sĩ Do Thái đáng bằng 20 đến 100 địch quân! Những dân tộc khác cậy vào những đội quân hùng mạnh và ngựa cùng binh xa để có sự yên ninh, nhưng chiến thắng của Y-sơ-ra-ên đến bởi đức tin nơi Chúa và sự vâng theo Lời Ngài. “Một số người nhờ cậy xe cộ, một số khác nhờ cậy ngựa; nhưng chúng tôi sẽ nhớ đến danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi” (Thi 20:7).

Nếu Y-sơ-ra-ên vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời, Ngài hứa *thêm nhiều lên dân số* của họ (Le 26:9). Không giống một số người ngày nay, họ phá thai và không bằng lòng với gia đình đông người, dân Do Thái muốn có nhiều con cái và xem gia đình đông người là một phước hạnh từ Đức Chúa Trời (Sa 17:6 Phu 7:13-14 Thi 127:1-128:6). Những thế hệ mới được cần đến để duy trì nền kinh tế, giúp giữ vững các thị tộc cùng các chi phái, và bảo vệ quốc gia. Một dân bị tàn hại là một sự xét đoán từ Đức Chúa Trời.

Sự hiện diện của Chúa (Le 26:11-12) là phước hạnh lớn nhất được hứa ban vì mọi ơn phước khác tùy thuộc vào phước hạnh đó. Có dân tộc nào khác có nơi thánh của Đức Chúa Trời hằng sống ở giữa vòng họ và Đức Chúa Trời vận hành giữa họ? (Ro 9:1-5). Bi thảm biết bao khi sự bất tuân của Y-sơ-ra-ên đã biến đền thờ thành một hang trộm cướp (Gie 7:11), buộc Chúa phải phá hủy đền thờ và đưa dân sự Ngài vào cảnh lưu đày. Khi chúng ta đánh mất ý thức về sự hiện diện của Chúa và đặc quyền hầu việc Ngài, lúc ấy chúng ta đã bắt đầu coi thường Lời Ngài và bất tuân những điều răn của Ngài.

Chúng ta thấy có 9 lần trong Lê-vi ký, Chúa nhắc nhở dân sự rằng Ngài đã giải cứu họ khỏi Ê-díp-tô và do đó đáng nhận được sự vâng lời của họ (Le 11:45 19:36 22:33 23:43 25:38,42,55 26:13,45). Trong sách Phục Truyền, Môi-se nhấn mạnh rằng sự yêu mến của họ đối với Chúa phải thôi thúc sự vâng lời của họ vì mọi điều Ngài đã làm cho họ.

Chúng ta phải thấy rõ rằng giao ước phước hạnh này chỉ được ban cho Y-sơ-ra-ên và không nên được áp dụng cho Hội thánh ngày nay. Chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho những ai vâng lời Ngài, nhưng phước hạnh của Ngài không phải luôn là sức khỏe, sự giàu có và thành công. Một số anh hùng đức tin vĩ đại nhất đã chịu khổ vì sự vâng lời của họ và chưa bao giờ kinh nghiệm được những phép lạ về sự giải cứu hay sự chu cấp từ Chúa (He 11:36-40). Hàng triệu Cơ-đốc nhân đã được cho phép rơi vào tay kẻ thù và bị hành hình vì đức tin của mình. Giao ước này chỉ liên quan

đến Y-sơ-ra-ên trong xứ của họ và là cách Đức Chúa Trời dạy họ sự trung tín và vâng lời.

Một số “người rao giảng thành công” ngày nay thích công bố những giao ước “phước hạnh” này cho Hội thánh nhưng lại thích áp dụng những sự xét đoán cho người khác! Nếu giao ước này áp dụng cho con cái Đức Chúa Trời ngày nay thì chúng ta cũng sẽ phải kinh nghiệm sự xét đoán bất cứ khi nào chúng ta bất tuân Ngài. Tuy nhiên, kinh nghiệm cho chúng ta thấy rằng có những tín hữu thỏa hiệp lại thành công, khỏe mạnh, và giàu có; trong khi nhiều con cái Chúa hết lòng trung tín phải trải qua những thử thách và gian nan (Thi 73:1-28).

2. Đầu phục sự trừng phạt của Ngài (Le 26:14-39)

“Vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu, hễ ai mà Ngài nhận làm con, thì cho roi cho vọt” (He 12:6 Ch 3:11-12). Mỗi liên hệ đặc biệt của Y-sơ-ra-ên với Đức Giê-hô-va mang theo nó bốn phận vâng theo tiếng Ngài và làm vinh hiển danh Ngài. “Ta đã biết (chọn) chỉ một mình các ngươi trong mọi họ hàng trên đất: vậy nên ta sẽ thăm phạt các ngươi vì mọi sự gian ác các ngươi” (Am 3:2). Đặc quyền kèm theo trách nhiệm, không một dân tộc nào hưởng nhiều đặc quyền thuộc linh từ Chúa hơn dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Có sáu giai đoạn của sự sửa phạt đã được mô tả (Le 26:16-17,18-20,21-22,23-26,27-31,32-33), và giai đoạn cuối cùng là nghiêm khắc nhất. Trong 5 giai đoạn đầu, Đức Giê-hô-va trừng phạt dân sự *trong xứ của họ*, nhưng trong lần thứ 6, họ bị cất ra khỏi xứ và tan lạc ở nhiều nước. Một số sự sửa phạt được lặp lại từ thời kỳ này sang thời kỳ khác, nhưng có thể được tóm tắt như sau: tai họa và sự kinh hãi; bệnh tật; hạn hán và nạn đói; sự thất bại trước các kẻ thù; sự chết vì chiến tranh, thú vật, và dịch lệ; sự tàn phá các thành và quốc gia; sự tản lạc và lưu đày giữa các dân ngoại. Sau đó Môi-se mở rộng ra về những sự sửa phạt này (Phu 28:15). Đáng buồn thay khi con cái vô tội sẽ phải chịu khổ vì tội lỗi của cha mẹ chúng (Le 26:22,29).

Nhóm từ “Ta sẽ phạt các ngươi bảy lần nữa” được lặp lại bốn lần trong những lời cảnh cáo này (c.18,21,24,28), có nghĩa là “một sự trừng phạt hoàn toàn” vì số 7 là con số biểu thị cho sự hoàn toàn theo cách tính của người Hê-bơ-rơ. Mỗi giai đoạn của sự sửa phạt sẽ đầy đủ và trọn vẹn, không thiếu điều gì và giai đoạn kế tiếp sẽ khắc nghiệt hơn giai đoạn trước đó.

(Le 26: 16-17): “Sự kinh khiếp bất ngờ” nghĩa là sự bối rối của tâm trí, là loại kinh khiếp bạn sẽ cảm nhận khi không thể kiểm soát được sự việc đang xảy ra. “Sự hao tổn” mô tả những căn bệnh từ từ làm cơ thể hao mòn, giống như bệnh lao. Xuyên suốt sách Các Quan Xét, các dân ngoại đã xâm lược Y-sơ-ra-ên vào thời gian gặt hái và lấy đi mùa màng của họ. Nếu dân Y-sơ-ra-ên vâng lời, mặt Đức Chúa Trời hẳn đã “chiếu trên họ” (Dan 6:22-27), nhưng sự bất tuân đã khiến Ngài xây mặt khỏi họ (Le 26:17 Ch 28:1).

(Le 26:18-20): Mục đích của Đức Chúa Trời là “đẹp đi sự kiêu ngạo ương bướng (của họ)” (c.19, NIV). Mưa sẽ ngưng lại, đất trở nên cứng và hạt giống không thể nảy mầm. Sẽ có sự lao nhọc nhiều nhưng không có mùa thu hoạch (Am 4:6-13). Bạn có thể nghĩ rằng mọi hoạn nạn này sẽ đem dân tộc đến chỗ quì gối ăn năn, nhưng họ đã không chịu ăn năn. Điều đó cũng sẽ xảy ra như vậy trong thời kỳ cuối cùng khi Đức Chúa Trời giáng sự xét đoán trên cả thế gian (Kh 16:9,11).

(Le 26:21-22): Một sự xét đoán được kể tên ở đây: sự xâm lấn của dã thú sẽ giết chết súc vật và con người, đặc biệt là trẻ con. Hãy hình dung sự kinh khiếp sẽ hoành hành trong một dân tộc khi các thú dữ bị đói đang đi rình mò! Chỉ khi vì có con cái của họ, bạn sẽ nghĩ rằng những người lớn sẽ ăn năn và trở lại với Đức Chúa Trời.

(Le 26:23-26): Chiến tranh, đói kém và dịch lệ thường đi cùng với nhau khi dân sự ở đông đúc trong một thành có vách bao bọc, bị kẻ thù bao vây, họ hết thức ăn và trở nên đau bệnh, và dịch lệ khủng khiếp bắt đầu lan ra (Exe 5:1-17).

(Phu 26:27-31): Nạn đói khiến con người làm những việc vô nhân đạo như ăn thịt con mình (IIVua 6:29 Gie 19:9 Ca 4:10). Các đội quân của kẻ thù sẽ hủy diệt các điện thờ hình tượng mà dân Do Thái đã xây lên, ném những xác chết trên những hình tượng không thể giơ tay ra cứu họ được. (Le 26:31) gợi ý rằng dân sự sẽ tìm cách phục hồi sự thờ phượng Đức Giê-hô-va nhưng đã quá trễ. Các thành và nơi thánh đều đã bị san bằng.

(Le 26:32-39): Phần đoạn này mô tả đỉnh điểm những sự sửa phạt của Đức Chúa Trời đã trở nên thiết yếu vì có sự cứng lòng của dân sự Ngài. Cho đến thời điểm này, Ngài đã sửa phạt dân sự trong xứ họ, nhưng giờ đây Ngài cất họ ra khỏi xứ. Trong năm 722 TC, dân A-sy-ri đã giam cầm Vương quốc phía Bắc của Y-sơ-ra-ên; và sau đó đến năm 605 TC, dân Ba-by-lôn thôn tính Vương quốc Giu-đa ở phía Nam. Bảy mươi năm lưu đày ở Ba-by-lôn đã để cho xứ được yên nghỉ và “hưởng những năm sa-bát của nó” (c.34-35,43 IISu 36:21 Gie 25:11).

Chúa đầy lòng thương xót đã đem số người Do Thái còn sót lại trở về xứ nhưng vương quốc không bao giờ dành lại được quyền lực hay vinh hiển như trước đó nữa. Không kể những giai đoạn ngắn của sự tự do, như dưới thời Mác-ca-bê, dân Do Thái luôn ở dưới sự điều khiển của một thế lực ngoại bang nào đó. Sự tan lạc cuối cùng của họ là sau năm 70 SC khi quân La Mã xâm lược và chiếm Giê-ru-sa-lem. Sự bao vây Giê-ru-sa-lem ứng nghiệm hơn nữa những lời tiên tri trong (Le 26:22,29).

3. Tin cậy giao ước của Ngài (Le 26:40-46)

Tuy nhiên, ngay trong hoàn cảnh xấu nhất vẫn luôn có hy vọng vì Chúa là Đấng “thương xót, nhân từ, nhẫn nhục, đầy dẫy ân huệ và thành thực, giữ sự thương xót đến ngàn đời, tha sự gian ác, vi phạm và tội lỗi” (Xu 34:6-7). Giao ước của Ngài với dân sự Ngài không bao giờ thay đổi, và nếu chúng ta xưng tội lỗi mình và ăn năn, Ngài sẽ tha thứ và phục hồi cho chúng ta (Le 26:40 IVua 8:33-34 Ne 9:2 IGI 1:9). Dù trong sự chúc phước, sửa phạt, hay tha thứ, Đức Chúa Trời vẫn luôn giữ giao ước Ngài và thành tín với Lời Ngài.

Đức Chúa Trời có thể trừng phạt dân sự Ngài, nhưng Ngài sẽ không bao giờ khước từ hay bỏ họ (Ro 11:1-36). Thật ra, lý do khiến Ngài phải sửa phạt là để đem dân sự làm lỗi bước vào trong cánh tay yêu thương của Ngài, nơi Ngài có thể vui lòng và chúc phước cho họ (He 12:1-13). Dân sự có thể quên luật pháp của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài luôn nhớ giao ước Ngài, và Ngài cũng nhớ đến xứ vì nó thuộc về Ngài (Le 25:23).

Sẽ có sự nhóm hiệp lại trong tương lai của Y-sơ-ra-ên tại xứ họ, xảy ra trước sự đến của Đấng Christ trên đất để thiết lập vương quốc đã hứa ban của Ngài (xem phần giải thích Lễ Thối Kèn trong chương 9). Đức Chúa Trời đã ban xứ cho Môi-se và con cháu ông, và Ngài sẽ không rút lại lời hứa của Ngài.

Nguyên nhân sự chống nghịch của Y-sơ-ra-ên là “những tấm lòng không chịu cắt bì”, đó là những tấm lòng chưa bao giờ được Chúa thay đổi (Le 26:41). Dân Do Thái khoe khoang rằng họ đã được cắt bì trong thân thể nhưng điều đó chưa đủ để họ được cứu (Mat 3:7-12). Dấu hiệu trên thân thể là dấu ấn chứng bên ngoài của giao ước, nhưng cần có nhiều hơn thế để thay đổi một tấm lòng (Phu 10:16 30:6 Gie 4:4 9:25 Ro 2:29).

Khi chúng ta không vâng phục Chúa, kẻ thù kiện cáo chúng ta và muốn chúng ta tin rằng không có hy vọng gì vì Chúa đã chán chê chúng ta (IICo 2:1-11). “Nếu chúng ta không thành tín, Ngài vẫn sẽ thành tín vì Ngài không thể tự chối mình được” (IITi 2:13 NIV). Vua Sa-lô-môn đã chỉ ra lời hứa về sự tha thứ khi ông dâng hiến đền thờ (IVua 8:31-53), và đó là lời hứa mà Giô-na đã tuyên bố khi ông ăn năn tội lỗi mình (Gion 2:7).

Lời hứa về sự tha thứ trong (IGi1:9) không bao giờ nên được sử dụng như sự bào chữa cho tội lỗi, nhưng nó chắc chắn là sự khích lệ cho dân sự Đức Chúa Trời khi họ phạm tội. Sự thành tín của Đức Chúa Trời đối với Lời Ngài và với giao ước Ngài là một sự bảo đảm tuyệt đối cho tín đồ rằng, “có sự tha thứ đối với Ngài, để Ngài có thể được kính sợ” (Thi 130:4 NKJV). Vì Lời Chúa và bản tánh Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi nên chúng ta có mọi sự khích lệ để đến với Ngài và tạo ra một khởi đầu mới.

4. Giữ những lời hứa của chúng đối với Đức Chúa Trời (Le 27:1-34)

Dường như kỳ lạ rằng sách này nên kết thúc bằng một chương về những lời thề nguyện hơn là bởi việc ghi chép lại sự bày tỏ đặc biệt về sự vinh hiển cùng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Nhưng những lời hứa của chúng ta đối với Đức Chúa Trời phải không thể bị vi phạm cũng như giao ước của Ngài với chúng ta. “Chớ vội vàng với miệng của ngươi, và chớ để lòng ngươi nóng nảy thốt ra điều gì trước mặt Đức Chúa Trời” (Tr 5:2 NKJV). “Quả là một cái bẫy cho người ta để vội vã dâng điều gì như là thánh, và sau đó mới suy xét lại những lời thề nguyện của mình” (Ch 20:25 NKJV).

Nguyên tắc đằng sau những qui tắc trong chương này là về việc thay thế tiền cho vật gì đó được dâng lên cho Đức Chúa Trời, có thể là một con người, một con thú, hay một phần tài sản, và việc dâng món tiền đó cho thầy tế lễ làm chi phí sửa chữa nơi thánh. Thầy tế lễ sẽ đánh giá món quà theo những luật lệ được đề ra trong chương này. Bằng cách dâng tiền thay thế cho món quà, người thờ phượng đang “chuộc” món quà nhưng vẫn làm trọn lời hứa nguyện. Những lời hứa nguyện này hoàn toàn tự nguyện và là những sự thể hiện về thái độ của người thờ phượng trước mặt Đức Chúa Trời vì sự chúc phước của Ngài.

Những thứ có thể chuộc được (Le 27:1-25). Họ bắt đầu bằng sự dâng hiến con người (c.1-8). Một người thờ phượng có thể dâng mình hoặc đem đến một thành viên trong gia đình hay người tôi tớ để dâng cho Chúa, hầu việc Chúa cả đời tại nơi thánh. Tuy nhiên, vì đã có nhiều người Lê-vi và vì họ đã được biệt riêng cho sự hầu việc tại nơi thánh, nên người được dâng sẽ phải được chuộc bằng tiền, và món tiền này sẽ được giao cho các thầy tế lễ cho công việc trong nơi thánh. Trong trường hợp của Sa-mu-ên (ISa 1:1-2:36), cậu bé đã thật sự được giao cho thầy tế lễ cả và được huấn luyện để hầu việc trong đền tạm. Trẻ con có thể được chuộc, hoặc giống như Sa-mu-ên, chúng có thể bước vào sự hầu việc khi trưởng thành.

Số tiền được ấn định cho mỗi nhóm tuổi và giới tính không liên quan gì đến giá trị cá nhân với tư cách là một con người. Mọi người đều quý giá trước mặt Chúa. Vấn đề quan trọng là mức độ công việc mà họ có thể làm. Một siéc-lo tương đương với thu nhập một tháng đối với người lao động, dù chúng ta không biết nó có sức mua thế nào. Vì vậy một người nam từ 20-60 tuổi được định giá vào khoảng mức thu nhập của 4 năm. Hãy đặt điều này trong bối cảnh của nền kinh tế hiện nay, bạn sẽ kết luận ngay rằng người ta đã không đổ xô vào việc thực hiện những lời hứa nguyện này! Sẽ thật sự là một điều đắt giá khi phải trả thu nhập của 4 năm để thực hiện một lời hứa trước mặt Đức Chúa Trời.

Thú vật cũng có thể được dâng hiến và sau đó được chuộc lại (Le 27:9-13). Mọi thú vật được dâng hiến cho Chúa đều được xem là vật thánh (c.9-10), nghĩa là đã được biệt riêng (“được thánh hóa”) và thuộc về Chúa. Nếu người dâng hiến muốn thay thế một con vật kém hơn thì khi đó **cả hai** con vật đều thuộc về Chúa (c.10). Đây là một trong những tội lỗi của các thầy tế lễ trong thời Ma-la-chi (Ma 1:13-14). Trong trường hợp của các thú vật, người dâng hiến phải thêm 20% vào sự định giá của thầy tế lễ.

Tài sản cũng có thể được dâng hiến và được chuộc (Le 27:14-25), nhưng người chủ phải thêm 20% vào sự định giá khi người ấy dâng tiền chuộc cho thầy tế lễ. Một đồng ruộng được định giá trên cơ sở sản lượng của nó và thời gian gần Năm Hân Hỉ. Nếu vì lý do nào đó, người chủ bán đất sau khi đã dâng cho Chúa, người ấy sẽ bị phạt bởi việc mất nó vào Năm Hân Hỉ, khi ấy đất này sẽ được dâng cho các thầy tế lễ và không bao giờ có thể được chuộc. Khi lập những lời hứa với Chúa, chúng ta phải cẩn thận để đừng thất hứa với Ngài.

Những thứ không thể chuộc được (Le 27:26-34). Có ba thứ: con đầu lòng trong súc vật, bất cứ vật gì Đức Chúa Trời cấm, và những phần mười cần thiết.

Con đầu lòng trong súc vật (Le 27:26-27) được biệt riêng cho Chúa vào lễ Sa-bát đầu tiên (Xu 13:2 34:19-20). Những thú vật này thay thế cho con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên đã được huyết chiên con chuộc khỏi sự xét đoán. Những thú vật này không thể được chuộc. Nhưng nếu con thú “ô uest” nghĩa là có thể bị tì vît ở mặt nào đó, người dâng có thể chuộc nó bằng cách trả cái giá đã được định ra và thêm vào 20% giá ấy (không con vật tì vît nào được đặt trên bàn thờ, chắc chắn thầy tế lễ không bao giờ dám chấp nhận một con vật bị kể là “ô uest”).

Những vật “được dâng” cho Chúa (Le 27:28-29) sẽ là những vật mà Đức Chúa Trời biệt riêng ra cho Ngài, chẳng hạn như những chiến lợi phẩm tại Giê-ri-cô (Gios 6:17-19 7:11-15). Nhóm từ “vật đáng nguyên rửa” trong Kinh Thánh KJV không có nghĩa là Đức Chúa Trời nguyên rửa những vật này, nhưng Ngài đặt chúng dưới sự cấm đoán để chúng hoàn toàn thuộc về Ngài. Vua Sau-lơ đã vi phạm luật này khi ông tìm cách dâng cho Đức Chúa Trời vật Ngài đã cấm, đó là dân A-ma-léc và mọi của cải của họ (ISa 15:1-35)

Những phần mười của thổ sản (Le 27:30-33) đã được biệt riêng cho Đức Chúa Trời và không thể được sử dụng theo cách nào khác. Dường như dân Do Thái đã dâng 3/10: 1/10 cho người Lê-vi, là những người đến lượt mình sẽ dâng phần mười đó cho các thầy tế lễ (Dan 18:21-32), 1/10 được đem đến nơi thánh và được ăn “trước mặt Chúa” (Phu 14:22-27), và 1/10 là cho người nghèo mỗi 3 năm (c.28-29). Không một nông dân nào có thể giữ phần mười của Chúa và chuộc nó lại bằng tiền. Nó phải được dâng lên cho Chúa như đã được phán bảo.

Bài học chính của chương này là Đức Chúa Trời mong chúng ta giữ những lời hứa của mình với Ngài và thành thật trong mọi mối tương giao của chúng ta với Ngài. Chúng ta đừng tìm cách thương lượng để có “một giao dịch tốt hơn” hay thoát khỏi những trách nhiệm. Thật tốt khi dâng tiền bạc cho Chúa, nhưng việc dâng tiền không phải luôn là cách có thể chấp nhận được để thể hiện sự dâng hiến của chúng ta cho Chúa. Khoản tiền này có thể sẽ thay thế cho sự hầu việc mà lẽ ra chúng ta phải dâng cho Chúa.

Điều Sa-mu-ên đã nói với vua Sau-lơ cần được lắng nghe vào hôm nay: “Vả, sự vâng lời tốt hơn của tế lễ, sự nghe theo tốt hơn mỡ chiên đực” (ISa 15:22).

Cuối cùng, chúng ta cần nhớ rằng, Chúa Giê-xu Christ đã phải trả giá cứu chuộc tội nhân bằng chính sự sống của Ngài và *chúng ta đã không xứng đáng được điều đó*. Ngài đã cứu chuộc chúng ta không phải bằng vàng và bạc nhưng bằng chính huyết báu của Ngài (IPhi 1:18-19). Bất cứ sự hy sinh nào chúng ta thực hiện vì Ngài cũng không có ý nghĩa gì so với sự hy sinh mà Ngài đã thực hiện cho chúng ta.

TÓM TẮT NHỮNG ĐIỀU HỌC ĐƯỢC TỪ SÁCH LÊ-VI KÝ

Việc Đức Chúa Trời dành cả một sách của Kinh Thánh cho chủ đề về sự thánh khiết cho thấy đó là một chủ đề *quan trọng*, một chủ đề mà chúng ta không dám bỏ qua. Có nhiều chi tiết hấp dẫn trong sách này mà chúng ta không thể nghiên cứu hết nhưng bài học chủ yếu ở đây rất rõ ràng. Chúng ta sẽ tóm tắt một số những bài học này và có một số ứng dụng thực tiễn cho đời sống Cơ-đốc của chúng ta hôm nay.

1. Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng Thánh Khiết

Khi đánh giá thấp sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là chúng ta đang có nguy cơ xem thường sự phạm tội của con người, và sự kết hợp của hai sai lầm này đưa đến kết quả là chúng ta sẽ hạ thấp thập tự giá của Đức Chúa Giê-xu Christ. Nếu mong muốn rao giảng Tin Lành, chúng ta phải có một Đức Chúa Trời thánh khiết, là Đấng ghét tội lỗi và đã thực hiện điều gì đó cho tội lỗi bằng giá rất cao đối với chính Ngài. Nhà thần học Carl F.H. Henry (1) đã viết: “Đó là vì Đức Chúa Trời là thánh khiết, và cũng đầy tình yêu thương để ban sự chuộc tội cho chúng ta.”

Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời nghĩa là “sự biệt riêng” hoàn toàn của Ngài với bất cứ điều gì tội lỗi. Ngài *khác* với những gì tầm thường, và Ngài *phân cách* với những gì ô uế. Nhưng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không phải là một điều thụ động, giống như một khối băng trong suốt. Sự thánh khiết của Ngài tích cực và sống động, là *biến bằng pha ly trộn với lửa* (Kh 15:2). Mọi điều về Đức Chúa Trời đều là thánh: sự khôn ngoan, quyền năng, sự xét đoán và thậm chí cả tình yêu của Ngài. Nếu tình yêu của Ngài không phải là tình yêu thánh khiết, Ngài sẽ không bao giờ ban Con Một của Ngài để chịu chết vì tội lỗi của thế gian và đáp ứng những đòi hỏi theo bản tánh và thánh luật riêng của Ngài.

Tôi có thể sai, nhưng tôi có cảm giác rằng nhiều dân sự Đức Chúa Trời ngày nay đã đánh mất ý thức kính sợ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Tại sao như thế ?

Trước hết, chúng ta không nhấn mạnh sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong Hội thánh của chúng ta. Giống như buổi họp mặt lửa trại của một nhóm hướng đạo sinh, những lễ “thờ phượng” của chúng ta thật vui vẻ nhưng hoàn toàn thiếu đi sự nhấn mạnh quan trọng về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Sự rao giảng của chúng ta nhằm vào con người, tìm cách “gãi trúng chỗ ngứa” của họ thay vì phải chỉ ra cho

họ một Đức Chúa Trời thánh khiết, Đáng đáng được tôn thờ và vâng lời. Những người bị thu hút vào sự vĩ đại và thánh khiết của Đức Chúa Trời sẽ không lo lắng nhiều về việc người khác quan tâm đến điều gì.

Việc thiếu đi kỷ luật Hội Thánh và những tiêu chuẩn cao của phẩm chất Cơ-đốc cho thấy chúng ta đã không xem trọng sự thánh khiết cho lắm. Trong lời quảng cáo của mình, chúng ta đã “bán” Hội thánh cho thế gian bằng cách chuyển tải tư tưởng không phù hợp với Kinh Thánh rằng Cơ-đốc giáo là một “sự vui thích” và mọi người ngoại đạo phải gia nhập câu lạc bộ này và bắt đầu “được sống trên lề đường đầy nắng chói”. Có lần tôi đã nghe một vị mục sư nói như thế này trong lời thông báo của ông: “Hãy đến tham dự buổi lễ thờ phượng tối nay. Chúng ta sẽ có một thời gian vui vẻ với nhau.” Tôi nghĩ đến những lời của Gia-cơ viết cho các tín hữu thế gian rằng: “Hãy đau thương, khóc lóc, hãy đổi cười ra khóc, đổi vui ra buồn”(Gia 4:9).

Tôi không thể hình dung được rằng Môi-se và các trưởng lão đã “vui vẻ” trên núi Si-nai khi họ nhìn xem vinh hiển của Đức Chúa Trời, hay là Ê-sai có kể lại rằng ông đã có một “thời gian vui vẻ” trong đền thờ khi ông nhìn thấy “Chúa...cao cả và được tôn cao”(Es 6:1). Không ai thích sự hài hước tốt lành và tiếng cười lành mạnh hơn tôi, nhưng khi tôi suy tưởng đến sự phạm tội của tôi và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, tôi muốn dự phần với Gióp, Ê-sai, Phi-e-rơ và Giăng mà cúi mặt xuống trong sự tôn trọng và kính sợ.

2. Đức Chúa Trời muốn dân sự Ngài nên thánh

Có 8 lần trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời phán “Hãy nên thánh vì ta là thánh.” Vì những điều răn của Đức Chúa Trời là những điều có thể làm được của Đức Chúa Trời, do đó, điều răn này bảo đảm với chúng ta rằng sống một đời sống thánh khiết là điều có thể thực hiện được. Sức khỏe có ý nghĩa thế nào đối với thân thể thì sự thánh khiết đối với linh hồn cũng có tầm quan trọng thế ấy. Và Vị Thầy Thuốc Vĩ Đại có thể ban cho chúng ta sức khỏe và sự trọn vẹn thuộc linh mà chúng ta cần.

Đức Chúa Trời muốn dân Y-sơ-ra-ên của Ngài làm “một dân tộc thánh” (Xu 19:6), và sự kêu gọi cao trọng này ứng dụng cho cả Cơ-đốc nhân ngày nay (IPhi 2:9). Ngày nay, Hội thánh có thể được biết đến dưới bất cứ tên gọi nào khác - những tòa nhà, những nguồn ngân quỹ, những nhóm người, những thời gian biểu bận rộn - nhưng chắc chắn là Hội thánh đã không được biết đến vì sự thánh khiết của nó. *Có bao nhiêu Cơ-đốc nhân bạn biết về họ mà bạn có thể thành thật nói: “Anh ta là người của Đức Chúa Trời” hay “Cô ta là một người nữ của Đức Chúa Trời”? Có bao nhiêu “Cơ-Đốc nhân nổi tiếng” có đủ tư cách ấy?*

Y-sơ-ra-ên đã không làm một dân tộc thánh, do đó, đã không bày tỏ ra chứng có cho thế giới mà Đức Chúa Trời muốn họ bày tỏ. *Y-sơ-ra-ên* không chỉ chịu khổ vì những tội lỗi của họ mà *thế giới ngoại đạo* cũng chịu khổ bởi không nhìn thấy nơi Y-sơ-ra-ên sự khác biệt khi họ thuộc về một Đức Chúa Trời thánh khiết. Hội thánh chú trọng đến việc rao giảng nhưng lại thờ ơ với bản tính cùng thái độ cư xử tin kính, và cả hai đặc điểm này đều quan trọng. Chúa Giê-xu đã không phán: “Các ngươi là môi miệng của thế gian”, nhưng “Các ngươi là sự sáng của thế gian.” Ngài không phán: “Các ngươi là những bài giảng của đất”, nhưng đã phán: “Các ngươi là muối của đất.” Một đời sống thánh khiết sẽ xua tan sự tối tăm và đẩy lùi sự bại hoại.

3. Sự thánh khiết bắt đầu tại bàn thờ

Sách Lê-vi ký không bắt đầu bằng một buổi nhóm cầu nguyện, một lễ thờ phượng tôn vinh, hay một buổi nhóm thông công. Nó bắt đầu tại bàn thờ nơi những con sinh tể vô tội bị đổ huyết ra vì những tội nhân gian ác. Nó bắt đầu với sự mô tả năm của lễ, tất cả đều chỉ về Đức Chúa Giê-xu Christ và công tác của Ngài trên thập tự giá.

Bước đầu tiên hướng đến sự thánh khiết là thừa nhận tội lỗi của mình và nhận biết Đấng Christ là Cứu Chúa và là Đấng Chuộc Tội duy nhất của mình. Nếu tôi nghĩ rằng mình sẽ trở nên thánh khiết vì những quyết định thành thật của tôi, những thói quen tôn giáo của tôi, hoặc bởi tri thức thần học của tôi, thì tôi đang hướng đến sự thất bại chắc chắn. Thật vậy, chúng ta cần sự hiểu biết về thuộc linh, và chúng ta phải quyết tâm trau dồi những thói quen tin kính, nhưng nếu không có sự hy sinh của Đức Chúa Giê-xu Christ thì mọi việc lành này đều trở nên vô ích nếu không muốn nói rằng tai hại.

Thập tự giá bày tỏ sự thù ghét của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi. *Tội lỗi của chúng ta đã giết Con Một của Ngài*. Làm sao tôi có thể giữ thái độ trung lập hoặc thậm chí thân thiện với điều đã khiến Con Đức Chúa Trời chịu khổ và chịu chết? Nếu tôi không học cách ghê tởm tội lỗi, tôi sẽ không bao giờ trau dồi được sự thánh khiết.

Nhưng thập tự giá cũng bày tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời để chiến thắng tội lỗi, “Huyết của Đấng Christ tẩy sạch chúng ta” (IGi 1:7,9), đem chúng ta đến gần Đức Chúa Trời (Eph 2:13), và gột rửa chúng ta khỏi tội lỗi (He 9:14). Bằng cách chấp nhận công tác đã được làm trọn của Ngài và địa vị được thánh hóa của chúng ta trong Ngài (He 13:12), chúng ta sẽ từ bước đi đầu tiên đó mà hướng đến một đời sống thánh khiết.

4. Sự thánh khiết đòi hỏi sự vâng lời và kỷ luật

Việc người Do Thái đến thờ phượng đem dâng của lễ nơi bàn thờ, ra đi và biết rằng tội lỗi mình đã được tha vãn chưa đủ. Người đến thờ phượng này cũng phải vâng theo những luật lệ và quy tắc mà Chúa đã ban cho dân sự Ngài về điều gì thanh sạch và điều gì không thanh sạch. Nói cách khác, Đức Chúa Trời thánh khiết của chúng ta có quyền cho chúng ta biết điều gì đúng và điều gì sai.

Tín hữu ngày nay không chú ý đến những luật ăn kiêng của Do Thái, nhưng chúng ta phải chú ý đến những điều mà chúng minh họa: Có một số điều trong thế gian này không được phép xâm nhập vào hệ thống của chúng ta vì Đức Chúa Trời không đẹp lòng với những điều ấy. Tôi không sợ chạm đến xác chết hay nhặt lên một đốt xương, nhưng tôi phải cẩn thận “giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian” (Gia 1:27). Sự tự do Cơ-đốc không phải là sự cho phép chúng ta dựa phần vào những việc không tốt cho chúng ta.

Tôi hoan nghênh sự chú trọng đến việc học Kinh Thánh hiện nay giữa vòng các Cơ-đốc nhân và vui mừng vì những công cụ tuyệt vời sẵn có. Nhưng việc đọc và học Kinh Thánh thì chưa đủ. Chúng ta phải “giữ các điều răn của Ngài, và làm những điều đẹp ý trước mặt Ngài” (IGi 3:22). “Sự vâng lời có kỷ luật là một phần quan trọng của đời sống thánh khiết.” Bàn luận và tranh cãi về Kinh Thánh thì dễ hơn nhiều so với việc bày tỏ những lẽ thật của Kinh Thánh trong đời sống hằng ngày của chúng ta.

Dân Do Thái thời Cựu Ước phải bước đi cách cẩn thận để giữ mình khỏi bị ô uế (Eph 5:15). Họ phải đặt những tiêu chuẩn về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời vào trong mọi khía cạnh của đời sống hằng ngày của họ: quần áo họ mặc, thực phẩm họ

ăn, những vật họ chạm đến, và những con người mà họ có liên hệ. Những người chồng và người vợ phải đặt những kinh nghiệm mật thiết nhất của họ dưới sự kỷ luật của Lời Đức Chúa Trời. Những điều như thế không có gì là “trần tục” hay “thiên lương” đối với thánh đồ thời Cựu Ước, vì mọi điều trong đời sống đều thuộc về Đức Chúa Trời.

Tín hữu ngày nay nghĩ rằng họ thuộc linh nếu đi nhà thờ một lần một tuần và đọc sách bồi linh trong sáu ngày kia. Chỉ khi sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không ngừng bắt đầu chạm đến *mọi lãnh vực của đời sống chúng ta*, thì chúng ta mới có thể nói rằng mình đang bắt đầu tiến bộ trong việc nên thánh.

5. Sự thánh khiết phải đến từ Đức Chúa Trời và phải chân thật

Chúng ta phải coi chừng “sự nhiệt tình giả tạo.” Đức Chúa Trời đã giết Na-đáp và A-bi-hu, các con trai của A-rôn, vì họ đã đem đến “lửa lạ” cùng sự nhiệt thành giả tạo vào trong nơi thánh, vi phạm đến thánh luật của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không làm điều đó vào ngày hôm nay, nhưng nếu Ngài làm thì đã không có thật nhiều thánh đồ còn sót lại. Có thể hai thầy tế lễ này đã bị tác động của rượu, điều này nhắc chúng ta nhớ đến lời khuyên của Phao-lô rằng đừng say rượu nhưng phải đầy dẫy Thánh Linh (Eph 5:18).

Bản chất được tôi luyện của con người có thể bắt chước tính chất thuộc linh, nhưng không bao giờ sao chép được tính chất ấy. Những cảm xúc nhẹ nhàng về tôn giáo không phải là sự đảm bảo rằng chúng ta đang làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, và việc không có những cảm xúc ấy không có nghĩa là chúng ta làm buồn lòng Đức Chúa Trời. Tôi rất biết ơn vì sự thờ phượng và ngợi khen lại được chú trọng trong Hội thánh, nhưng chúng ta phải cẩn thận để “lửa” của chúng ta được đốt cháy bởi Thánh Linh từ bàn thờ của Đức Chúa Trời chứ không phải bởi xác thịt hay những thế lực của ma quỷ. Sa-tan là một kẻ lừa dối, và chúng ta phải cẩn thận để nhận ra và khước từ những kẻ giả mạo của nó.

6. Sự thánh khiết đòi hỏi sự cầu thay của thầy tế lễ

Người Do Thái thời Cựu Ước nếu không sinh ra trong chi phái Lê-vi thì sẽ bị cấm vào khu vực sân thiên lương của đền tạm. Người ấy phải đến với Đức Chúa Trời bằng phương tiện cầu thay của các thầy tế lễ. Trong Hội thánh thời Tân Ước, mọi dân sự của Đức Chúa Trời đều là các thầy tế lễ, *nhưng chúng ta phải đến với Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Giê-xu Christ, là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đang cầu thay cho chúng ta ở trên trời* (IPhi 2:5).

Không thể có sự tăng trưởng trong sự thánh khiết nếu không có mối giao thông với Đức Chúa Giê-xu Christ. Ngài đã hoàn tất công tác cứu rỗi chúng ta khi Ngài chịu chết và sống lại trên đất, nhưng giờ đây Ngài thực hiện “công tác chưa hoàn tất” về sự thánh hóa chúng ta khi Ngài cầu thay ở trên trời. Đây là một trong những chủ đề chính của sách Hê-bơ-rơ. Ngài muốn “khiến anh em nên trọn vẹn trong mọi việc lành để làm thành ý muốn Ngài, hành động trong anh em điều đẹp ý trước mặt Ngài, qua Đức Chúa Giê-xu Christ” (He 13:21).

Không giống như tín hữu thời Cựu Ước, dân sự Đức Chúa Trời ngày nay có thể bước vào sự hiện diện của Ngài (nơi chí thánh) và giao thông với Ngài (He 10:19-22). Qua Đức Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có thể đến gần ngôi ơn phước hầu cho “được thương xót và tìm được ơn để giúp chúng ta trong thời giờ có cần dùng” (He 4:16).

Nếu chúng ta không “để thời gian nên thánh” và giao thông với Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ chẳng bao giờ được tăng trưởng trong sự thánh khiết hoặc giống với Đức Chúa Giê-xu Christ.

7. Thiếu sự thánh khiết gây ảnh hưởng đến xứ của chúng ta

Chúng ta có xu hướng nghĩ về tội lỗi như một hành động của cá nhân chỉ làm ảnh hưởng đến tội nhân, nhưng điều này không đúng. Môi-se cho biết rõ rằng tội lỗi của dân sự đã ảnh hưởng đến xứ mà Đức Chúa Trời ban cho họ, và xứ sẽ “mưa họ ra” nếu họ cứ ở trong sự bội nghịch Đức Chúa Trời.

Sự thờ hình tượng và sự đồi bại là hai tội lỗi được Đức Chúa Trời đặc biệt chọn ra như là nguyên nhân đã làm cho xứ bị ô uế. “Chớ làm một trong mấy việc đó mà tự gây cho mình ô uế; bởi dân mà ta sẽ đuổi khỏi trước mặt các người đã thành ô uế vì có làm các việc đó. Ngay cả đất vì chúng nó mà bị ô uế; nên ta sẽ phạt tội ác nó; và đất sẽ mưa dân nó ra vậy” (Le 18:24-25 NIV).

Dù chúng ta có thể làm mọi điều có thể để gìn giữ các tiêu chuẩn thánh thì Hội thánh vẫn không có quyền bắt buộc những công dân chưa được cứu ở trong xứ phải làm theo những luật lệ của Đức Chúa Trời. Nhưng chúng ta sẽ làm gì nếu *dân sự trong Hội Thánh là những người tự xưng là biết Đức Chúa Trời nhưng chính họ lại không thực hành những tiêu chuẩn ấy.*

Sự thờ hình tượng và sự đồi bại không những được chấp nhận trong xã hội ngày nay mà chúng còn được tán thành và khuyến khích. Tiểu thuyết, phim ảnh cùng những chương trình truyền hình đã phô bày và đề cao sự đồi bại tình dục đến một mức độ mà nó đã trở thành một phần quan trọng trong sự giải trí ngày nay. Những tội lỗi mà lẽ ra phải đưa chúng ta đến chỗ quỳ gối khóc lóc, thì giờ đây đang là trò tiêu khiển được chấp nhận. Chúng ta thường nghĩ loại đời sống bất kính này đến từ người thế gian, nhưng chúng ta không ngờ nó đến từ dân sự của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên sự thờ hình tượng và sự đồi bại đã xâm nhập vào hội thánh.

Sự xét đoán sắp đến và nó sẽ bắt đầu “từ nhà Đức Chúa Trời” (IPhi 4:17).

8. Sự thánh khiết không phải là một vấn đề riêng tư

Tín hữu thời Cựu Ước thuộc về một cộng đồng thờ phượng, và người ấy đã không tìm cách để “hành động một mình.” Các thầy tế lễ là những người giám sát đời sống thuộc linh của dân tộc, những người Lê-vi hỗ trợ họ, và mỗi người trong dân tộc đóng một vai trò trong cuộc chiến đang diễn ra chống lại tội lỗi và thế gian.

Một trong những xu hướng nguy hiểm trong giới Cơ-đốc ngày nay là sự nhấn mạnh về “Cơ-đốc giáo cá nhân”, như thể mỗi tín đồ là một “Biệt Kích Bơ Vơ” không cần ai giúp đỡ mình để tìm kiếm sự thánh khiết. Dĩ nhiên, chúng ta cần thời gian tĩnh nguyện cá nhân mỗi ngày với Chúa, nhưng không phải chỉ có thế, chúng ta cũng cần sự giúp đỡ của những người lãnh đạo thuộc linh và những tín đồ khác trong Hội thánh, và họ cần đến chúng ta.

Ngày Sa-bát thư thái sẽ cho cha mẹ có cơ hội dạy con cái Lời Chúa, và mỗi kỳ Lễ Vượt Qua là cơ hội khác để nhìn lại sự thương xót của Chúa đối với dân sự Ngài. Những kỳ lễ khác đem cộng đồng đến với nhau, để ăn năn hoặc vui mừng. Khi bỏ qua “sự nhóm lại” (He 10:25) là chúng ta tự đánh mất những phước hạnh mà Đức Chúa

Trời đã ban cho những người đóng vai trò quan trọng trong mỗi thông công thờ phượng với Ngài.

9. Sự thánh khiết làm vinh hiển Đức Chúa Trời

Vì chỉ Đức Chúa Trời mới có thể khiến một người nên thánh nên một đời sống tin kính là một chiến tích về ân điển của Ngài và là một sự bày tỏ về quyền năng Ngài. Các giáo sư có thể hưởng công trạng cho việc chỉ dẫn chúng ta, các mục sư cho việc cố vấn chúng ta, và bạn bè cho việc khích lệ chúng ta, nhưng chỉ Đức Chúa Trời được vinh hiển khi người ta nhìn thấy Đấng Christ được tái hiện trong chúng ta.

Chúng ta có thể không nhìn thấy những thay đổi đang xảy ra, nhưng Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy, và những người khác cũng có thể. Điều quan trọng không phải là chúng ta đo lường bản thân theo cách chúng ta đo lường sự phát triển của con cái chúng ta, nhưng chúng ta cứ hạ chính mình xuống và để Ngài được vinh hiển trong mọi sự chúng ta thể hiện và thực hành.

10. Sự thánh khiết nghĩa là sống chỉ duy làm đẹp lòng Đức Chúa Trời

Nếu một người Do Thái đi một mình trong cánh đồng, chẳng may trở nên ô uế, thì người ấy có thể làm một trong hai việc. Người ấy có thể ở ngoài trại quân và thực hiện những bước cần thiết cho sự thanh tẩy, hoặc người ấy có thể trở về trại quân, chẳng làm gì cả, và cứ bị ô uế. Không ai biết được sự khác biệt, nhưng người ấy sẽ rất “độc hại” và ngấm ngấm làm ô uế mọi vật cùng mọi người mà người ấy chạm đến, **và Chúa biết tất cả mọi điều đó**. Nếu người ấy không vâng theo những qui tắc được ban cho trong luật pháp của Đức Chúa Trời và trở nên thanh sạch lại thì người ấy sẽ sống giả dối, làm nhiều điều tai hại và chuốc lấy sự kỷ luật của Đức Chúa Trời.

Một trong những nguyên tắc Chúa Giê-xu nhấn mạnh trong Bài Giảng Trên Núi là chúng ta sống đang trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời, làm đẹp lòng chỉ duy một Đức Chúa Trời, chứ không phải để gây ấn tượng trước mặt người ta (Mat 6:1-18). Có những khi việc chúng ta làm bị bạn bè trên đất hiểu lầm nhưng Cha chúng ta trên trời hoàn toàn hiểu được và bằng lòng với việc ấy. Nói cách khác, Chúa Giê-xu muốn chúng ta tập trung vào việc xây dựng tính cách chứ không phải việc gây dựng tiếng tăm về mặt tôn giáo của chúng ta.

Việc bạn bè hoan nghênh chúng ta đến mức độ nào thì chẳng có gì khác biệt nếu Đức Chúa Trời không đẹp lòng với chúng ta. “Mọi vật đều trần trụi và lộ ra trước mặt Đấng mà chúng ta phải thưa lại” (He 4:13 NIV), vì vậy thật vô ích để tìm cách che giấu. Theo (IGi 1:5-10) khi chúng bắt đầu nói dối (c.6) thì chẳng bao lâu chúng ta sẽ nói dối với chính mình (c.8), và hậu quả là sẽ tìm cách nói dối Đức Chúa Trời (c.10). Điều này dẫn đến sự sa đọa nhân cách dần dần, đem lại sự suy sụp và nhục nhã. Chúng ta cố gắng sống một đời sống thánh khiết không phải để có thể được nhận biết là “dân thánh”, nhưng để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúng ta sống trước mặt Ngài một cách công khai và thành thật, chẳng giấu điều gì, chẳng sợ điều gì.

Trong nhiều năm, tôi đã treo lên tường tấm bảng ghi lại điều mà tôi đã học được từ A.W.Tozer: “Biết Đức Chúa Trời là một điều vừa dễ nhất vừa khó nhất trên đời.”

Biết Đức Chúa Trời và trở nên càng giống Ngài là điều dễ nhất trên đời, vì Đức Chúa Trời thuộc về chúng ta và ban cho chúng ta mọi sự giúp đỡ có cần để chúng ta đạt được mục tiêu. Nhưng đó là điều khó nhất vì hầu như mọi sự trong chúng ta và

quanh chúng ta đang chống lại chúng ta, và chúng ta phải thực hiện một quyết định thánh khiết để chạy cuộc đua và để mắt mình nơi Chúa (He 12:1-3).

Nhưng điều đó có thể thực hiện được, nếu không, Đức Chúa Trời đã không bao giờ phán đến tám lần trong Lời Ngài rằng: “Hãy nên thánh vì ta là thánh!”

Điều răn của Ngài là lời hứa về điều Ngài có thể giúp chúng ta làm được.

Hãy nên thánh!